

Tác Giả và Tác Phẩm

Nhất Linh (IV)

Chân dung Nhất Linh
Nguyễn Mạnh Côn & Thế Uyên

Tập hồi ký



Mục Lục

Bùi Khánh Đản - Khóc bạn - 2
Nguyễn Hữu Phiêm - Nhớ về Nhất Linh - 5
Nguyễn Mạnh Côn - Vĩnh quyết Nhất Linh - 16
Nguyễn Tường Thiết - Niềm vui chết yểu - 21
Thế Uyên - Người bác - 29
Tường Hùng - Người chú - 43
Mẹ tôi kể về Tự lực văn đoàn - Nghiêm Đa Văn - 48

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Lời nhà xuất bản



Nhân ngày giỗ tất cố văn sĩ Nhất Linh, chúng tôi hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc tuyển tập *Chân dung Nhất Linh*, gọi là thấp một nén hương thành kính dâng lên hương hồn người đã khuất.

Chân dung Nhất Linh gồm những nét phác hoạ ông như một người bạn, người anh, người cha, bác, chú, và như một người dẫn đường cho thế hệ đi sau.

Phần lớn những bài in trong tập này trước đây đã được đăng báo. Những số báo đó nay đã trở thành hiếm có. Chúng tôi thiện nghĩ việc làm của chúng tôi sẽ không là một việc thừa: nó sẽ cung ứng cho bạn đọc một số tài liệu cần thiết để tìm hiểu thân thế và sự nghiệp của một nhà văn đã có một vị trí rõ ràng trong văn học sử: một nhà văn mà tên tuổi chắc chắn sẽ còn được nhắc nhở tới nhiều trong mai hậu.

Tạp chí *Văn*

Bùi Khánh Đản Khóc bạn

Qua hai cõi, nếu giờ đây tôi còn có thể nói gì với anh thì chỉ là những cảm nghĩ tự đáy lòng: thương anh thì ít, nhưng giận anh lại rất nhiều. Tôi không giải thích được rõ ràng tại sao, nhưng chỉ biết đó là những cảm nghĩ rất chân thật, rất tự nhiên, đã rung động lòng tôi không dứt. Trong cái bàng hoàng lúc nghe tin anh đi, tôi cứ vò đầu bứt tai, dằn vặt mãi với câu nói thốt ra một cách bực tức giữa đôi hàng nước mắt dàn dụa: “Vô lý quá! Thật là vô lý! Sao lại đi? Ủ, sao lại có thể đi thế?”. Tôi không bao giờ muốn hỏi: “Tại sao anh đã đi?”. Tôi bất cần những lý do “ngoại lai”, vì nếu tôi đặt bất cứ một câu hỏi gì ngoài cái mật thiết giữa anh và tôi, tôi lại sợ nó giảm đi phần nào cái rung động tự nhiên ấy. Tôi cần gì phải tự an ủi: như thế là tròn, là đạt, là cao khiết, dễ nhẹ bớt nỗi đau, cũng như tôi không cần phải lý luận như: quốc gia thiệt công dân gương mẫu, anh em mất người hướng dẫn cao cả, gia đình thiếu người chồng người cha thân mến v.v... để tạo thêm những nỗi niềm chua xót đắng cay. Những chua xót phát sinh bởi các sự kể lể ấy, tôi thấy nó có phần nào không xứng đáng với chân thành. Tôi giận, vì anh đã tính toán kỹ quá, nhưng chỉ về một mặt bản thân và xã hội còn quên hẳn mặt tình cảm đối với gia đình và bè bạn, trong đó có tôi. Mất anh, tôi giận lây cả đến các công cuộc suy tôn tử hậu, cả đến sự sùng bái anh hùng liệt sĩ mà tôi cảm như những cái gì giả tạo trừu tượng, đâu có thể đánh đổi được sự tha thiết gần gũi một kẻ mến yêu. Sùng bái anh hùng! Dù muốn dù không tôi vẫn phải nghĩ đó là những trò người sống với công dụng mang tính cách câu chuyện mua ngựa chết của

kẻ xưa. Người ta đã mua đất xác một con ngựa để mong có những ngựa quý bốn phương đem lại bán. Kể cả lịch sử nữa thì lịch sử cũng chỉ để cho người sống đọc, anh ơi. Anh có quan niệm chết là gì không? Là cả một cái vực sâu vô cùng tận, là một “sự không” lớn hơn hết các “sự không”, là xoá mình trong vạn cổ để rơi vào một cõi bao la vô tận, mệnh mông hơn cả vũ trụ mệnh mông. Vậy mà anh đã đi vào đấy! Vợ anh, con anh, bạn anh và tôi không thể tưởng tượng là trên cái ghế nằm từ nay sẽ không thấy anh, cái tủ thuốc trơ ở đó, những bao thuốc xanh bán đầy đầy mọi nơi sẽ không có anh mua nữa! Vài bộ sách tàn tạ – ôi mĩa mai, những gì còn sót lại của một cuộc đời văn chương soi sáng cho nền quốc học – rồi ai sẽ đọc đây? Không! Không thể thế được! Không ai dám nghĩ là anh đã mất hẳn. Tất cả những cái gì ràng buộc giữa người thân đâu phải là sự nghiệp cao cả là danh tiếng huy hoàng..., mà chỉ là những cái vật vãnh trong cuộc sống, những cái gì tuy vô nghĩa nhỏ nhoi nhưng lại mang những giá trị tâm tình rất lớn. Tôi nhất định quên anh ở địa vị cách mạng, chính trị và văn chương, mà chỉ nhớ tới một con người mang những nét phong sương dầu dãi, cặp mắt thường chìm giữa muôn vạn ưu tư, đôi lông mày rậm với bộ râu mép ít khi cắt sửa... Nụ cười dịu dàng hiền hậu không-bao-giờ và cũng không-thể-bao-giờ tắt được. Trong cái thời kỳ đen tối của thế sự, sống với nhau những thời gian đau buồn ngắn ngủi, anh và tôi đã hết sức tránh không muốn đề cập tới những thắc mắc ưu ái xa xôi mà chúng ta coi như những vết thương lòng ghê gớm không nên động tới. Thằng hoặc lúc đàm đạo có vô tình đưa tới vấn đề ấy, tức thì cả anh lẫn tôi như chợt tỉnh và tìm ngay những chuyện khác để che đi. Cái lần ngẩng lên thấy đôi cuốn sách trinh thám bỏ góc nhà, tôi đã vội hỏi một cách vu vơ: “Anh thích Simenon hay Peter Cheyney?”. Và anh cũng trả lời vu vơ không kém: “Agatha Christie hơn cả”. Những câu chuyện “bình phong” đó thấm cảm lòng hai người nhiều lắm. Tôi bỏ về phòng để phục xuống rằm rứt, lát sau nghe tiếng chân anh nhẹ tiến vào, nhìn rồi khẽ khép cửa đi ra. Chuyện ấy mới xảy ra hôm qua, không, ngay hôm nay, ngay trước mắt tôi hiện giờ, tôi quên sao được. Cũng như tôi không quên một đêm trừ tịch năm nào ở cao nguyên, sau hàng giờ ngồi với nhau không nói, tôi cùng anh đánh xe vào rừng chơi, giữa cái giá buốt của ngoại cảnh và nội tâm. Vẫn những nỗi ưu tư đồng tính làm hai ta không thốt nên lời, mãi sau khi qua bốn quãng đường đèo anh mới nói: “Có loại lan rừng chỉ về đêm mới tỏa hương thơm”. Thế là xe tìm lối nhỏ để thâm nhập ngàn sâu. Chúng ta bỏ xe, và do anh dẫn đạo, vạch lá tìm đến những “vườn” lan thiên nhiên của anh trong rừng thẳm. Sau một thôi đường dài vất vả, tôi với anh dừng chân giữa một mùi hương kỳ ảo, vật vờ nhẹ nhẹ, phảng phất xa gần. Tất cả những gì quanh tôi bấy giờ đều thành linh vật, từ lá cây ngọn cỏ, mô đá vòm sao, và trong đám ấy có những “nàng lan” vô hình, đã chung hợp với chúng ta để chia dòng thông cảm...

Giờ đây, mỗi khi đọc lại câu thơ:

*Nhớ khi ném bút, quên tin tưởng
Lửa đốt rừng hoang, tôi với anh.*

tôi lại ngửi thấy mùi hương cũ, lại trông thấy nét mặt suy tư của anh qua ánh lửa rừng giữa cái cảnh giá lạnh của “nửa đêm đông và nửa đêm xuân”.

Tôi đã nói những ràng buộc tha thiết của tôi với anh chỉ là những cái vật vãnh nhỏ nhặt không đâu. Kể cả các kỷ niệm khác, các chuyến đi khác, đến nay tôi đều quên hết mục đích và dự định mà chỉ còn lưu lại những hình ảnh nhỏ, những hành động tự nhiên, bất kỳ ở bờ biển sườn non hay trên dòng sông lộng gió. Tôi rất thèm cái tình nặng của những bạn khác đối với anh, dù chỉ trong nghĩa “đạm nhược thủy” mà sau khi anh đi, cũng thấy chửa chan hàng mươi năm kỳ báo. Tôi cũng thèm cả cái nghĩa lớn cả một số anh em cùng hướng, dù cả đời chỉ đôi lần “đối diện đàm tâm” mà cũng có thể tiễn anh bằng những lời thống thiết rung cả vạn tấm lòng trong những buổi truy điệu uy nghiêm. Còn tôi, với mối tình rất đàn bà, lại thấy thù ghét những cái vòng xích tàn nhẫn của đời nó đã lôi cuốn đến mất anh. Tôi tưởng chừng như con đường quá

vãng đã đưa chúng ta vào làm lạc, vì chúng ta không hiểu được nghĩa “sát-na” của đạo Phật mà đánh giá khác biệt giữa sự nghiệp chỉ huy muôn người của một ông tướng với công việc cày mảnh ruộng nhỏ của một nông phu nuôi cả gia đình. Phải chăng ta không nên quan trọng chuyện đời theo tầm lớn nhỏ mà chỉ nên đo giá trị bằng mức độ thành tâm?

Ngày nay:

*Vũ Hán Tô Châu, chuyện cũ rồi
Ván cờ thành bại, thế nhân ôi.*

tất cả các việc xưa đều đi vào cõi mộng. Còn cái gì thực, có chăng chỉ là cái ghế không người nằm, cái tẩu thuốc không người hút, vài cuốn sách không người đọc và đôi vòng khăn trắng trên đầu vợ con anh. Còn cái gì thực, có chăng chỉ là sự mất anh. Có lẽ tôi gàn, không truy niệm sự nghiệp anh bằng những danh từ lớn. Nhưng tôi e ngại, cho đó là công việc tạo tác tình cảm, vả lại như trên đã nói, tôi muốn rất chân thật chỉ nói lên những tâm tư phản ứng trực tiếp trước sự mất anh. Nếu được bắc đồng cân đánh giá thì tức khắc tôi thấy ngay sự sống của anh còn cần hơn muôn lần thêm danh tiếng.

Vì đôi ý đó mà tôi giận anh. Bữa đưa anh lần cuối, tôi thăm lặng đi sau, chưa chắc đã phải là tiễn anh, nhưng là theo dõi để bực tức cùng anh. Rồi sau đó, tôi xuống mộ, cũng không phải để viếng mà là để “cãi nhau” với anh. Sao anh lại đi? Sao anh lại có thể đi như thế? Nếu cách mạng là cái nghiệp chung đi nữa, thì sao anh không nghĩ là phải làm vì người sống, cho người sống, và lẽ cốt yếu vẫn là: anh phải sống!

Khóc anh, tôi không muốn làm thơ, vì tự thấy bất tài không tìm được những câu tuyệt bút để nói hết tâm tình bi thiết, và nếu gượng gạo thì nỗi niềm sẽ bị gọt dũa thêm bớt, mất hết chân thành. Nhân chuyện hiển linh của một bồ tát trên ngọn chân hỏa, tôi được đọc những bài thơ nhiều đoạn hay, nhưng rất tiếc lại kèm theo những đoạn mà kỹ thuật khắc khổ đã đem vào những tâm tình giả tạo gượng ép làm chết cả thơ. Nếu tôi đã xót xa vì tiếng khóc nàng Kiều:

*Ôi Kim Lang, hỡi Kim Lang
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.*

thì tôi cũng rất khó chịu với những câu gọt dũa giả tạo:

*Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi.*

hoặc với câu đối khóc vợ:

*Đất chẳng phải chồng, đem gửi thịt xương sao đặng
Trời mà mất vợ, thử xem gan ruột mần răng.*

Có lẽ khi làm xong câu này, tác giả đã rung đùi thú vị tự đắc với mấy chữ đối tài tình mà quên hẳn hồn vợ hãy còn phảng phất bên linh vị.

.....

Một năm qua rồi. Đã bao lần đêm đêm tôi ngồi dậy để thấy lòng nao nao như người bị hối hận vì mang một mặc cảm tội lỗi không thể tha thứ trong sự vĩnh quyết của anh, vì có đôi lần bạn G. cho biết: do một bài thơ thúc giục mà anh đã bỏ vườn lan cao nguyên để trở lại văn đàn, và từ

chỗ đó dần dần đến sự chia biệt ngàn thu. Anh ơi, tôi không chối cãi cái tội mà tôi coi như một vinh dự ấy, nhưng thật ra tôi đâu có xứng. Tôi tin tấm lòng hoài bão trở lại văn đàn, anh đã đeo nặng từ lâu, đó là lẽ tất nhiên của con người mang một thân thể như anh. Nếu có chút khích động nào để anh cả quyết thực hành ý định thì đôi lời thơ cũng chỉ như giọt cuối cùng làm tràn ly nước đã đầy.

Hôm qua đây, nhân ngày giỗ đầu của anh, trước bàn thờ nhỏ trong một ngôi chùa vắng ở ngoại ô, tôi lại được nghe chị bảo: “Tại anh đấy! Nhà tôi trở lại làm báo chỉ vì câu thơ:

*Say sưa chi mấy tình vương giả
Mà để lòng quên nợ bốn phương.*

Qua màn nước mắt, tôi lặng nhìn di tượng của anh mập mờ trong cảnh âm u của Phật đài, không đáp thẳng chị, tôi nghẹn ngào thốt được một câu: “Tôi bực lắm! Tôi giận anh lắm, chị ơi!”.

Nguyễn Hữu Phiếm Nhớ về Nhất Linh

Người ta đã viết và nói nhiều về Nhất Linh trong khi anh còn sinh thời cũng như sau khi anh mất.

Viết hoặc tổ chức những buổi nói chuyện để đề cao một chiến sĩ cách mạng quốc gia đã noi gương Thượng toạ Thích Quảng Đức, tự huỷ mình để chống lại một chế độ bạo tàn, để “cảnh tỉnh những con người ác, làm đèn soi sáng nẻo vô minh”, hoặc để đề cao một văn hào lỗi lạc, “một ngôi sao Bắc đẩu trong nền văn hoá Việt Nam”, suốt đời chỉ biết phụng sự văn hoá, vì theo Nhất Linh, chỉ có *văn mới làm cho đời người đẹp hơn và đáng sống mà thôi*.

Cũng có khi viết hay nói về Nhất Linh cốt để tự đề cao mình lên, và theo tôi, cái đó cũng không lấy gì làm lạ, vì như văn hào Duhamel đã viết: “Khi một người có danh tiếng nằm xuống thì có biết bao nhiêu người tự nhận là bạn thân của người đó xuất hiện”.

Nói cho đúng ra, Nhất Linh có rất nhiều bạn – ngoài một số đồng độc giả mến tài anh qua những tác phẩm của anh – vì ai đã gặp anh không thể không quý anh được. Nhưng trong mấy năm gần đây, nhất là từ sau ngày đảo chính huyệt 1-11-1960, anh bị chính quyền Ngô Đình Diệm lùng bắt, nhiều người xa lánh anh, cũng như anh, không muốn cho ai vì mình mà phải liên lụy, cũng chỉ lui tới nhà một thiểu số bạn, rất thân của anh, trong đó có kẻ viết bài này.

Có người cho rằng, dù cho có giao du với Nhất Linh thì đã sao, nhất là trong trường hợp tôi, vốn quen biết anh từ lâu, lại là thầy thuốc của gia đình anh nữa; nhưng theo tôi, phải sống dưới chế độ độc tài, như chế độ họ Ngô, mới thấy rằng người dân không có quyền gì hết đã đành, lại không có cả cái quyền chơi với bạn nữa, nhất là khi người bạn đó lại đứng về phe đối lập như Nhất Linh. Nếu không tất sẽ bị khủng bố, và nếu là một công chức, sẽ bị sa thải, “nồi cơm sẽ bị bẻ” như ta nói. Điều bi đát này, chính tôi đã được tai nghe một cựu công chức cao cấp của Ngô triều thuật lại.

Ở đây, tôi chỉ ghi những gì tôi biết về Nhất Linh trong những giờ phút cuối cùng của anh. Trước hết, tôi dám quả quyết là Nhất Linh đã sắp đặt, ít nhất là một tuần lễ trước, cái chết của mình. Bằng cứ là ngày 30-6-1963, anh tới dự buổi họp của Trung tâm Văn Bút mà trước đó anh là chủ tịch, không phải vì văn hoá, mà chỉ cốt để gặp mặt một lần chót các văn hữu của anh trước

khi bước sang bên kia thế giới.

Riêng một cử chỉ, “mối tình chân thành” đó cũng đủ cho chúng ta quý mến Nhất Linh rồi.

Ở Trung tâm Văn bút ra, Nhất Linh có ghé lại thăm tôi, nhưng tiếc rằng hôm ấy tôi đi vắng.

Chủ nhật sau, nhằm ngày 7-7-1963, Nhất Linh lại tới vào buổi sáng hồi 10 giờ. Tôi đang ngồi trong phòng ăn bỗng anh lặng lẽ đi vào. Vẫn con người dong dỏng cao ấy, vẫn vàng trán rộng và thông minh ấy, với đôi mắt tuy tinh anh, sáng quắc nhưng đượm một vẻ buồn khó tả. Phải chăng, tôi nghĩ bụng, anh buồn vì ngày mai anh sẽ phải ra toà để toà xử về vụ đảo chính ngày 11-11-1960?

Anh mặc rất đơn giản, không khác gì mọi bận anh lại thăm tôi: sơ-mi trắng dài tay, hờ cổ, quần tây màu xanh thẫm, và chân đi giày – vẫn đôi giày duy nhất ấy – cũ kỹ đến nỗi không nhận được ra màu gì nữa. Nhất Linh lười mặc lẫn lười ăn, lười uống... thuốc; trái lại, anh rất chăm làm việc, nhất là chăm đọc, chăm viết. Chả thế mà chỉ trong có ba tháng trời, trong khi anh lần trốn, mà anh còn viết, viết một mạch xong ba cuốn *Dòng sông Thanh Thủy*, rồi lại vẽ, lại sửa bản thảo trước khi đưa in...

Cho hay, khi đời sống nội tâm của con người ta dồi dào, phong phú thì tất cả những gì thuộc về ngoại vật, đều không đáng kể. Đó là trường hợp của Nhất Linh.

Như trên vừa nói, Nhất Linh lại thăm tôi vào buổi sáng hôm 7-7-1963. Anh giơ tay bắt tôi. Chúng tôi im lặng nhìn nhau. Tôi đợi anh ngồi xuống ghế mới cất tiếng hỏi thăm về sức khoẻ của anh. Anh khẽ gật đầu, và hai mắt chớp chớp như mọi bận.

Tôi ngập ngừng đề cập tới việc hôm sau anh ra toà thì anh lạnh lùng nói:

"Ông Diệm đã bảo xếp việc này đi rồi không hiểu tại sao lại còn moi ra."

Tôi nói để cho anh yên lòng:

"Chắc chỉ để khủng bố tinh thần các anh mà thôi."

Rồi tôi nói một câu tiếng Pháp: "Leurs jours sont comptés" (Ngày tàn của chúng cũng đến nơi rồi).

Vợ tôi đứng gần đấy hỏi anh:

"Mai ra toà anh sẽ khai ra sao?"

"Chị cứ yên trí, anh đáp, tôi sẽ không nói gì hết, y như ông giáo sư ở trong phim *Jugement à Nuremberg* khi ra toà ấy."

"Không sao đâu, chiều mai chúng tôi sẽ xuống thăm anh."

"Anh chị lại không gặp tôi đâu."

Thú thật, khi nghe Nhất Linh nói câu đó, với một giọng bình thản vô cùng, tôi chỉ có thể đoán được rằng, có lẽ hơn ai hết, anh biết rõ tội trạng (!) của anh, yên trí sau phiên toà anh sẽ bị kết án, chứ tôi không ngờ rằng anh nói với ẩn ý là anh sẽ quyên sinh, không chịu để cho toà xử.

Đang lúc tôi còn phân vân không biết nói gì với anh thì vợ tôi nói:

“Dẫu có thể nào thì chúng tôi vẫn luôn nhớ tới anh, vẫn coi anh như người anh cả.”

Câu chuyện giữa anh và vợ chồng tôi, đáng lẽ còn kéo dài, nhưng thấy tôi có khách, anh vội đứng lên và nói rất nhỏ nhẹ:

“Tôi đến để từ biệt anh chị.”

Khi ấy vào khoảng 11 giờ. Chúng tôi tiễn anh ra cửa, và hai chúng tôi còn đứng trên vỉa hè để đợi tắc-xi trên 10 phút, lặng lẽ cầm tay nhau, không ai nói với ai một câu, mỗi người có một ý nghĩ riêng, mỗi người có một mối buồn canh cánh bên lòng. Nhưng thú thật là khi ấy, tuyệt nhiên trên nét mặt của Nhất Linh, tôi không hề nhận thấy một dấu hiệu nhỏ nào cho biết chỉ trong vài tiếng đồng hồ nữa, anh sẽ xa lánh cõi trần, xa tất cả mọi người thân yêu của anh để đi vào lịch sử.

Tôi có thể nói tôi là người bạn cuối cùng mà anh đã hạ cố lại thăm trước khi mất.

Ngay buổi chiều hôm ấy – vào khoảng 5 giờ – chúng tôi, có lẽ do linh tính thì phải, dang bàn nhau xuống An Đông thăm anh, bỗng có anh bạn của Nhất Linh và của tôi, anh K. xồng xộc chạy vào, với nét mặt hốt hải. Tôi đoán là có việc chẳng lành đã xảy ra cho anh Tam. Quả nhiên, anh bạn đó tới để báo tin anh Nhất Linh đã quỵ sinh và hiện đang mê man, anh yêu cầu tôi xuống gấp.

Mười phút sau thì chúng tôi tới An Đông. Gặp chị Nhất Linh ở dưới nhà, tôi không kịp chào hỏi, cứ cắm đầu chạy thẳng lên thang.

Thoáng nhìn nét mặt và nghe hơi thở của anh, rồi bắt mạch, tôi biết ngay là anh đã quỵ sinh với thuốc ngủ, mặc dầu lục lọi chung quanh chỗ anh nằm không tìm thấy một viên hay một ống thuốc nào. Khi người ta đã cố tình tự vẫn thì không khi nào để lại một vết tích gì và không chết bằng cách này thì cũng chết bằng cách khác, đó là cảm nghĩ của tôi khi đứng trước Nhất Linh.

Tuy nhiên tôi vẫn phải làm phận sự của người thầy thuốc, vẫn phải chích cho anh một mũi thuốc hồi sinh, rồi cấp giấy giới thiệu với Bệnh viện Grall để anh được vào nằm điều trị.

15 phút sau tôi cũng tới bệnh viện, vừa lúc bác sĩ thường trực đến. Chúng tôi thảo luận với nhau một hồi về bệnh tình, có vẻ trầm trọng của bạn tôi.

Đồng nghiệp của tôi lắc đầu thất vọng, và nói: “C'est foutu!”.

Ông ta toan cho đưa anh xuống “Nhà xác”, nhưng thấy tôi khấn khoản quá ông đành ưng thuận cho lên nằm trên phòng bệnh để “còn nước còn tát”.

Mặc dầu có bao sự tận tâm săn sóc, Nhất Linh cũng trút hơi thở cuối cùng trong đêm hôm đó. Anh đã được toại nguyện, đã được chết ngày 7-7-1963 là ngày “song thất” của kẻ đã phản dân hại nước.

Trong suốt thời gian nằm trong bệnh viện, anh vẫn mê man không lúc nào tỉnh cả.

Tâm trạng của tôi, vừa là bạn, vừa là thầy thuốc của anh, tối hôm đó, thật rối bời bời, và vô

cùng phức tạp. Một mặt, tôi cầu chúc cho anh được tai qua nạn khỏi, mặt khác, lại lo ngại, lo ngại lỡ ra anh sống, biết đâu mình chẳng đắc tội với anh vì đã làm trái với chí nguyện của anh chỉ mong được chết để chống lại những kẻ “chà đạp lên mọi thứ tự do”.

Nào chỉ có những ý nghĩ vẩn vơ ấy mà thôi! Trong khi anh mê man, nằm thoi thóp trên giường bệnh, chúng tôi – mấy con anh Nhất Linh và một anh bạn – bàn tính với nhau để giấu tờ di chúc chính trị do chính tay Nhất Linh viết làm hai bản, rồi trao cho phóng viên của hai tờ tuần báo *Time* và *Newsweek*, theo lời trối trăng của anh.

Tôi còn nhớ mãi cuộc thảo luận tối hôm đó ở ngoài hành lang bệnh viện, đối diện với gian buồng bệnh của anh, chung quanh bản di chúc quan trọng đó. Chúng tôi nhất định không để lọt mảnh giấy học trò kia vào tay nhà chức trách. Tôi căn dặn mọi người là nếu họ có hỏi tra thì chỉ đưa ra hai tờ di chúc: một gửi cho bạn bè thân thuộc, và một gửi cho chị Nhất Linh.

Trong tờ di chúc thứ nhất vắn vắn có mỗi một dòng:

Vĩnh biệt tất cả mọi người thân yêu.

Tờ di chúc thứ hai, gửi cho chị Nhất Linh, cũng chỉ vắn tắt hai dòng:

Mình,

Mối tình của đôi ta đẹp để lắm rồi. Mình không còn mong muốn gì hơn nữa.

Ở đây tôi thấy cần ghi là chính bà Nhất Linh cũng không rõ nội dung của tờ di chúc chồng gửi cho mình, vì sau khi được tin Nhất Linh từ trần, nhà chức trách đã tịch thu hết các giấy tờ – trừ bản di chúc chính trị nói trên – và không chịu trả cho thân nhân anh. Cho đến mãi hai tháng sau ngày đảo chính 1-11-1963 mới đòi lại được.

Cũng trong cái đêm lịch sử ấy, chúng tôi bàn nhau để loan tin Nhất Linh tự vẫn cho các bạn đồng chí của anh, hôm sau phải ra toà, ngõ hầu gây một xúc động lớn tại toà án.

Quả nhiên sáng hôm sau 8-7-1963, tin Nhất Linh tự huỷ mình để chống lại chính quyền lan đi rất mau khác nào một vệt thuốc súng, khiến cho dư luận các giới, nhất là giới trí thức, sinh viên, xông xáo, bàn tán, và ngay cả chính quyền cũng phải sửng sốt hoang mang.

Bản án của Nhất Linh đương nhiên bị huỷ bỏ, còn đối với các chính trị phạm sắp bị xử, toà có một thái độ bất ngờ. Đáng khen, theo lời tường thuật của một ông bạn tôi cũng bị đưa ra xử hôm đó, là cử chỉ can đảm của ông Phan Khắc Sửu, đã đứng ra xin toà cho một phút để mặc niệm Nhất Linh. Dĩ nhiên là toà không cho phép, nhưng không vì thế mà không có phút mặc niệm kia.

Chả bù cho thái độ trái ngược hẳn của một chính khách, thường được nhiều người coi như một nhà cách mạng, khi nghe thấy một số đồng phạm nhân đề nghị đeo băng đen để tang Nhất Linh, bèn từ chối đầy đặn và thốt lên câu nói bất hủ này:

“Thôi mà, bày vẽ để tang làm gì họ lại phết thêm cho vài năm tù nữa chả bỏ.”

Nghĩ mà buồn và thương hại thay cho những hạng người thường vố ngược là đồng chí của Nhất Linh.

Cái chết của Nhất Linh đã gây nhiều bối rối cho chính quyền Ngô Đình Diệm, nhất là cho vợ

chồng Ngô Đình Nhu, lồng lộn lên như con thú dữ. Chúng sợ người sống đã đành, chúng sợ và thù ghét cả người chết nữa, những người chết càng kèn (les morts encombrants) như chúng tôi nói.

Trước kia chúng sợ cái chết của Thượng toạ Thích Quảng Đức, ngày nay chúng sợ cái chết của Nhất Linh, không những vì Nhất Linh là một chiến sĩ cách mạng quốc gia có rất nhiều uy tín ở trong nước cũng như ở ngoại quốc, mà lại còn là một văn hào có tên tuổi, được giới thanh niên, trí thức mến chuộng.

Tôi dám nói, không sợ nói ngoa, là từ lúc Nhất Linh nằm xuống cho tới khi đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng ở Nghĩa trang Gò Vấp, chính quyền Ngô Đình Diệm đã mất ăn mất ngủ, và tìm mọi cách để phá.

Bằng cứ là ngay sau khi anh mất, họ ra lệnh làm một cuộc phẫu nghiệm tử thi (autopsie), mặc dầu không có sự ưng thuận của gia đình.

Tất cả là 12 người có mặt trong buổi phẫu nghiệm ngay hôm 9-7-1963, tại nhà xác của Bệnh viện Grall: 7 bác sĩ, trong đó có một bác sĩ giải phẫu ngoại kiều của Grall, hai nhân viên Sở Giáo nghiệm, một viên phó cảnh sát, hai biện lý và phó biện lý của Tòa án Sài Gòn.

Dưới đây là kết luận của bản phúc trình pháp y về cuộc phẫu nghiệm đó:

“Với những phương pháp khám nghiệm thông thường tại chỗ, không thấy thi hài có triệu chứng nào có thể giải thích cái chết mau chóng của Nguyễn Tường Tam, cần chờ xem kết quả việc tìm kiếm do các phòng và viện giáo nghiệm”.

Nào chỉ có phẫu nghiệm tử thi mà thôi! Theo lời của một người trong gia đình anh, có lần chúng toan cướp cả xác của anh, định đem ra khỏi Grall, nhưng ban giám đốc bệnh viện không chịu.

Riêng về phần tôi, cũng vào buổi sáng hôm thứ ba 9-7-1963, chính quyền cử một nhân viên công lực tới nhà để hỏi tôi những chi tiết về cái chết của Nguyễn Tường Tam, trong trường hợp nào tôi quen anh v.v...

Sau đó ít lâu, lại một nhân viên khác của Sở Giáo nghiệm tới tìm tôi ở Viện Pasteur để hỏi xem có biết ông Nguyễn Tường Tam đã dùng thuốc gì để quyền sinh không.

Tôi không trả lời thẳng câu hỏi của người ấy mà chỉ cho biết là ông Tam, hồi trẻ, đậu cử nhân khoa học, và như vậy, ông thông thạo hơn ai hết về các chất hoá học. Huống hồ, ông lại còn là một nhà văn, và từng đọc rất nhiều truyện trinh thám (mỗi lần Nhất Linh đi qua đại lộ Lê Lợi là anh khuân hàng chục cuốn sách trinh thám, và anh đọc ngấu ngiến trong một đêm là hết), nhất là đã từng viết trong tác phẩm cuối cùng là *Dòng sông Thanh Thủy*, cả một chương về một vụ đầu độc. Như thế thì tôi, mặc dù là thầy thuốc, làm sao mà biết được ông đã dùng thuốc gì để quyền sinh?

Sự thật là như thế!

Sau này, theo bản phúc trình của một phòng thí nghiệm công gửi cho Tòa án Sài Gòn, tôi mới rõ là người ta đã tìm thấy ở trong máu, trong bao tử, và trong nước tiểu rất nhiều chất thuốc ngủ, loại *véronal*.

Nhất Linh đã mua và tích trữ thuốc này từ bao giờ, ngay đến những người thân thích của anh

cũng không hay biết.

Nhưng gay go nhất là việc định ngày để cất đám Nhất Linh.

Gia đình anh xin phép đưa vào buổi sáng chủ nhật, nhưng chính quyền một mực từ chối, cái đó dễ hiểu, vì họ sợ đưa đám ngày nghỉ, thiên hạ sẽ đi dự rất đông.

Xin phép đưa chiều thứ bảy, họ cũng từ chối nốt, vì chiều thứ bảy, cũng là ngày nghỉ của các công sở. Họ chỉ ưng thuận, hoặc sáng thứ bảy, đúng 8 giờ rưỡi, hoặc sáng thứ hai. Đành phải bằng lòng sáng thứ bảy vậy.

Lại còn một điều này nữa khiến cho chị Nhất Linh băn khoăn rất nhiều là việc làm lễ cầu siêu cho anh ở chùa Xá Lợi.

Kẻ bàn ra người tán vào, phần đông không muốn làm lễ ở Xá Lợi, vì đạo ấy như mọi người đều rõ, chùa Xá Lợi dưới con mắt của chính quyền Ngô Đình Diệm, khác nào một cái gai trước mắt họ, là nơi công khai chống lại họ thì làm lễ tại đó, tức là khiêu khích họ.

Tôi còn nhớ mãi nét mặt rầu rầu của chị Nhất Linh buổi trưa hôm thứ tư 10-7-1963 đó, và vì thấy chị buồn thảm quá nên tôi đã không ngần ngại đứng về phe chị để yêu cầu cho bằng được nhà chức trách cho phép làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi. Tôi bảo với chị:

"Nếu họ từ chối thì chị cứ viện lý do tôn giáo ra họ phải chịu. Quả nhiên Bộ Nội vụ và Toà Đô sảnh Sài Gòn – sau khi xin chỉ thị của phủ Tổng thống – bằng lòng cho làm lễ cầu siêu tại chùa Xá Lợi."

Nhưng chúng ta còn lạ gì chính quyền Ngô Đình Diệm, luôn luôn có thái độ ngoan cố, tuy rằng cho phép đây nhưng cho phép miễn cưỡng, cho phép để che mắt thế gian, để tỏ ra mình dân chủ, tôn trọng tự do tín ngưỡng, nhưng kỳ thực vẫn tìm đủ mọi cách để ngăn cản.

Tôi tuy là người ngoại cuộc, nhưng trong việc này tôi đã có đủ bằng chứng về những cuộc vận động hoặc áp lực của chính quyền để cho buổi lễ cầu siêu kia không thể thực hiện theo yêu mến của gia đình Nhất Linh được.

Tôi còn nhớ buổi chiều hôm thứ sáu 12-7-1963, hai vợ chồng tôi sắp sửa vào Grill để dự lễ khâm liệm cho anh bỗng có ba nhân viên công lực quận Ba, nhân danh ông Đô trưởng và ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ đến tìm tôi để yêu cầu tôi can thiệp với bà Nhất Linh đừng làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi.

Tôi trả lời họ rằng tôi không có tư cách gì cả để can thiệp, vì đối với gia đình ông Nhất Linh, tôi chỉ là bạn mà thôi. Nhưng mấy người đó cho biết là bà Nhất Linh "chỉ nghe lời bác sĩ, và bác sĩ chỉ nói cho một tiếng là được".

Tôi đánh trống lảng và lại còn nửa đùa nửa thật bảo họ:

"Thì các ông cứ việc ra lệnh cấm cho rồi hà tất phải cho phép."

"Chính phủ đâu có cấm tự do tín ngưỡng."

Những điều dự đoán của tôi thật quả không sai.

"Tôi không hiểu tại sao các ông lại không muốn cho tang quyến làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi? Gia đình ông Tam, theo chỗ tôi biết, vốn theo đạo Phật từ lâu, bà cụ thân sinh ông ta, xưa kia vẫn là một vị tu hành, và sau khi mất đi vẫn để thờ tại đây thì nay đến lượt ông Tam, làm lễ cầu siêu ở Xá Lợi tôi nghĩ đó là một việc rất thường vậy."

"Chúng tôi được tin mật cho biết Việt cộng định khủng bố, nên có bồn phạn phải giữ gìn an ninh trật tự."

Họ đã viện ra lý do đó thì còn biết nói năng gì nữa? Để chấm dứt tôi hứa sẽ can thiệp với bà Nhất Linh, nhưng được hay không, tôi không dám chắc.

Khi vợ chồng tôi tới Grall thì lễ nhập quan đã cử hành xong rồi, chúng tôi rất tiếc và ân hận vô cùng.

Tại Grall, tôi lại được chứng kiến một vụ can thiệp nữa không ngoài mục đích trên.

Trong hai vị sứ giả của Bộ Nội vụ và Toà Đô sảnh Sài Gòn cử đi để điều đình, có một bạn đồng nghiệp của tôi. Có lẽ vì là chỗ bạn đồng nghiệp mà mặc dầu chưa được quen biết nên tôi mới hỏi ông ta bằng một câu tiếng Pháp:

"Pourquoi vous faites ce métier?" (Tại sao ông đi làm cái nghề này?)

Bạn đồng nghiệp của tôi hơi bẽn lễn đáp:

"Thiên lôi chỉ đâu đánh đấy, biết sao?"

Nghĩ tới những con người trí thức mà phải vì cơm áo sống dưới chế độ của nhà Ngô cũng thương hại thật.

Tôi cho ông ta hay chị Nhất Linh bởi quá thương chồng, nên đã mấy phen ngất xỉu, và nếu ông cứ trở lại vấn đề đó nữa, bà ta có mệnh hệ nào thì ông sẽ phải chịu trách nhiệm.

Chị Nhất Linh nghe nói thế càng được thể khóc to hơn, và ông bác sĩ nọ – nói cho đúng ra cũng là người biết điều, và nhất là có nhiều cảm tình đối với Nhất Linh – đành phải rút lui, sau khi đã ngỏ lời xin lỗi tang quyến.

Ở Grall về – vào khoảng 10 giờ khuya – tôi đã thấy 2 nhân viên khác của Toà Đô sảnh và quận Nhất, trong đó có một bạn đồng nghiệp (lại một bạn đồng nghiệp), đang đợi tôi ở trước cửa nhà. Họ tìm tôi cũng không ngoài mục đích nhờ tôi can thiệp bà Nhất Linh về buổi lễ cầu siêu, "muốn làm ở đâu cũng được, miễn đừng làm ở chùa Xá Lợi", nghe vẫn với một luận điệu như trên tôi trả lời tôi không có thẩm quyền để định đoạt. Cùng lắm là tôi sẽ yêu cầu với tang gia rút ngắn thời gian hành lễ ở chùa Xá Lợi mà thôi.

Hồi 11 giờ đêm tôi trở lại Grall thì gặp một tốp khác. Và lần này thì họ doạ nạt chứ không van lơn nữa.

"Chúng tôi vừa được tin Việt cộng sẽ khủng bố đám tang Nhất Linh, vậy tốt hơn hết là thay đổi lộ trình."

Rồi như để phân trần với mọi người, họ nói:

"Chúng tôi xin nói là Việt cộng định khủng bố chứ không phải là chính quyền đâu."

Có người trong tang quyển cất tiếng hỏi:

"Nếu là Việt cộng thì ở đâu mà chúng không khủng bố được, hà tất cứ phải ở chùa Xá Lợi?"

Cuộc vận động của mấy tai sai Nhu – Diệm, mặc dầu kéo dài gần tới ba giờ sáng, đã hoàn toàn thất bại.

Ở đây tôi cũng cần nói là trong suốt thời gian linh cữu của anh Nhất Linh quàn tại nhà xác, có ít ra hàng chục công an, mật vụ ngày đêm túc trực để theo dõi từng người tới viếng. Có khi họ còn hỏi thẻ kiểm tra, tra khảo lý lịch, đe dọa dẫn vào bót nữa, nhất là đối với các thanh niên, học sinh, sinh viên. Giới này được chính quyền để ý nhiều hơn hết hôm thứ bảy 13-7-1963, ngày đưa đám Nhất Linh.

Trên các ngã đường đưa tới bệnh viện Grall đều có rất nhiều cảnh binh, công an canh gác, chặn đường không cho vào bệnh viện, hoặc xua đuổi những ai lảng vảng gần đây.

Đã đến lúc chính quyền Ngô Đình Diệm bỏ rơi mặt nạ! Nhưng mặc dầu có rất nhiều công an, mật vụ ở chung quanh đám táng, chúng cũng không cấm nổi tang quyển treo ngay trên tường của căn nhà xác, và sau này đặt trên nóc xe tang, bức trướng thật to, viết chữ trắng trên nền đen, do các đồng chí của Nhất Linh kính điều.

Nguyên văn bức trướng đó như sau:

*Kính điều lãnh tụ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam
Thương thay đổi lập quốc gia
Mất cả tự do trong mấy lúc
Đối với thiếu thân Quảng Đức
Noi gương cảnh cáo giữa nghìn thu.*

*Các anh em đồng chí
7-7-1963*

Thật chẳng khác nào một ròi vọt vào mặt chính quyền vậy.

Công an và mật vụ của Nhu – Diệm nhiều thật đấy, nhưng chúng đâu có ngăn nổi các anh em sinh viên khiêng linh cữu Nhất Linh, từ nhà xác ra tận xe tang. Mấy bạn đó vừa khiêng vừa sụt sùi khóc, khiến mọi người đứng gần đấy cũng mũi lòng rơi lệ theo. Có người khóc Nhất Linh để thương tiếc một chiến sĩ quốc gia chống cộng, suốt đời tranh đấu cho tự do, dân chủ thể mà lại bị những kẻ đội lốt quốc gia bức tử. Hoặc khóc một văn hào đã có công lớn trong nền văn học nước nhà mà đến khi nằm xuống không được chính quyền ngỏ một lời phân ưu. Hoặc khóc một con người tài hoa, mặc dầu sống trong thử thách mà vẫn giữ một tâm hồn nghệ sĩ, và còn giữ cho đến khi nhắm mắt.

Thật thế! Không có một tâm hồn nghệ sĩ như Nhất Linh mà trước khi từ giã cõi đời, đôi mắt mỗi lúc một mờ dần, còn nói được một câu: "*Bầu trời hôm nay đẹp quá nhỉ!*" thì thiết tưởng, trong thiên hạ ít có người nghệ sĩ như anh.

.....

Đoàn xe tang đi qua các đường Mạc Đĩnh Chi, Phan Đình Phùng, Bà Huyện Thanh Quan, để

rồi ghé lại chùa Xá Lợi vào hồi 10 giờ 45.

Đám tang thật là đơn giản, nhưng vô cùng âm đạm, trang nghiêm. Khi khởi hành từ bệnh viện Grall, số người tham dự còn thừa thớt, nhưng dần dần mỗi lúc một đông. Phần nhiều là thanh niên, học sinh, sinh viên, giới trí thức. Có rất đông phóng viên, ký giả ngoại quốc, nam có, nữ có, có mặt trong đám táng để chụp ảnh hoặc để quay phim. Họ chịu khó biên chép tất cả những câu viết trên các đối trướng rồi nhờ người dịch sang tiếng Anh. Họ lại còn ghi âm tất cả những lời khóc than kể lễ của chị Nhất Linh.

Như vậy đủ rõ cái chết của văn hào Nhất Linh đã gây một tiếng vang lớn, không riêng gì ở Việt Nam mà ở cả trên thế giới nữa.

Tại chùa Xá Lợi, ngoài một số đông đồng bào đã túc trực từ sáng sớm – trong đó dĩ nhiên có cả công an, mật vụ của Nhu – Diệm – còn có khoảng 200 tăng ni có mặt để cầu siêu cho Nhất Linh.

Giữa cảnh khói hương nghi ngút, chùa Xá Lợi cất lên ba hồi chuông trống, rồi thì những tiếng tụng niệm vang lên. Trong khi ấy, ở trước cửa chùa có nhiều thanh niên, sinh viên phát băng tang cho mọi người, kể cả người của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Lễ cầu siêu cử hành không đầy 15 phút như đã ấn định từ trước, rồi đoàn xe tang từ từ chuyển bánh, theo sau có 3 chiếc xe đồ lớn chở những người đi tiễn đưa.

Đoàn xe tiến về đường Phan Thanh Giản, rẽ sang đường Hai Bà Trưng rồi chạy về Gò Vấp. Có hàng trăm chiếc xe, xe đạp lẫn xe gắn máy, trên mỗi xe có hai người, phần đông là thanh niên, học sinh, sinh viên, có cả ký giả ngoại quốc nữa, băng băng đi theo sau, hoặc đi trước, hoặc ở hai bên xe tang. Ngay cả trên nóc xe hơi cũng có người nữa. Hàng phố, từ đường Hai Bà Trưng trở đi, đỗ xô ra xem. Một điều đáng ghi nhận là từ chùa Xá Lợi trở đi, không có một ngã tư nào là không có nhân viên công lực đứng, không phải để giữ an ninh trật tự, mà trái lại, để cố tình cắt quãng đoàn xe tang, làm sao cho số người tham dự đừng đông đảo.

Và khi tới nghĩa trang Gò Vấp, liếc nhìn chung quanh, ai nấy đều có một cảm giác nặng nề, ghê rợn, dường như bao phủ bởi một bầu sát khí đằng đặng: chỗ này một tốp người vận quân phục, chỗ kia một tốp, với súng trường, súng lục, tiểu liên, lựu đạn... Tôi tự hỏi, chẳng hay họ chuẩn bị như vậy để bảo vệ ai, hoặc để giết ai ở một nơi hoang vu, tĩnh mịch và tôn nghiêm này?

Họ đề phòng Việt cộng khủng bố chắc? Phải ngây thơ lắm mới tin được, mặc dầu trong khi hạ huyết người ta đã phao tin bắt được quả tang một gã – phu xe xích lô – trong người dắt một trái lựu đạn.

Còn một điểm này nữa thiết tưởng cũng cần ghi lại, là trên con đường về, trời nắng chang chang và xa tắp có một số người đi đưa đám – trong đó có kẻ viết bài này và một ông bạn già, ký giả Nguyễn Đắc Lộc – được một phen cuốc bộ, vì gặp chiếc xe nào, tắc-xi hay xe gắn máy, tài xế cũng lắc đầu lia lịa, rồi mắt trước mắt sau, như muốn bảo cho mọi người hiểu: đã có lệnh trên, cấm chở những ai đi dự đám táng của Nguyễn Tường Tam.

Người ta bảo Nhất Linh đã chết. Riêng tôi, đứng trước cái chết cao cả của anh, chết để cảnh cáo những người “chà đạp lên mọi thứ tự do”, chết để chống lại bạo quyền, chết với niềm hy vọng sự hy sinh của mình sẽ đem lại tự do cho người khác, như vậy là anh đã biết chết, đã chết thật đúng lúc, mặc dầu anh không biết sống, nghĩa là theo tôi, sống như thiên hạ, một cách

tầm thường, hoặc sống cũng như chết, rồi khi đứng trước cái chết thì sợ sệt, hoặc chết nhưng chết một cách nhục nhã thảm thương.

Ở trên tôi vừa nói đời sống nội tâm, đời sống tinh thần của Nhất Linh rất phong phú.

Nhất Linh thường tâm sự với tôi: Ở đời anh ghét nhất là sự giả dối, lừa lọc, xảo trá và phản bội. Và suốt đời anh không có một chiếc xe hơi.

Nhất Linh trong sạch. Điều đó ai cũng trông thấy rõ. Ở thời buổi này, muốn xét người nào trong sạch, yêu nước thương nòi hoặc quốc gia hay không, phải chờ cho người ấy vào trong chính quyền đã, rồi nhìn nếp sống của họ sau khi rũ áo ra về. Hoặc chờ cho người đó nằm xuống, hình hài thể xác trở về nơi cát bụi hãy hay.

Nhất Linh đã tham chính và Nhất Linh nay đã ra người thiên cổ. Bởi vậy tôi có thể nói một cách chắc chắn rằng anh là một người thiết tha yêu nước, đang đứng ngang hàng với những anh hùng dân tộc của chúng ta, như Trần Bình Trọng, Hoàng Diệu, Nguyễn Thái Học v.v.... Anh cũng là một người trong sạch hiếm có. Anh không có xe hơi, nhà lầu, nhưng nói cho đúng ra, anh có một căn nhà gỗ thô sơ – có lẽ bây giờ đã hoang phế – do chính tay anh cất lầy, ở bên bờ suối Đa-mê, cách Đà Lạt 30 cây số, trong một khu rừng hẻo lánh, có nhiều cây cỏ, nhất là nhiều lan để anh ngắm và tìm cảm hứng để viết văn. Phí tổn để xây cất căn nhà đó cả thảy là 20 đồng bạc, tiền mua danh.

Tôi vừa nói ở trên là Nhất Linh sống rất giản dị, từ cái ăn đến cái mặc. Tôi còn nhớ trong những năm 60-61, sau ngày đảo chính hụt và oanh tạc Dinh Độc Lập, tôi lại thăm anh vào bữa ăn, tôi thấy anh chỉ ăn có lưng chén cơm với hai miếng đậu kho, có lẫn một đĩa nouille, anh và trong ba phút là xong, rồi anh lên giường ngủ.

Trái lại, mỗi khi được tin có một biến chuyển nào đó, có thể làm thay đổi cục diện, chấm dứt chế độ bạo tàn thì đôi mắt anh sáng quắc lên, bao nhiêu bệnh não của anh – mà chúng tôi thường bảo là *bệnh giá-cách* – đều tiêu tan hết, và khi ấy anh cười nói rất vui, ăn uống ngon lành lắm.

Nhất Linh không những là một chiến sĩ quốc gia, anh còn là một văn hào lỗi lạc nữa. Về điểm này, các văn hữu của anh có nhiều thẩm quyền hơn tôi đã phán xét. Riêng về phần tôi ở đây chỉ muốn ôn lại một vài kỷ niệm nhỏ giữa Nhất Linh và tôi trên lĩnh vực văn hoá.

Trước hết tôi cần nói là không có một lĩnh vực nào mà anh không thành công, và thành công rực rỡ nếu như anh muốn, dù là làm chính trị, hay viết văn, hay vẽ, hay chơi âm nhạc, hay chơi lan, hay làm báo... Anh chuyên về thứ nào thì anh say mê thứ đó, đến quên ăn quên ngủ.

Không những chỉ say mê mà thôi, anh dốc hết cả tâm trí vào việc anh làm, và anh làm rất chu đáo. Khi anh viết được một trang nào hay, hoặc tìm ra được một chữ nào, và chỉ có chữ ấy là đúng thôi, anh thích thú vô cùng, anh sung sướng hơn bất được một báu vật. Có lần anh bảo tôi: “Khi tôi dịch cuốn *Les Hauts de Hurlé Vent*, tôi tìm mãi mấy ngày mấy đêm mới ra câu: *Đình gió hú*”.

Tôi còn nhớ bận tôi dịch một truyện trinh thám của Conan Doyle, nhan đề: *La bande mouchetée* (tức con rắn), tôi tìm mãi không biết dịch là gì. Anh nghĩ một lúc rồi bảo: *Chiếc giài đốm hoa*. Tôi cho câu dịch đó thật tài tình.

Khi anh viết cuốn *Dòng sông Thanh Thủy* (hồi đó anh lẩn trốn ở đường Trần Hưng Đạo) anh

biên giấy nhờ một anh bạn của chúng tôi chuyển lại cho tôi để hỏi có mỗi một câu về một danh từ y học, đủ rõ anh thận trọng như thế nào trước khi hạ bút.

Đáng phục nhất là trong suốt thời gian anh bị chính quyền Ngô Đình Diệm lùng bắt, anh phải lẩn trốn hết nơi này đến nơi khác, lấy ngày làm đêm, đêm làm ngày mà anh vẫn còn có can đảm để viết văn, để phác họa ra cả một chương trình: xuất bản sách để các bạn trẻ đọc, để giáo dục quần chúng, để phổ biến tất cả những gì cao đẹp của loài người, của vũ trụ. Bởi theo anh, “đã đến lúc loài người phải gỡ soát lại vốn tư tưởng quá khứ để định hướng đi tương lai, tìm chân lý là kim chỉ nam cho người đời giữa biển sóng gió”.

Hiện giờ, khi viết mấy dòng này, trước mặt tôi còn có một xấp thư – những mảnh giấy học trò – của Nhất Linh gửi cho tôi hỏi anh đang bị chính quyền lùng bắt, chữ viết nhỏ li ti, yêu cầu tôi cho anh những tài liệu cần thiết về: danh nhân thế giới, tình sử đông tây, kỳ quan vũ trụ, giáo dục phổ thông, chính trị, khoa học v.v...

Những loại sách bỏ túi – 27 loại cả thầy – đó, anh định bán với một giá rất rẻ, và in đẹp, nhằm mục đích nâng cao đời sống tinh thần của mọi tầng lớp người trong xã hội, vì anh cho rằng “văn làm cho đời người đẹp hơn và đáng sống”.

Thật là cả một chương trình vĩ đại, đáng khen mặc dầu chưa thực hiện được, chứng tỏ sự nhiệt tâm của Nhất Linh trước tiền đồ của dân tộc, trước trạng huống phức tạp và đảo lộn của xã hội ngày nay.

Trên đây là một vài nét về nếp sống cùng những hoạt động của Nhất Linh trên địa hạt chính trị xã hội văn hoá, đủ khiến cho ai nấy phải ngậm ngùi trước sự hy sinh cao cả của anh.

Nhưng điều khiến cho một số bạn thân của Nhất Linh tiếc thương anh hơn cả là tính tình hồn hậu và thủy chung của anh đối với bạn, nhất là trong những lúc khó khăn, hoạn nạn.

Tôi còn nhớ Tết năm Tân Sửu, vào sáng hôm mồng hai, và trong khi anh lẩn trốn, xa gia đình thân yêu, mà anh còn ngời vẽ một bức tranh – bó hoa oeillet – để tặng tôi, với hai câu thơ, câu đầu là:

“Tặng ai mười đoá hoa xuân”

khiến tôi cảm động vô cùng.

Tôi dám chắc, đối với một số đồng bạn thân của anh, anh cũng có những cử chỉ tế nhị và đẹp như thế.

Lại còn một điểm nữa khiến cho tôi quý Nhất Linh, là cách cư xử của anh đối với mẹ già và gia đình nhỏ của anh.

Tôi còn nhớ hồi sinh thời của bà cụ thân sinh ra anh, thường gọi là “Cụ Cẩm Giàng”, mỗi lần tôi lại thăm bệnh cho cụ, cụ móc túi ra cho tôi xem một mẫu giấy nhỏ – nhỏ vừa bằng lòng bàn tay – trên có ghi mấy dòng chữ Nhất Linh gửi cho mẹ, báo tin cho cụ biết cuốn tiểu thuyết này hay tiểu thuyết nọ đã xuất bản rồi, để cho cụ mừng.

Cảm động nhất là hôm cụ đưa cho tôi xem cuốn *Dòng sông Thanh Thủy* khi vừa mới in xong anh gửi tặng cụ, cụ mệt không đọc được, nhưng lúc nào cụ cũng khư khư ôm trong lòng, không muốn rời ra.

Nhất Linh thường nói với tôi:

“Gia đình tôi đông anh em, nhưng mẹ tôi chỉ thương và nể có tôi thôi. Tôi bảo gì mẹ tôi cũng nghe, nhưng... trăm tội ở đâu cũng đều đổ cả lên đầu tôi, chỉ có tôi là bị rầy la nhiều nhất.”

Hôm cụ mất anh bị mệt và... cũng đang bị chính quyền để ý nên không đưa cụ tới nơi an nghỉ cuối cùng được, anh rất đổi khổ tâm.

Nhất Linh có một đời sống đẹp như vậy, thế mà sau khi anh mất đi có kẻ dám công khai bôi nhọ anh, nào bảo anh “hút thuốc phiện, nghiện rượu, không có chút công lao gì đối với nền văn học Việt Nam”, nào “phản đảng, phản dân tộc, phản cả gia đình nữa”...¹ thì đủ rõ giữa Nhất Linh và đối lập đương nắm chính quyền của anh, ai là quân tử, ai là tiểu nhân?

Thật thế! Nhất Linh, ngay cả đối với kẻ thù, lúc nào cũng đàng hoàng, quân tử. Mỗi khi nói tới Hồ Chí Minh hay Ngô Đình Diệm, hay vợ chồng Ngô Đình Nhu, tôi chưa từng nghe thấy anh có một lời nói nặng, một câu nào bất lịch sự cả.

Cái chết của Nhất Linh không những là một thiệt thòi rất lớn cho quốc gia, nhất là trong giai đoạn này, đã mất một chiến sĩ vừa có tài lại có đức, vừa là một cái tang chung cho nền văn học nước nhà, lại còn gieo vào trong lòng của các bạn hữu cũng như gia đình đầm ấm của anh, biết bao niềm thương xót khôn nguôi với thời gian được.

Riêng về phần tôi, mỗi bận nhớ tới anh rồi nhìn chung quanh mình chỉ thấy toàn những kẻ tranh giành nhau trên con đường danh lợi, những kẻ lừa thầy phản bạn, tôi cảm thấy có một khoảng trống mông mênh, kinh khủng. Và tôi chợt nhớ câu thơ bất hủ của thi hào Lamartine, tôi xin mượn câu thơ đó để nói lên nỗi lòng của tôi đối với Nhất Linh:

“Thiếu mỗi một người và tất cả đều là hoang vắng”.
(*Un seul être vous manque et tout est dépeuplé*).

Nguyễn Mạnh Côn Vĩnh quyết Nhất Linh

Ngày 8-7

Sáng hôm nay, khoảng 9 giờ, tôi qua thăm toà soạn nhật báo *Dân Việt*, để cảm ơn việc đăng cáo phó, cảm ơn vừa qua. Mới thoát bước qua cửa tôi đã thấy nét mặt anh Chu Tử có vẻ gì là lạ. Dzoãn Bình từ bên nhà chữ chạy sang, kêu to:

"Anh biết gì không? Anh biết gì không? Anh Nhất Linh mất rồi!"

Dzoãn Bình còn trẻ, nói to. Bình có lẽ còn nói gì nữa. Nhưng có thể Bình không nói thêm câu nào. Vì căn phòng nhỏ hẹp của toà soạn *Dân Việt* tự nhiên thấy rộng thêm ra. Căn phòng rộng đến đâu, tôi không có ý niệm đến hẳn đâu. Nhưng tiếng máy chạy bên kia tường không còn rung trên nền gạch. Trong không gian hình như có sự đổi khác, như một cái gì đang vận động bỗng ngừng lại. Tôi có cảm giác có ai đã muốn nói gì lại thôi. Hay một giọt những đọng trên cửa kính có thể bò xuống nữa, có thể đứng yên, rồi khô cạn ngay ở giữa con đường dốc. Nhưng giọt nước chưa cạn mà không chảy trên tấm kính đứng thẳng thì thật vô lý. Tôi muốn phản đối sự vô lý ấy. Giọt nước bỗng vỡ ra, nhiều giọt nhỏ bắn sang chung quanh. Im lặng, xa xôi trên tấm kính ngay trước mặt. Thế là hết.

Gió ở đâu lành lạnh trong áo sơ-mi. Con sốt hôm qua vầng vất muốn trở lại. Tôi đứng dậy quên chào anh em, bước ra cửa. Bên ngoài toà báo nắng còn xiên trên con đường vắng. Phía cuối đường, xe chạy nhộn nhịp trên đại lộ Lê Văn Duyệt. Tôi thần thờ không biết nên đi về phía nào. Cảm giác rõ rệt như có vật chường ngại chắn ngang lối đi, một cái hố sâu chẳng hạn. Phía bên trái lại khác hẳn. Không gian hình như có tầng lớp một, có ngăn cách nhưng có nối tiếp. Cảm thông hay ảo ảnh, chưa chừng.

Ngày 9-7

Tôi mặc áo ngoài, thắt cà-vạt đen. Băng đen trên tay áo. Đã lâu lắm không được gặp, tôi đi tìm Nhất Linh.

Chiếc xe Vespa vòng phía sau bệnh viện Đồn Đất. Đường vắng. Không thấy bóng một công an viên hay nhân viên mật vụ nào. Người ta bảo tôi, từ sáng, rằng lực lượng an ninh bao vây kín khu vực Nhà xác của bệnh viện. Tôi cũng nghĩ có thể như thế lắm, nên tôi đã để ý tìm những người đứng không, những người ngồi xổm trên vỉa hè, hay bán hàng trên con đường vắng. Nhưng con đường quả thật vắng tanh. Cổng nhà xác sơn màu vàng nhạt đóng kín. Chúng tôi đập cửa. Im lặng. Nhìn quanh quẩn, không có ai để hỏi thăm. Tôi nhìn Đỗ Tồn. Anh lắc đầu:

"Có lẽ chưa! Hay ta xuống dưới nhà?"

Tôi lưỡng lự, chỉ vòng tay ra phía trước. Chúng tôi đến cổng lớn bệnh viện. Đỗ Tồn gửi xe, tôi lại gần hỏi người gác:

"Thưa ông, di hài ông Nguyễn Tường Tam có còn ở đây không?"

Người gác gật đầu, nâng chiếc cần chắn ngang cổng. Chúng tôi bước vào, đi băng khuâng giữa những dải tóc tiên, dưới vòm cây. Không khí êm ả có chút gì khác với không khí ngoài đường phố. Qua phía trước nhà thờ. Có ánh nến lung linh dưới bóng cây thánh giá. Đỗ Tồn gạt nhẹ tôi rẽ tay phải. Đường dốc xuống lượn sang tay trái. Có lẽ chúng tôi đang đi phía sau căn nhà bếp nên thoảng có mùi thơm thịt nướng. Chung quanh chúng tôi hoàn toàn không có bóng người. Nhà xác, phía dưới sân, cũng im lặng. Bên trong hai cánh cửa mở rộng có chiếc bàn không để giấy tờ...

Tôi quay lại nhìn Đỗ Tồn. Anh gật đầu. Phải, anh Tam nằm trong đó.

Chúng tôi quay quanh, tìm kiếm. Phía đối diện với nhà xác có một cảnh sát viên ngồi với một thanh niên mặc bộ đồ lao động cũ kỹ. Họ không có vẻ gì để ý đến chúng tôi, và tiếp tục nói chuyện dưới mái hiên lợp tôn rộng.

Tôi bước vào hiên, tự trong lòng thấy bực bội, tiếng nói gắt gỏng vô cớ:

"Ai gác phòng lạnh ở đây? Tôi cần vào xem thi hài ông Nguyễn Tường Tam!"

Một trong hai người, người công nhân đứng lên, một tay gãi gáy, tay kia đu đưa:

"Dạ, anh mới đi khỏi."

Tôi buông thõng, hách dịch:

"Đi kêu!"

Người công nhân líu ríu quay đi ngay. Người gác đã trở lại. Chắc anh công nhân có nói thế nào nên ông ta chạy thật vội, chiếc "kết" có vòng đồ bật ngựa trên đầu. Ông ta đến chỗ tôi:

"Thưa ông cho gọi tôi?"

Tiếng nói của miền trung châu Bắc Việt. Anh Nhất Linh người huyện Cẩm Giàng. Tôi biết khó có thể giữ giọng cấp trên, bèn đầu dụ:

"Chúng tôi muốn phiền ông cho vào thăm di hài ông Nguyễn Tường Tam."

Người gác đưa chúng tôi ra buồng ngoài, đến trước cánh cửa trong, lấy sức rút chiếc then ngang. Cửa mở. Tôi thoáng có ý nghĩ thật nhanh: mồ hôi, lạnh, cảm... Nhưng luồng gió tê tái đã ùa vào người tôi. Tôi rùng mình, sồn gai ốc khắp thân thể. Tôi muốn lùi ra, nhưng chân cứ bước vào. Tiếng máy chạy ù ù, hai hàng giường sắt chông đôi, dọc đôi, sơn màu tiếng. Tất cả giống như căn phòng ướp món ăn tươi dưới một chiếc tàu chiến của Mỹ.

Một cảm giác uất ức tràn vào tâm hồn tôi vì một thoáng so sánh cái tinh anh thanh cao của Nhất Linh với một không khí kỹ thuật tàn nhẫn, độc ác.

Người gác bước mấy bước về phía tay phải. Ông ta đến bên cạnh một cuộn vải dường bâu gài gần hết ngăn giường dưới. Ông ta giơ tay chỉ. Bấy giờ tôi mới hiểu. Tôi đến gần, tìm đầu mối tấm vải. Nhưng người gác nhanh hơn, đã nâng góc chăn phủ mặt lên. Một chiếc sáo tre định rơi xuống đất. Tôi bước vội đến đỡ lấy.

Anh Nhất Linh nằm đây, hai mắt nhắm. Về thao thức và bồn chồn tìm kiếm ở đôi mắt anh không còn nữa. Mũi anh cũng có vẻ ngắn hơn trước, bộ ria mép thưa hơn. Miệng anh hé mở như có điều gì muốn căn dặn. Vàng trán rộng xuôi xuống mái tóc đã rụng nhiều. Nét mặt anh, quái lạ, có vẻ tươi hơn ngày anh còn sống.

Tôi để tay lên mép giường, định luôn dưới chân tìm tay anh mà từ biệt. Nhưng người gác ra hiệu không nghe. Bàn tay tôi co đặt lên ngực anh, nằm ngang trên chiếc sáo. Ông tre và mặt vải lạnh buốt. Tôi vẫn tự phụ có sức sống thiết tha đọng trong lòng tay, có thể truyền cho người đau nặng. Ý nghĩ ngông cuồng của tôi lúc ấy là truyền sức sống cho người chết. Nhưng khí lạnh áp vào bàn tay tôi dồn hơi nóng lên cổ tay, cả năm ngón như đóng băng tê dại.

Tôi bàng hoàng rút tay lại. Chiếc sáo tre rơi đánh cạch xuống mép giường sắt. Tiếng động khô ngắt làm cho căn phòng có vẻ yên lặng hơn lên. Tiếng quá khứ vang dậy: tiếng *demi botte* của Mỹ, đế cao-su đúc, đi trên sàn gỗ nặng chình chịch. Tôi nhớ lại một hình ảnh qua đã lâu mà vẫn còn quen thuộc. Hình ảnh một buổi họp của các cấp luận điệu Mặt trận Quốc gia, cách đây 18 năm. Hai người ngồi xử tội hai người. Kết quả nguy hiểm trông thấy. Nhưng vị lãnh tụ thứ ba vừa mới đến. Người mới đến mặc binh phục *kaki* có yếm bịt kín ngực. Dáng điệu thông thả, hiền lành, không có vẻ gì là võ tướng. Người mới đến ngồi xuống. Cuộc thảo luận tiếp tục, bằng tiếng phổ thông. Tôi không hiểu gì cả. Một lúc sau người đó đứng lên, bắt tay tôi rồi ra khỏi phòng. Cụ Nguyễn hỏi tôi: "Anh có biết ai đây không? Ông Nguyễn Tường Tam đấy! Ông ấy bảo không được phép giữ anh, vì anh là đại biểu Quốc hội".

Quá khứ đến năm nay là mười tám năm. Mười tám năm trước, anh không biết tôi là ai, ngoài danh nghĩa đoàn thể mà tôi là đại biểu. Tôi gây chuyện đổ vỡ, tính mạng chỉ còn treo trên sợi tóc. May mà anh đến vừa đúng lúc. Hồi bấy giờ đảng lớn mới thống nhất lực lượng, cùng đồng

ý bỏ hai chữ trên chia rẽ, giữ ba chữ dưới hợp quần¹, cùng đồng ý bầu anh làm Bí thư trưởng, nghĩa là làm lãnh tụ. Anh được bầu vì uy tín anh to lớn, đại biểu các đảng bạn quý trọng anh hơn hết. Nhưng việc bầu bán xong rồi, ông Vũ Hồng Khanh cậy có quân lực mạnh, các đảng khác đều phải nhờ bảo vệ, nên nhất định không trao quyền thực tế. Nhưng dù sao, trước mặt cụ Nguyễn Hải Thần, anh vẫn có quyền. Anh không cho phép bắt tôi, họ Vũ không dám công nhiên kháng cự.

Mười tám năm qua rồi. Bao giờ tôi đã nhiều tuổi hơn anh hồi ấy. Có lẽ tôi còn lẫn lóc nhiều hơn, còn chịu đựng nhiều hơn. Nhưng ba năm trước, tôi đến thăm anh, đưa tặng anh cuốn *Đem tâm tinh viết lịch sử*, anh đọc mấy câu tôi viết còn mỉm cười nhớ lại quá khứ.

Thế rồi thôi. Từ ba năm về đây, tôi đau yếu luôn và nghe nói anh cũng không được yên, không được mạnh. Vì thế nên muốn đến thăm anh lại lần chần hôm nay để ngày mai. Đến tối thứ sáu tuần trước, luật sư Dương Kiên đến tìm tôi, hỏi tài liệu về quá khứ của anh.

Theo lời Dương Kiên, các đồng chí của anh đều nhận có hoạt động chống đối (hay đánh đổ?) chính phủ. Các đồng chí của anh đều chỉ anh là người lãnh đạo. Nhưng chính anh lại không nhận. Tôi hỏi thêm, được Dương Kiên cho biết những người kia không những nhận ở công an mà còn nhận cả ở dự thẩm, và có lẽ ra toà cũng vẫn giữ lời khai. Dương Kiên có vẻ lo buồn nhiều, vì không đoán được anh ra toà sẽ giữ thái độ thế nào để uy tín anh được trọn vẹn mà không thiệt hại cho các đồng chí của anh. Anh có thể nhận cho họ được nhẹ tội. Vào trường hợp này, luật sư thật khó biện hộ cho anh. Anh có thể phải gánh chịu một hậu quả nặng cho tuổi tác và sức khoẻ của anh. Nhưng nếu ngược lại, anh phủ nhận lời khai của các đồng chí của anh, thì uy tín của nhóm anh sẽ ra sao?

Dương Kiên cho rằng chỉ còn có một phương pháp là tìm lấy rất nhiều tài liệu về cuộc đời tận tụy tranh đấu cho dân tộc của anh, để chứng minh rằng sở dĩ nước Việt Nam ngày nay có được một chính quyền độc lập, với đầy đủ chủ quyền, thì bất cứ ai cũng không được phép phủ nhận công lao to tát của anh. Dương Kiên định không xin khoan hồng, mà còn đòi toà án phải cúi đầu trước một nhà đại ái quốc, một vị anh hùng dân tộc. Tôi thấy Dương Kiên nghĩ rất đúng, nên tôi hứa đi tìm Đỗ Tôn, đồng chí và cán bộ của anh từ đạo trốn sang Tàu lần thứ nhất. Nhưng không kịp.

Tôi không ngần ngại mà nhận rằng, đối với tôi, anh vẫn còn là vị thiên thần mà tôi chiêm ngưỡng hồi còn niên thiếu. Tinh thần khai sáng và đức độ chân phương của anh nâng anh lên hàng cha, mẹ của tôi. Nhưng tính tự ái ngông cuồng của tuổi trẻ xui khiến tôi tìm một khía cạnh nào của cuộc đời anh để hạ giá thần tượng. Tôi không chấp nhận sự ngay thẳng mà anh dùng để đối phó với các lực lượng đối thủ. Tôi cũng không chịu đi vào con đường không có lối thoát. Tôi thêm có cái uy tín của anh để xuống đường, để làm việc này việc nọ. Tôi nghĩ "Giá mình được như anh Nhất Linh, mình sẽ gần gũi hơn với bọn trẻ. Mình sẽ nói với họ về cuộc đời của mình. Không! Mình không cần phải thúc giục họ chống lại hay đánh đổ bất cứ ai. Mình chỉ cần làm gương... Rồi sẽ có một ngày, mình chỉ nói một lần là đủ!

Nghĩ như thế, tôi có ý trách anh lìa xa tuổi trẻ đang muốn thấy ở anh một ngọn đuốc soi đường. Tôi có ý trách anh không tham gia cuộc chiến đấu, dù ở về bất cứ phe nào. Nhưng bây giờ anh nằm đây rồi, và như thế cũng xong. Con giông tố đã lắng xuống. Nét mặt anh bảo tôi rằng anh đã tha thứ cho hết thầy mọi người bạn, mọi đứa em lầm lỗi. Nét mặt anh bình thản, đôi môi hé mở còn có vẻ bao dung hơn. Tôi nghiêng đầu, nhìn kỹ anh một lần cuối. Bao nhiêu câu từ biệt rất văn chương tôi định nói với anh đều có vẻ vô nghĩa. Tôi muốn tìm một ý tưởng có thể gọi là sâu sắc để đánh dấu sự vĩnh quyết một ân nhân, một thầy học, một trưởng huynh...

Nhưng đầu óc tôi thật quả rỗng không trong khi tôi chậm chậm xoay người ra phía cửa. Bao nhiêu sợi dây thần kinh nhạy cảm của tôi đã chết lặng đi hết cả. Rỗng trong đầu, rỗng trong tim, tôi ra khỏi phạm vi bệnh viện lúc nào cũng không để ý.

Từ bệnh viện, chúng tôi đến chợ An Đông. Cửa nhà dưới mở rộng. Nhiều bà, nhiều cô đang cắt khăn, may áo trên tấm ngựa kê sát tường. Hai chiếc bàn quay đầu vào nhau thành thước thợ, phía bên này có mấy cụ già, phía bên kia: Duy Lam, Nguyễn Ngu Í.

Nguyễn Ngu Í đến thăm, còn Duy Lam gọi anh Nhất Linh là Cậu (anh mẹ) ruột. Duy Lam cũng là sản phẩm của Nhất Linh. Sản phẩm lớn lên, muốn vượt khỏi cương tỏa của con đường cổ điển. Nhất Linh giới thiệu Duy Lam như một Dostoievsky. Lời giới thiệu có lẽ đi hơi xa quá, vì Duy Lam còn phải dọ dẫm nhiều để tìm thấy một con đường mới, xứng đáng với Tự Lực Văn Đoàn.

Nhưng lời giới thiệu, đầy ắp một sự gửi gắm tha thiết, đủ chứng tỏ Nhất Linh đã thấy rõ nhóm *Đời Nay* cần phải được tiếp tục, tiếp tục công việc mở đường, bằng những khí cụ mới mẻ hơn, thích hợp hơn với thời đại nhiều bồi rối hơn suy tư, nhiều thú tính hơn tình cảm. Tâm hồn Nhất Linh đặt vào truyện thăng cu Tý đánh lừa con lợn, truyện Thanh – Ngọc nằm bên nhau suốt một đêm mưa... chỉ còn là những nét đẹp tuyệt nhưng xa vời. Người thầy học đánh lạc mất bầy trò quá trẻ. Là nghệ sĩ anh không buồn sao được!

Tôi ngồi xuống cạnh Duy Lam, trao đổi vài ý nghĩ vụn vặt. Duy Lam nhìn thẳng vào khoảng không, lộ rõ vẻ chiến sĩ. Nhưng tôi không tin những tin tức về một sự tàn bạo một chiều và không cần thiết. Tôi có thói quen hay lý luận, hay đem những nền nếp tâm lý quen thuộc để chứng minh hay phủ định những lời đồn đại. Tôi cũng có tinh thần quốc gia cực đoan nên hay bênh vực người mình chống những áp bức của người ngoại quốc. Có lẽ có phần nào suy tư ảnh hưởng của dòng máu của cha tôi là một cựu công chức ngạch cai trị, tôi không tin ở những lời hô hào của các chính khác, mà tin ở sự khôn ngoan của những nhà hành chính lão luyện. Tôi không tin ở cách mạng, nếu cách mạng không có lý thuyết. Đời sống một dân tộc khó có thể thay đổi nhờ phép lạ như trong truyện thần tiên... Tôi muốn kéo câu truyện về phía văn nghệ. Cuộc đời của Nhất Linh tuy có phần làm cách mạng, chống áp bức đế quốc. Nhưng tôi tiếp tục nghĩ như vậy, sự nghiệp quý giá vô hạn của anh là sự nghiệp mở đường cho thế hệ chúng tôi có căn bản, và thế hệ Duy Lam có thể vươn lên mà không bị đứt liên lạc với gốc tích.

Phải nhiều đời mới có một Nhất Linh thành lập nổi một văn đoàn *Tự lực*, nuôi sống – về tinh thần – được hai tờ *Phong hoá*, *Ngày nay*. Tôi muốn giữ hình ảnh của Nhất Linh văn nghệ sĩ.

Tôi định nói với Duy Lam như thế. Nhưng Thiết, rồi Nghị đã về. Tôi đứng lên chào mà không chia buồn. Chị Nhất Linh cũng từ trên gác xuống. Chị vốn đã gầy, chiều hôm nay tôi tưởng chị hốt nhiên già thêm mười tuổi. Chị khổ tâm nói không thành lời. Tôi cúi đầu, áp úng một câu khách sáo. Những người thân yêu, dù quý trọng văn nghiệp của anh đến đâu vẫn không quý bằng con người bắt đầu vắng bóng. Tôi nhìn Nghị và Thiết, hai anh em đều có con mắt sâu thẳm mà thao thức vô cùng của bậc thân sinh ra họ. Nhất là Nghị lại càng giống anh Tam lắm lắm.

Tôi ngồi lâu rồi đứng dậy xin về. Mắt đóng đinh vào mắt tôi, Nghị nói:

"Ba tôi quý anh lắm, thường nhắc đến anh luôn..."

Tôi đợi nghe hết câu, quay ra xe, trèo lên yên sau. Chiếc Vespa phóng như tên dưới những giọt mưa lác đác. Cơn lạnh tôi đã quên được một lúc lâu lại trở lại, buốt trong người nhưng nóng

rực ở tay chân. Tôi phải cố nghĩ đến một việc quan trọng nào đó cho quên cái rét, rồi thờ từng hơi dài để điều hoà nhịp đập của quả tim.

Tôi nghĩ đến anh Nhất Linh. Tôi nhớ ra rằng anh đã mất. Ba năm không được gặp anh rồi. Mà anh nhắc đến tôi luôn. Cố nhiên anh không biết gì về con người của tôi. Vậy anh đã theo dõi tôi về văn nghệ. Tôi đoán mà biết anh còn nhắc đến nhiều anh em khác. Tấm lòng chân thành đối với nền tương lai văn học của chúng ta khiến cho anh tha thứ cho chúng tôi những hỗn xược, những ghê lạnh hay quên lãng. Có thể vì chúng tôi ngu xuẩn hay chủ quan, nhưng cũng có thể vì, đến với anh, dù sao chúng tôi cũng không thể tự nhiên như đối với nhiều anh khác có khi còn nhiều tuổi hơn anh.

Đối với chúng tôi như cỏ non, anh rõ rệt là cây đại thụ. Cây đại thụ đã cằn cõi dần dần. Để một cơn giông nhỏ cũng làm được cho cây bật gốc. Đám cỏ non chói nắng, xót thương. Giọt nước mắt không thành hình len xuống đau trong sống mũi. Buổi chiều vừa qua, đứng trong phòng lạnh, ngay trước khi người gác mở góc tầm đường bầu, tôi không ngờ còn có lúc, tuổi đã nhiều rồi, còn lạc giọng nói thầm:

"Anh Nhất Linh! Anh Nhất Linh! Vĩnh biệt."

Nguyễn Tường Thiết Niềm vui chết yểu

Tôi ngó đồng hồ: 5 giờ kém 15. Chiếc xe sao chạy chậm quá vậy? Người tôi nửa như xôn xao bồn chồn, nửa như bị du sâu vào trong một giấc mơ. Tiếng động, tiếng sinh hoạt về chiều của thành phố, nghe xa vút hẳn đi. Những âm thanh lâm râm, lao xao, mơ hồ như thuộc về một thế giới khác. Đường phố quen thuộc của Sài Gòn, đâu đó một tiếng còi xe giạt lại, tôi nghe ngắn và sắc hơn. Chiếc xe chạy qua rạp Olympic, tôi quay người ngó lơ đàng vào mấy tấm vẽ quảng cáo ở cửa rạp: "Cậu coi *Jugement à Nuremberg* chưa?". "Rồi!". "Đấy cậu chẳng cần nói gì cả, cứ im lặng như viên Bộ trưởng Đức mà hay. Cũng chẳng cần viện có bệnh không nói được ở Toà. Để tới con lại luật sư Ch. lấy mấy giấy bác sĩ. Con nghĩ chẳng cần phải dùng cách ấy. Mình vẫn khoẻ như thường mà chả thèm nói gì cả, cũng chẳng cần trả lời những câu của Toà, cứ im như hén thế mà hay!".

Chiếc tắc-xi đến một khúc đường sửa, bị xóc, tôi thấy nặng ở đùi: đầu cha tôi còn gối lên đùi tôi, miệng hé mở, ngả đầu về sau, một ít nước bọt ở mép, cánh tay phải mềm xuôi buông lỏng xuống sàn xe. Cách đây một giờ, cha tôi uống thuốc độc thật mạnh để tự tử. Cha tôi đã đồng ý với tôi ở một điểm: "Im như hén thế mà hay!". Nhưng quả thật tôi không ngờ ông đã đi sâu đến như thế để dọn một thái độ dứt khoát không phải chỉ im lặng ở Toà án mà là một im lặng mãi mãi, một im lặng bi đát đến ghê rợn mà tôi không thể tưởng tượng nổi.

Tôi thò tay vào túi áo ngủ của cha tôi lấy ra một tờ giấy mà lúc ở nhà tôi không kịp xem. Trên một vuông kẻ ô, cha tôi để lại những hàng chữ cuối cùng trong đời ông. Đọc xong, gần như vô ý thức, miệng tôi cứ lặp đi lặp lại mãi một câu "*Đời tôi để lịch sử xử...*".

Anh T. ngồi ở đằng trước, giục tài xế chạy thật nhanh để chóng đến bệnh viện, nhưng chiều chủ nhật đông xe, chiếc tắc-xi bị nghẽn đường mấy lần và cuối cùng chỉ tới Grall lúc 5 giờ 10 phút. Chúng tôi xuống xe, trình giấy giới thiệu khẩn cấp của bác sĩ Ph. cho viên quản lý thường trực và khiêng cha tôi, lúc đó đang thêm thiếp trong chiếc khăn len dày, xuống băng ca. Một lát bác sĩ Gourillon tới, ông bảo mọi người lui ra ngoài rồi tiến vào phòng. 10 phút sau, trước sự chờ đợi nóng lòng của mẹ tôi, anh T. và tôi, viên bác sĩ Pháp đẩy cửa bước ra, ông nhìn mẹ tôi trước nhất, khẽ nhún vai, buông xuôi hai cánh tay xuống tỏ một dáng điệu thất vọng rồi nói với

bác sĩ Ph. lúc ấy cũng vừa tới nơi: “C’est foutu!”.

Tôi nhìn lên mấy hàng cây của khu công viên bệnh viện. Bầu trời vẫn chưa lên cao sau một buổi chiều mưa rơi tầm tã. Những vũng nước nhỏ yên lặng như những mặt gương, soi ngược mái dẫy bệnh viện im lặng, gác nhà thờ nhỏ nằm im lìm ở phía bên phải, những lá cây ướt nước trở nên sậm màu hơn, và ở dưới những chiếc lá, giọt nước mưa vẫn thi nhau nhỏ xuống, không gây một tiếng động nhỏ.

Buổi sáng ngày hôm ấy, cha tôi đi thật sớm. Ông mở ngăn kéo, lấy mấy tập sách, tập bản thảo những tác phẩm cuối cùng, gói vào một tờ nhật báo. Tôi đoán có lẽ cha tôi đi họp ở đâu vì cũng đúng vào chủ nhật tuần trước, ông đã tới dự phiên họp đặc biệt của nhóm Bút Việt. Cha tôi có một thói quen dậy rất sớm khoảng 5 giờ, rồi cùng mẹ tôi ngồi uống trà Tàu. Ngay cả trong những buổi sáng giá buốt của Đà Lạt, thói quen đó cũng không bị bỏ. Nhiều lúc hứng trí, cha tôi còn đánh thức chúng tôi dậy để cùng hưởng cái thú uống trà buổi sáng ấy. Nhưng thường thì chúng tôi phản đối để ngủ lại. Cũng chính vì thức sớm nên đến chơi nhà ai, cha tôi cũng đến vào lúc chủ nhân chưa ngủ dậy.

Khoảng gần 10 giờ, cha tôi về. Tôi đang ngồi ở đi-văng, mở máy thu thanh nghe mấy bản tân nhạc trình diễn, cha tôi bước lên cầu thang, dáng hơn mệt mỏi. Ông không thay quần áo ngay như mọi lần về nhà, cứ để nguyên quần áo Tây ngồi xuống ghế xích-đu, bên cạnh tôi. Trong suốt buổi sáng hôm ấy chỉ có cha tôi và tôi ở trên gác. Ông ngó quanh quất không thấy ai nữa, hỏi tôi: “Anh T. mấy giờ về?”. Tôi trả lời: “Mọi tuần đêm thứ bảy đã ở Sài Gòn không hiểu sao bây giờ vẫn chưa thấy về nhà”. Cha tôi lộ vẻ băn khoăn, chờ đợi, bứt rứt, điều thuốc lá rung rung ở trên đầu hai ngón tay. Ông mở bia, rót vào một cái cốc nhỏ. Ánh nắng lọt qua khe cửa chiếu vào thành cốc dày loé lên những ngôi sao sáng. Tự nhiên tôi nhớ đến một kỷ niệm cách đây bảy năm, ở Đà Lạt. Năm 1956, một buổi sáng chủ nhật đẹp trời, cha tôi, chị Th. và tôi tổ chức một buổi pic-nic ở hồ Than Thở. Chúng tôi tìm một chỗ thật vắng vẻ ở cuối hồ, cha tôi và chị Th. rải mấy tờ báo xuống đất, dưới mấy gốc thông, chỗ lá thông khô rụng phủ dày làm cỏ không mọc được. Tôi nghĩ nơi này không có đường mòn dẫn tới chắc chẳng có ma nào đến, nhưng khi xách súng cao-su đi bắn chim ở gần đó, tôi thấy rải rác dưới đất có những hộp cá ri, một tờ báo cũ nát, mấy khúc cây cháy dở dang (vết tích của một bữa ăn no say), tôi thấy nơi này không còn hieu quạnh nữa. Cha tôi nghĩ ra một cách nướng lạ-xuồng rất giản dị. Lấy bông đồ alcool vào rồi đốt, hơ khúc lạ-xuồng quấn queo lên trên ngọn lửa màu xanh nhạt. Cha tôi bày biện sắp xếp thức ăn nom rất mỹ thuật, ngon mắt. Đặc biệt ông hay để ý đến màu sắc của đĩa làm nổi những thức ăn bày ở trên, ông thường bảo đĩa màu vàng làm nổi những thức ăn hơn những đĩa màu khác. Trong bữa có món trứng cá caviar cha tôi bảo ăn rất ngon, nhưng chúng tôi chịu không ăn được. Dùng bữa trưa xong, cha tôi mở bia rót vào mấy cái cốc nhỏ. Chúng tôi không quen uống, nhất là lại không có đá, nhưng cha tôi không bao giờ cho đá vào và bảo uống như vậy nhạt. Tôi còn nhớ nắng hắt vào thành cốc – vẫn cái cốc hôm nay ông dùng – làm loé lên những ngôi sao nhỏ. Một giờ sau đó lúc trở về mang theo một con chim bị bắn chết, giờ khoe trước mặt cha tôi thì ông đang ngả người hút thuốc, lưng dựa vào một gốc thông. Những vệt ánh sáng yếu ớt lọt qua lá thông chạy loà xoà trên mặt cha tôi, một tí nắng đậu yên ở trên sống mũi gần chỗ những đường gân đỏ bóng ở cuối mũi trông như một viên cuội có những đường vân đẹp.

Cha tôi ho một tiếng ngắn. Tôi có cảm tưởng ông sửa soạn nói với tôi điều gì. Nhưng ông chỉ im lặng. Từ lúc nãy một ban nhạc nào đó hát đi hát lại mãi bản nhạc “Mừng ngày song thất”, tôi để ý thấy cha tôi chú ý nghe nhưng không để lộ một thái độ nào. Tôi đem vấn đề ra Toà ngày mai ra bàn, xem cha tôi đối phó ra sao. Tôi cũng đề nghị với cha tôi không nên có thái độ nào khác ngoài sự im lặng. Nhưng ông chỉ ậm ừ như không muốn những câu hỏi của tôi có thể làm

loãng những điều ông đang xuất ngoại. Thịnh thoảng có tiếng chân ai lên gác, ông giật mình ngó về phía cửa. Tôi vói tay lấy sấp Ronéo để trước mặt ông. Đó là bản cáo trạng khá dày, trong đó có những lời khai của cha tôi ở cảnh sát. Ở trang cuối, tôi chú ý đến những lời kết tội như “phản quốc”, “xâm phạm đến an ninh quốc gia”. Trong suốt hơn một giờ đồng hồ, cha tôi vẫn giữ một thái độ im lặng, suy nghĩ. Ông uống bia rất chậm. Dường như lại không biết mình đang uống bia nữa. Khi ông để cốc rượu xuống bàn, chiếc ly rung rung lơ lửng vài giây sát mặt bàn rồi mới hạ hẳn xuống một cách khó khăn, như giữa ông và cái bàn có một sự xa cách đủ khiến ông phải gắng sức.

Khoảng 11 giờ, như vụt quyết định xong một điều gì, cha tôi có vẻ thành thoi hơn, ông bỏ hẳn thái độ bồn khoăn, thay quần áo ngủ, rồi quay lại trả lời câu hỏi của tôi ban nãy: “Phải đấy, chẳng cần phải nói gì cả, chiều nay con lại nhà luật sư Ch. lấy hết các giấy bác sĩ về. Biết địa chỉ không?”. Tôi gật đầu. Ha tôi kéo ghế ngồi đối diện tôi, nhìn tôi rất lâu. Tôi nói: “Con đoán họ chẳng làm gì cậu đâu, nếu họ muốn bỏ tù thì họ đã bắt tù lâu rồi. Việc này họ đem ra xử cho có lệ, rồi kết mình vô tội để hạ nhục chơi. Và lại nếu có ra Côn Đảo thì cũng chẳng sao, chỉ làm giàu thêm cho cuộc đời tranh đấu của cậu. Cứ coi đó như một dịp đi nghỉ mát, biết đâu lại chẳng có những tài liệu hay để viết, phải không cậu? Ra ngoài ấy, gặp hai chú S., anh V., vui biết mấy! Sẵn dịp đó cậu viết tiếp quyển *Xóm Cầu Mới* hay là con nghĩ thế này – tôi ngồi ngay lại trên ghế – cậu có thể như Churchill về già viết lại quãng đời mình. Con nghĩ đó cũng là một tài liệu quý lắm!”. Cha tôi nhìn ra ngoài cửa sổ đáp: “Cậu chẳng sợ kết quả ngày mai ra sao vì ở nhà hay ở tù thì cũng mất tự do như nhau. Có điều bức nhất là họ lấy tư cách gì mà lại đem xét xử những người quốc gia đối lập rồi gán cho họ tội phản quốc. Còn cái việc viết hồi ký thì cậu cũng đã nghĩ đến hồi 1958 ở Đà Lạt. Cậu dự định viết 3 quyển: cuộc đời làm báo và viết văn của Nhất Linh, cuộc đời làm cách mạng của Nguyễn Tường Tam và quyển thứ ba cậu nói về sự sưu tầm hoa phong lan. Nhưng rồi về đây vì bận tờ *Văn hoá Ngày nay* nên chỉ viết được cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết*, sau đó lại bị dính vào những rắc rối chính trị, không có tâm đâu mà viết”. Cha tôi cúi xuống đọc lại một lần nữa bản án kết tội mình, khi ông ngẩng lên, tôi ngập ngừng đưa ra một câu hỏi: “Bây giờ nghĩ lại tất cả những việc cậu đã làm, cậu thấy hãnh diện về những việc gì nhất?”. Cha tôi cười: “Thật ra thì chẳng có việc gì đáng tự hào vì chẳng có việc nào cậu cho là đến nơi đến chốn. Nhưng cậu vừa lòng nhất là việc thành lập được *Tự lực Văn đoàn*. Đến bây giờ cậu vẫn tha thiết về vấn đề này nhất. Chuyện chính trị nhiều khi cái không khí nó bắt buộc mình phải tham gia, như cái tình trạng hồi Pháp thuộc, lúc đó, nếu cậu không đứng ra giúp nước thì trong lòng áy náy chẳng làm được chuyện gì khác. Nhiều khi người ta bị đẩy tới guồng máy hoạt động một cách rất giản dị đến nỗi chính họ cũng không ngờ tới sự quan trọng của việc họ làm, rồi như những bánh xe ăn khớp nhau, họ bị đẩy dần vào vòng trách nhiệm. Ngay cả những hồi lấy lan ở Đà Lạt, cậu vẫn bứt rứt vì thấy mình không thể đứng ngoài vòng trách nhiệm ấy, nên phải về hoạt động lại ở Sài Gòn. Chính vì thế làm chính trị, lúc nào tiến thì dễ, liệu lúc nào rút khỏi đúng lúc mới khó. Nếu ông Diệm sau một năm đầu ổn định tình thế quốc gia từ chức ngay khi ban hành hiến pháp có phải đẹp biết mấy”. Tôi sực nhớ ra một điều hỏi: “Còn đảng Việt Quốc ra sao? Còn hoạt động gì nữa không?”. Cha tôi có vẻ buồn, ông chớp mắt mấy cái rồi hạ giọng: “Lúc nào cậu cũng muốn có một sự đoàn kết thật sự các anh em, đến bây giờ cậu còn muốn những đảng viên trẻ tiến lên hàng lãnh tụ, những tầng lớp già rút lui đến nếu cần thì làm cố vấn thôi”.

12 giờ trưa, cả nhà đông đủ, mẹ tôi ở dưới nhà lên, anh T. mới ở Biên Hoà về, chúng tôi dùng bữa trưa rất vui vẻ. Cơm xong, tôi ngủ trưa, cha tôi khác với lệ thường không đi nghỉ. Trong giấc ngủ chập chờn tôi nghe mơ hồ thấy cha tôi và anh T. nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp. Đến ba giờ trưa tỉnh giấc, tôi vẫn thấy hai người đang nói chuyện, mẹ tôi đã xuống nhà dưới tự bao giờ. Tôi hơi ngạc nhiên thấy hai người uống Whisky, thứ rượu mà cha tôi đã bỏ từ nhiều năm nay. Nhưng xem dáng, tôi thấy cha tôi rất vui vẻ, ông sốt sắng hỏi tôi về chuyện học hành, chuyện đi dạy học của tôi. Nhân dịp này tôi có hỏi ý kiến ông về việc có một số người lạ

tới gặp tôi trong những ngày gần đây rủ tôi vào một đoàn thể thanh niên mưu chống lại chính quyền Diệm. Cha tôi có vẻ lưu tâm đến vấn đề, ông khuyên tôi phải nên thận trọng vì từ sau vụ đảo chánh thất bại ngày 11-11-1960, những đoàn thể đó có thể của Nhu tung ra để gài bẫy những người muốn chống lại họ. Trong câu chuyện ông rất bình tĩnh, vui vẻ, giảng giải khúc chiết khác hẳn thái độ của ông trong mấy ngày qua. Điều đó làm tôi vui lây. Tưởng như câu chuyện ra Toà ngày mai không còn làm cha tôi quan tâm nữa. Uống xong ly rượu nhỏ, cha tôi đề nghị mua thêm rượu mạnh nữa. Chúng tôi nghĩ có lẽ rượu làm ông quên được những sự thối nát khó chịu nên chúng tôi rủ nhau đi, hẹn cha tôi 15 phút sau trở về ngay. Lúc tôi sắp bước xuống cầu thang, cha tôi gọi giật tôi lại, tôi nghe ông gọi tên tôi bằng một giọng xúc động, nhưng ngay lúc ấy tôi không để ý. Ông nhìn lâu vào mắt tôi, ngập ngừng đưa một cánh tay về phía trước như muốn nói điều gì lại thôi, chỉ hỏi: “Đi có 15 phút thôi à?”. Đến bây giờ nghĩ lại tôi còn nhớ rõ cái nhìn của cha tôi lúc ấy, ánh mắt như gửi đến tôi những điều mà ông không thể diễn tả bằng lời.

Tôi chờ anh T. đến đường Đồng Khánh, lúc ấy khoảng 4 giờ chiều. Trời âm u buồn như muốn mưa. Chúng tôi vào mấy tiệm để lựa thứ rượu nào cha tôi ưa thích. Cuối cùng chọn được chai Johnnie Walker, vừa đi ra thì trời lại đổ cơn mưa to. Chúng tôi trú ở mai hiên nhà hàng Arc-en-ciel. Trời tối sầm lại. Người đi đường chạy dạt vào hai bên trú mưa. Anh T. lộ vẻ bồn chồn, nóng nảy, bứt rứt. Tôi thấy anh đứng một chỗ như không yên. Một chiếc tắc-xi vút tới, những giọt nước mưa màu vàng sáng đan nhau líu ríu trước hai vệt đèn pha. Tôi ngạc nhiên thấy anh T. chạy vụt ra đón chiếc tắc-xi ấy, mặc dù mưa rất nặng hạt. Anh chỉ kịp nói với tôi một câu: “Mày ở lại đây, tao về trước!”.

Tôi nhìn những giọt nước mưa bắn toé bọt trắng ở bên mặt lộ, hơi nước trắng nhờ phủ kín mặt nhựa. Thình thoảng một chiếc xe xẹt ngang rẽ nước sang hai bên. Bên cạnh tôi, dưới mái hiên một cô bé chừng 15 tuổi đứng khấp nép vào sát tường, cô ta căng cái ô ướt sũng nước về phía trước, nhưng những giọt nước mưa quái ác vẫn bắn toé vào hai gót chân. Mái tóc của cô ta mềm phủ dài sau lưng, bụi nước mưa phủ trắng lấm tẩm như những hạt sương nhỏ.

Tôi nghĩ miên man đến những chuyện riêng rồi cuối cùng trở lại chuyện cha tôi ngày mai phải ra toà, không biết gia đình có được vào xem xử án không. Dần dà tôi khám phá ra hình như thái độ gần đây của cha tôi có một cái gì khác thường tất cả diễn ra như sắp xếp theo một nhịp ngắn nắp, một trật tự đặc biệt. Mọi thái độ, lời nói, cử chỉ của cha tôi mấy hôm nay mơ hồ như có liên quan với nhau như âm thầm, đan díu, mưu tính để cùng tiến tới một ý định duy nhất. Sự khám phá đó nở dần trong tôi một mối lo sợ, đầu tiên là những cơn lo âu vớ vẩn có xen chút hoài nghi như một bộ hành sợ mưa khi nhìn thấy vài áng mây đen trên nền trời xanh. Nhưng sau đó, kiểm điểm lại, thấy quả thật mọi việc đều ăn khớp với nhau mật thiết như một sợi xích, thì lý trí tôi đã tìm được lý do để thông đồng bào chữa cho nỗi lo âu của mình. Từ đó, lo sợ biến thành một cảm giác bàng hoàng xâm chiếm ở ạt con người tôi như một dòng nước mạnh phá vỡ con đê. Nổi bàng hoàng toả ra, lan ra khắp người như cảm giác đang khi ở trong phòng lạnh chợt mở cửa bước chân ra ngoài đường phố.

Tôi bắt đầu đi vào giấc mơ. Trí óc tôi vẫn tỉnh suốt. Nhưng cảm giác lạc đi, tê dại. Mưa vẫn quất xối xả. Tôi nhìn xuống mái tóc cô gái đứng trú mưa cạnh tôi, rồi quay đi. Nhưng trong trí tôi vẫn còn vương lại hình ảnh những bụi nước nhỏ lấm tẩm, những bụi nước ấy cứ lờn vờn ám ảnh một cách dai dẳng vô lý. Từ đó, hiện lên rất nhiều những đốm trắng nhỏ nháy múa trước mắt, chúng nở ra nhòa đi, rung rinh trên một nền trắng; trong đó là hình ảnh của cha tôi buổi chiều ngày hôm trước, lúc ông đang nằm trên nệm trắng, vòng tay gối đầu, ngửa mặt lên trần. Hai mắt ông màu nâu đục, cái nhìn xa xăm buồn bã như suốt đời đi tìm chẳng bao giờ toại nguyện. Tôi tiến lại, đưa cho ông một tờ giấy tôi vừa nhận được, trên góc có đóng hai chữ “Thượng khẩn” màu đỏ: người ta buộc cha tôi đúng 6 giờ chiều ngày 6-7-1963 phải trình diện tại Tiểu đội

Hiển binh số 635 đường Nguyễn Trãi vì “một lý do sẽ cho biết sau”. Cha tôi nhòem dậy, chống một khuỷu tay lên giường, ngược nhìn đồng hồ. Tiếng máy xe mô-tô của người hiển binh nổ đò ở dưới nhà, nhỏ dần, loăng đi rồi mất hẳn. Cha tôi đứng dậy, mở cửa sổ, trông xuống đường. Chập sau, suy nghĩ hồi lâu, ông quay về phía tôi, bảo: “Con mặc quần áo đi với cậu đến nhà chú K.”. Tôi hơi bực mình, vì chiều thứ bảy nào tôi cũng có mục riêng, không đến chơi nhà mấy thằng bạn thì cũng chui vào rạp xi-nê, nhưng tôi không dám trái lời. Trên chiếc tắc-xi rời chợ An Đông hướng về miệt Sài Gòn, tôi thấy cha tôi cứ chốc chốc lại ngoái về phía sau. Ông bảo tôi: “Con xem có xe nào theo không? Lúc này cậu thấy có mấy người lạ đứng bên kia đường nhìn vào nhà mình”. Tôi ra hiệu cho tài xế rẽ quặt sang đường Trần Bình Trọng. Chiếc xe hơi duy nhất chạy phía sau vẫn tiến thẳng đại lộ Thành Thái. Tôi đáp: “Không! Không có xe nào theo mình cả!”. Cha tôi ngồi bên cạnh, một tay chống lên má, cúi đầu nhìn xuống mũi giày. Ông có vẻ thật buồn. Má ông tôi thấy hóp hơn; cha tôi trở về thái độ đăm đăm khó hiểu có từ mấy ngày nay. Tóc ông bị rụng khá nhiều trong những ngày sau cùng nhiều suy nghĩ, nom xơ xác hơn, mấy sợi bạc phát lơ thơ theo gió. Một lát, ông hơi giật mình ngẩng lên nhìn ra ngoài rồi bảo tôi: “Sao không đi xe Vespa của con?” – “Sợ cậu mệt, xe con đi xóc lắm!”. Cha tôi nhăn mặt: “Ồi dào! Cần gì!”. Ông im lặng một lát khá lâu rồi nói tiếp, giọng thật nhỏ nghe như một tiếng thờ dài: “Từ trước đến nay, cậu đã đi xe con lần nào đâu!”.

Một chiếc tắc-xi ở đằng xa vụt tới, cô gái đứng bên cạnh tôi giơ cao ô, bước ra khỏi hiên, tay ngoắc rối rít, nhưng chiếc xe trên có người. Tôi lắng nghe tiếng mưa rào rào. Để ý thấy tiếng mưa đang reo to bỗng như hụt xuống, âm thanh trầm hẳn kéo dài dật dờ trôi từng đợt nhỏ dần về phía cuối đường. Ở đó, như vỡ ra, tiếng mưa lại ào ào ran lên từng nhịp. Tôi ngẩn ngơ nghe tiếng mưa trôi dạt rồi bỗng nhiên bị hút trong những hình ảnh vô trật tự, những mâu đối thoại ngắn hốt độn, đồng thời cảm giác lo âu, bàng hoàng lại trở về, rối loạn, mãnh liệt. “Người ta sẽ giữ tôi lại!”. Cha tôi bám vào vai chú K., ra hiệu cho tài xế về nhà, lúc chiếc tắc-xi tới gần Tiểu đội Hiển binh. Hình ảnh ban trưa cha tôi và anh T. rì rầm nói chuyện. Gương mặt thẳng thốt của ông lúc gắt với chị Th. tối qua! – “Chết! Sao hôm nay anh nói gì lạ thế!”. “Ngày mai, tôi ra Toà. Họ xử tôi không biết bao nhiêu năm, biết còn sống đến ngày về không?”. Thái độ bỏ về hốt hoảng của anh T. đang lúc mưa rơi nặng hạt. “Không! Không ai xử được tôi đâu!”. Ánh mắt kỳ dị của cha tôi nhìn tôi hồi nãy: “Đi có 15 phút thôi à?”.

Tôi không dám nghĩ tiếp. Tim tôi như đứng lại. Một cái gì ghê gớm đang chờ tôi ở nhà. Tôi quay sang bên, người con gái có mớ tóc dài đã bỏ đi từ hồi nào. Mưa vẫn chưa dứt. Nhưng tôi vẫn băng ngang đường, mở khoá xe. Một chiếc xe buýt màu vàng nặng nề trờ tới, đổ xích thả một bà cụ xuống vỉa hè.

Lúc tôi nhảy hai bước một lên cầu thang, nhìn vào phòng, thì mọi chuyện đã xong xuôi cả rồi. Căn buồng đóng kín cửa, tối mờ mờ. Một bầu không khí yên lặng trang nghiêm. Mùi hương đầu đây phảng phất. Cuối phòng vẫn trên cái ghế xích-đu buổi sáng ông ngồi nói chuyện với tôi, cha tôi ngồi gục đầu, hơi ngoẹo về phía vai phải, một cánh tay buông lỏng thả quệt xuống sàn nhà. Dáng điệu ấy thoạt trông thì khổ sở nhưng nhìn gương mặt thì tuyệt nhiên không một nét đau đớn. Ông như người ngủ một ít nước bọt nhả ra ở khoé mép. Anh T. từ lúc nãy vẫn ngồi cúi đầu yên lặng, tưởng như không có mặt anh trong phòng, ngẩng lên, tưởng như không có mặt anh trong phòng, ngẩng lên, tôi thấy mắt anh không còn làm cho tôi ngạc nhiên nữa: “Cậu đã bỏ chúng ta đi rồi!”. Mẹ tôi đang thấp hương lâm râm khấn trước bàn thờ, quay lại nhìn tôi, mắt cũng đỏ nhưng không khóc, cái nhìn của bà đại đi như không còn nhận ra tôi là ai nữa. Bà phác vài cử chỉ thừa thãi, rồi như người miên du bà bỏ đi xuống nhà. Đèn cầu thang vẫn bật sáng từ trước, nhưng theo một thói quen vô ý thức, bà giơ tay bật đèn, thành thử cầu thang lại bị tối om.

Trong suốt thời gian trú mưa dưới mái hiên nhà hàng Arc-en-ciel, bàng hoàng và lo sợ đã xâm

chiếm lấy tôi. Xúc cảm của tôi như bị dấn ra tê liệt. Tới nỗi bỗng dưng giáp mặt trước cảnh tượng này, tôi giản dị quá. Nó mở ra trước mặt tôi một cảm giác mơn man êm ả; như một giải thoát thoải mái. Tôi nghĩ: “Xong rồi!”. Và tự nhiên thấy tâm hồn mình trở nên bình tĩnh. Tôi hỏi anh T.: “Anh gọi bác sĩ chưa?”. “Chú K. đi gọi bác sĩ Ph. từ 15 phút rồi!”. Tôi hỏi tiếp: “Chú K. đến từ hồi nào vậy? Mà tại sao lại đến đúng lúc vậy nhỉ?”. Không óc tiếng trả lời câu nói của tôi.

Cha tôi vẫn ngồi đó, không ai đụng tới. Trên một bàn nhỏ trước mặt ông, chai rượu đã vơi gần nửa. Quyển *Wuthering Heights* của Brontë còn mở rộng trước mặt. Thời khắc trôi qua rất chậm. “Phải làm một cái gì chứ”. Tôi nghĩ. Nhưng không biết sao tôi vẫn ngồi bất động ở trên đi-văng. Căn phòng tự nhiên tối tăm và yên lặng quá. Tiếng quạt trần quay chậm rì rầm, rì rầm. Căn nhà sát bên vọng sang một tiếng quát mắng: “Cho mày chết!”. Rồi có tiếng guốc hấp tấp xuống cầu thang, giậm dũ. Im một lát. Tiếng một thằng bé oà lên khóc. Tiếng khóc thê thảm kéo dài mãi không ngớt, tôi chú ý nghe mà gần muốn hụt hơi. Tôi nghĩ thầm trong trí: “Thằng bé nào mà khóc dai vậy nhỉ?”. Rồi lắng tai chờ đợi, xem người chị vừa bỏ xuống nhà khi nãy có trả lên đỡ nó không? Khung cánh ấy thường xảy ra từ bao nhiêu năm nay không bao giờ tôi chú ý, bỗng dưng vô lý lại ám ảnh tôi quá đáng. Những tiếng động vang sang rất rõ, có lẽ là còn nét hơn cả mọi lần, nhưng tôi nghe vẫn thấy như lạc đi, như tất cả cái sinh hoạt ấy thuộc về một thế giới khác, một thế giới thực sự, quen thuộc nhưng xa xăm, không còn liên lạc gì với tôi nữa.

Mẹ tôi bắt đầu sụt sùi. Tiếng anh T. gắt, nhưng vẫn cố đẽ giọng thật nhỏ: “Mợ khóc làm gì? Có ích gì đâu?”. Anh đến sát bên, nhắc cánh tay cha tôi lên, bắt mạch. Lát sau anh nói: “Mạch yếu lắm! Khiêng cậu lên giường mau!”. Chúng tôi choàng một cái chăn lên dày lên người ông, phải khó khăn lắm mới mang nổi cha tôi lên giường. Thân thể ông mềm ra, nên khi hai người khiêng, người ông trũng ở giữa như một chiếc võng. Anh T. rút trong túi cha tôi một tờ giấy, giơ tôi xem nói: “Di ngôn của cậu đấy! Giấu thật kỹ! Đừng để cho tụi mặt vụ nó cướp lấy!”.

Có tiếng nói lao xao ở dưới nhà. Tôi thờ ra khi nhận được giọng nói quen thuộc của bác sĩ Ph. và của chú K, bác Ph., tay xách cặp da y sĩ, bước vội lên lầu. Tiếng bác nói rất lớn, tôi có cảm tưởng như ông vừa mang sự sống cho căn phòng này: “Rõ khổ! Mới buổi sáng nay anh Tam còn lại nhà tôi mà! Khổ quá!”. Bác bước vội lại bên giường giờ chẵn, áp sát tai vào ngực cha tôi nghe ngóng. Ông hấp tấp mở cặp da, cưa ống thuốc, chích cho cha tôi một mũi vào gân máu. Mẹ tôi lo lắng hỏi: “Thế nào?”. Bác thu mũi kim vào, tra vào cặp, lắc đầu trả lời: “Phải chờ gấp vào Grall! Để lâu thuốc độc ngấm vào máu không chữa được đâu!”.

Cha tôi kể như đã mất lúc mang đến bệnh viện. Nhưng điều này – ngay lúc ấy – không ai dám nghĩ tới. Câu nói của bác sĩ Gourillon không làm cho chúng tôi hoàn toàn tuyệt vọng. Bác sĩ Ph. khấn khoản: “Faites quand même quelque chose pour lui”. Chú K. cũng tiến tới, xúc động còn in rõ trên nét mặt, giọng chú lạc hẳn, tới nỗi tôi tưởng đâu chú đang xúc phạm viên bác sĩ Pháp: “Fais l'impossible!”. Người ta chở cha tôi lên lầu. Trong một phòng nhỏ có máy lạnh, viên y tá bơm dưỡng khí vào phổi cha tôi. Ngực ông thờ nhấp nhò đều đều. Mãi sau này, khi nghe bác Ph. trình bày lại là bác sĩ Gourillon đã tính cho chờ thi thể cha tôi vào phòng xác ngay sau cuộc khám xét sơ khởi ấy, tôi mới chịu tin rằng cha tôi đã bỏ đi ngay từ buổi chiều hôm đó, ngày 7-7-1963, có lẽ vào lúc mà tôi ngược nhìn lên những hàng cây của khu công viên bệnh viện đứng rù mình dưới bầu trời màu xám chì thẫm đậm. Và tất cả những gì người ta đã làm theo sự khẩn nài của chúng tôi – từ sau đó đến nửa đêm, với tất cả những phương tiện tối tân của bệnh viện, là chỉ cốt gây cho cha tôi một sự sống giả tạo để kéo dài hy vọng cho những người còn lại, cho những giọt nước mắt khoan chảy trên gò má chúng tôi.

Khoảng 7 giờ hơn. Một màn tím thẫm phủ kín khu nhà thương. Cuối con đường lát sỏi của khu vườn hoa, một cột đèn sắt gục đầu phả ánh néon lạnh lẽo. Giờ thăm bệnh đã hết từ lâu. Người gác cổng khom lưng đẩy hai cánh cửa sắt nặng nề. Cười, vì trường hợp đặc biệt, được phép suốt đêm ở lại bệnh viện. Trên một chiếc ghế dài ở hành lang, anh T. và tôi từ lúc nãy không ai nói một câu. Anh để hai tay lên đùi, nhìn xuống sàn. lát sau, vẫn không ngẩng lên, anh nói: “Liệu có qua được không?”. Tôi đáp: “Hy vọng lắm! Có gì trể đâu! Cậu uống được vài tiếng thì mình đã mang vào nhà thương rồi”. Ở đầu kia, một bác sĩ Pháp đẩy cửa phòng cha tôi bước ra, ánh đèn hắt ra ngoài cắt một khoảng sáng trên nền hành lang tối sâu thăm thẳm. Bác Ph. đứng ở cửa chặn lại hỏi thăm. Hai người thì thầm nói chuyện rất lâu: “Lúc anh bỏ về thì cậu đã uống chưa?”. “Rồi! Có lẽ ngay từ lúc tụi mình vừa đi khỏi, nhưng ông còn tỉnh lắm, vừa thấy tao là ông hỏi ngay: Đi gì nhanh thế? Tao giờ chai Walker lên bảo ông: Rượu đây, cậu uống cho say rồi quên cái ý tưởng muốn tự tử tối hôm nay đi, người ta chẳng đáng để cậu bận tâm đâu! Ông không nói gì cả, rót rượu vào cốc, uống một hơi cạn liền. Uống xong ông lại rót đầy một ly nữa, rồi cũng uống một hơi cạn. Kể thì cũng hơi lại, nhưng thấy ông xuống buổi chiều nay vui quá tao cũng không để ý”. Tôi giờ tay ngắt lời: “Sao anh biết tối nay cậu tự tử?” – “Chính ông nói mà, vào buổi trưa lúc mày còn ngủ quên trên giường. Ông tin việc làm của mình là phải nên không giấu. Ông bảo đêm nay 10 giờ cứ để ông ngủ như thường. Sáng mai, đánh thức dậy là xong rồi. Tha hồ để cho người ta xử. Ý ông đã quyết như thế, ông bảo nếu không xong hôm nay, thì vào khám cũng chết. Tao đã có kế hoạch đối phó cả rồi nếu... tối nay ông tự tử thật”. Anh T. dừng lại, di một ngón tay lên đùi, lát sau anh hạ giọng: “Nhưng không ngờ ông lại làm sớm thế...”. Tôi bất thần quay hẳn sang phía anh tôi, hỏi: “Còn tờ di chúc cậu viết hồi nào vậy?” – “Có lẽ hồi sáng, tao cũng chẳng biết, ông uống hết cốc thứ ba rồi thì thò tay vào túi rút ra cái tờ giấy ấy đưa cho tao xem. Đến lúc ấy tao mới biết là ông tính làm thật. Tao đã định chốc nữa ông ngủ sẽ lục túi ông lấy thuốc độc giấu đi; ông dặn tao là tờ di ngôn này phải đưa cho ông Đặng Văn S., bác sĩ Đặng Văn S., và nhờ ông chuyển đi ngoại quốc. Còn liệu có thể đưa cho ký giả Mỹ Pháp được thì khỏi cần. Lúc ấy ông như sức nhớ ra điều gì, đi lại bàn viết. Tao thấy ông có vẻ mệt, ông ngồi lên thế tay run run viết bản thứ hai giống hệt bản thứ nhất. Bản này chữ xấu lắm, nét nguệch ngoạc rời rạc những dấu phẩy nằm bên cạnh nhau. Sau này nhìn kỹ tao mới thấy hai bản khác nhau một chữ. Bản thứ nhất: Tôi không chịu để ai xử cả, bản thứ hai thì: Tôi không chịu để ai xử tôi cả¹. Viết xong ông nói: Tí nữa thì quên, phải viết hai bản thế này nhớ nó tóm được một thì còn bản kia chứ. Ông giờ tay che miệng ngáp một cái dài rồi nói: Gớm! Buổi trưa mãi nói chuyện, không ngủ, bây giờ mệt quá. Ông nhìn ra cửa sổ, nhìn bầu trời ướt sũng nước mưa, rồi nói, rất nhẹ, nghe như hơi gió: Trời hôm nay đẹp quá... Tao quay lại thì ông đã ngủ rồi. Đó là câu nói cuối cùng của ông. Tao cứ để yên ông ngủ, bỏ xuống dưới nhà. lát sau, lên nhà thì thấy ông nằm trên ghế có vẻ gì khác lạ đáng điều khổ sở quá, tao nhìn chai rượu vơi gần nửa rồi mới sức nhớ đến cử chỉ của ông lúc nãy. Khi ông uống đến cốc thứ ba, ông như tọng rượu vào đầy người chứ không có vẻ gì là ngon lành cả. Hình như có cái gì chặn tay ông lại khiến ông phải cố gắng lắm mới nâng nổi cốc lên miệng. Ông háp tấp uống như muốn để nén một cái gì. Lấy làm lạ, tao thử lay lay ông dậy nhưng thấy người ông mềm hẳn ra. Tao tái người vội vàng chạy xuống nhà gọi mợ lên. Tao nghĩ ngay đến việc gọi bác sĩ, nhưng vừa mặc quần áo xong thì chú K. cũng vừa tới nơi”. Anh ngừng lại, nắm chặt tay đập lên đùi: “Không hiểu sao tao không nghĩ là ông có thể tự tử ngay trước mặt mình, tao cứ nghĩ người ta phải tự tử ban đêm, từ lúc tao về đến nhà có đầy 15 phút đâu?”.

10 giờ đêm. Bác Ph. gọi riêng chúng tôi báo cho biết cha tôi khó qua khỏi đêm nay. Chúng tôi bàng hoàng sững sốt cả người. Mẹ tôi bảo chúng tôi phải báo tin ấy cho những người thân. Trên chiếc xích lô máy rời bệnh viện, tôi quay sang anh T. hỏi: “Cậu uống gì mà có thể chết nhanh vậy nhỉ?”. Anh đáp: “Không biết, vừa rồi bác sĩ phân chất thấy không có thuốc ngủ trong nước tiểu. Chắc là phải mạnh lắm, rồi lại thêm rượu vào nên mới nhanh thế!”. Tôi lại hỏi: “Buổi trưa cậu nói gì với anh?” – “Ông dặn tao rất nhiều điều phải làm sau này. Đầu tiên ông nói về phong trào đấu tranh của Phật giáo, tới vụ tự thiêu của Thượng toạ Thích Quảng Đức, tới việc

ngày mai ra Toà, rồi ông kết luận là ông phải chết như Thượng toạ để đẩy mạnh thêm phong trào tranh đấu chống chính phủ Diệm. Tao có nói rằng cậu hy sinh như vậy phí đi. Nhưng ông có vẻ giận tao về câu ấy lắm, ông bảo cứ nghĩ như thế thì chẳng làm được gì cả. Nếu cái chết có thể cảnh cáo được họ hay ít ra cũng có một tiếng vang thì còn tiếc gì thân mình nữa. Ở nhà bác tôi trở về bệnh viện chúng tôi đi trên hai chiếc xe hơi. Dự định là sẽ họp nhau lại tối nay để bàn kế hoạch đối phó, phân công. Nếu cha tôi mất đêm nay, ngày mai sẽ mở ra đầy bất trắc. Người ta có thể xông vào nhà tôi cướp tờ di ngôn ấy không? Làm sao cho tờ giấy ấy có thể lọt ra ngoài quốc, thoát các bàn tay mật vụ? Lúc ấy 11 giờ đêm, hai xe đi cách nhau 50 thước, lướt trên những con đường về đêm vắng ngắt. Một hồi đến ngã tư Duy Tân, Hồng Thập Tự, xe trước đi mất hút. Anh L. làu nhàu gắt gỏng: “Thằng Q. đi gì mà kỳ cục vậy?”. Nhưng vòng một lát gần đến bệnh viện thì bắt gặp lại xe đi trước. Tôi thốt nhiên chú ý tới một xe traction mang số NBN màu đen đi lùi theo sát lấy xe của Q... Xe này vừa quặt sang đường Nguyễn Du, xe traction bám theo liền. Anh L. chỉ tay cho chúng tôi thấy, kêu lên: “Xe mật vụ!”. Rồi anh đập tay lên bánh lái, giận dữ: “Tụi này nó thính mũi như ruồi!”.

Nửa đêm, tôi đứng tựa lan can, nhìn lên bầu trời lòng trĩu nặng. Các bác sĩ Grall vừa báo cho biết cha tôi chỉ còn sống được 15 phút nữa. Tất cả những căn phòng khác mấy khu bệnh viện đều rơi vào bóng tối và yên lặng. Chỉ trừ phòng cha tôi đèn còn bật sáng. Người nữ y tá rời phòng đi ra, lặng lẽ cúi đầu bước xuống cầu thang. Chừng hơn mười người thân thuộc đứng nói chuyện nhỏ tiếng trước cửa phòng. Anh B. ngồi lẻ loi trên một chiếc ghế dài, buồn bã. Đèn phòng hắt ra, đổ dài bóng anh trên nền hành lang lạnh lẽo. Có tiếng vài người khóc. Tiếng mẹ tôi trong phòng lọt ra thảm thiết: “Anh Tam ơi! Anh bỏ...”. Tôi há miệng ra, ngăn chặn một xúc động đang dâng lên đầy ngực, nhưng không kịp. Hình ảnh cha tôi nhoè ra, rạn vỡ tươi cười, hình ảnh ấy của 5 năm về trước, lúc ông vừa xem xong một truyện ngắn của tôi tả về cái chết của ông. Trong đó tôi kể một buổi đi chơi núi, cha tôi với một nhánh Huyết-nhung-lan ở bờ vực, rồi hụt chân ngã xuống khe. Người ta vực ông về nhà nhưng đến bên dòng Đa-mê thì ông tắt thở, sau khi mỉm cười nhìn lần cuối cùng vườn hoa của mình. Ông ưa nhất chuyện ấy. Mỗi lần đọc ông lại mỉm cười thích thú. Nhưng ông không đưa cho ai xem, sợ người khác không hiểu cho tôi bất hiểu. Thành thử mỗi lần khoe ai về chuyện ấy, ông có vẻ bức tức khi thấy người đối diện lộ vẻ không tin. Một lần tôi hỏi ông: “Chết rồi sẽ ra sao nhỉ?”. Ông nghĩ một hồi, cười trả lời: “Hồi bà Trưng chắc chắn là mình chưa ra đời chứ gì? Thế mình ở đâu? Chết tức là trở về mình hồi ấy đó!”.

Có tiếng xôn xao. Mọi người đổ dồn vào phòng. Khi tôi chạy lại bên giường thì vừa kịp thấy ngực cha tôi ngưng thở. Ngay lúc ấy, một cái gì thoảng qua rất nhẹ trên nét mặt ông. Nhưng khi nhìn kỹ, thấy gương mặt không có gì đổi khác tôi biết là mình đã quá giàu tưởng tượng. Hai ba người hỏi lao xao: “Mấy giờ rồi? Mấy giờ rồi?”. Không ai trả lời. Mẹ tôi oà lên khóc ngắt. Tôi bỏ ra ngoài. Gió từ phía sau nhà thương thổi lạnh gậy gậy. Một lần nữa, tôi nghĩ thầm trong trí: “Xong rồi!” và thấy chỉ còn trong người một mối uất hận man dại thắm thía. Trước mặt tôi lơ lửng một cái màng mỏng phất phơ qua lại, tôi nhớ mình vừa thấy đâu đây một cái màng nhện giăng ở góc tường. Bỗng nhiên trong người tôi nở dần ra một cảm giác lan ran, một cái thú tê dại khổ sở đau thương như cái thú nuôi nắng một mối cắn hờn, cái thú sung sướng man dại khi bắt gặp một người bạn thân mà mình bấy lâu đối xử tử tế bỗng đứng trở mặt lừa đảo lại mình.

Từ hồi sáng, cha tôi vẫn bận quần áo ngủ. Mẹ tôi đòi thay quần áo Tây cho ông trước khi đưa vào phòng xác. Cánh tay ông lỏng lẻo quá, không thể nào bỏ được vào ống tay áo, trừ khi nhét thật mạnh vào, nhưng tôi lại sợ ông đau. Tôi phải cố nghĩ: Ông không còn biết đau là gì đâu, mới làm xong được việc ấy. Lát sau trên chiếc xe hồng thập tự bít bùng của bệnh viện, mẹ tôi và chúng tôi ngồi trên hai dãy ghế dài, yên lặng không nói một câu. Trên băng-ca đặt dưới sàn, một mảnh vải trắng rộng phủ lên thi thể cha tôi. Chiếc xe lướt êm quanh co trên những con đường nhỏ của khu nhà thương mệnh mang. Đến trước cửa nhà xác, xe ngừng lại; người gác-

dan ngái ngủ, dụi mắt, mở cửa sau, phụ với viên tài xế khiêng băng-ca xuống. Tôi bước vào nhà, dùng mắt trước một cánh cửa dày kẻ một hàng chữ đỏ chói: “Buồng lạnh. Triệt để cấm vào”. Người gác-dan tra khoá vào ổ, chiếc cửa nặng nề mở ra, có tiếng máy chạy ù ù. Bên trong, một làn ánh sáng nhợt nhạt. Khí lạnh toát ra gai người, máy dầy giường sắt khô khan. Một cái xác đã nằm sẵn trong góc trái. Tôi hơi ghê sợ với ý nghĩ tối nay cha tôi phải nằm đây một mình. Chúng tôi vén tấm vải lên, nhìn vào gương mặt ông, ghi nhớ hình ảnh ông một lần cuối: Mắt ông đã nhắm lại. Từ nay chúng tôi không còn được thấy cái tật hay chớp mắt của ông, cái nhìn buồn bã vô tận ấy nữa. Râu của ông lưa thưa màu muối tiêu, riêng đôi lông mày vẫn còn rậm rạp. Tóc ông lưa thưa như hói phía trên, lộ cái trán rộng mênh mang.

Anh T. bỏ tấm vải che mặt xuống. Tôi nhớ tới hình ảnh vui vẻ của ông mới hồi trưa, tới niềm vui bèo bọt của tôi hồi chiều lúc ông bảo tôi đi mua rượu, tới ánh mắt nhìn tôi rất lạ và câu nói sau cùng mà tôi được nghe thấy ở ông: “Đi có 15 phút thôi à?”. Rồi quay sang phía mẹ, tôi nói: “Thôi! Cậu đã bỏ đi thật rồi!”. Tôi chợt chú ý giọng nói của mình, âm thanh như đứng một chút ở cửa miệng, ngỡ ngàng như giọng nói của một người khác. Rồi bỗng tôi thấy câu nói của chính mình nghe tội nghiệp, thảm thương quá. Chữ “bỏ đi” nhắc nhở tôi một cái gì mất đi hoàn toàn, một hình ảnh không còn nữa hay không bao giờ còn trở lại. Một mối xúc động lại dâng lên chặn lấy ngực tôi nặng như một khối đá, tôi há miệng ra, quyết chặn đứng một lần thứ hai không cho lên cổ, nhưng không còn kịp nữa.

Lúc ấy một giờ ba mươi. Khi tôi ngẩng lên, các vì sao lấp lánh trên bầu trời đã lung linh nhoè nhoẹt cả rồi.

Thế Uyên Người bác

Đôi khi, sau buổi chiều ôm một tấm ván bơi lang thang khắp hồ Tây tìm củ ấu nước, tôi ngồi nghỉ trên bờ cù kê cho mẹ tôi cuộc phiêu lưu trong nước vừa qua, bà ngừng giặt áo, nói với giọng giản dị: “Các bác ngày xưa bằng tuổi mày, đâu có nghịch đến thế!”. Giọng của bà không có gì là trách móc nhưng tôi cũng giận dỗi nhảy tùm xuống hồ, và chỉ lên khi trông thấy ba tôi xuất hiện trên đường làng Yên Phụ. Đôi khi những ngày ngày-xưa được mẹ tôi nhắc đến qua những hình ảnh làm tôi thích thú nghe hơn: “Cây liễu này chú Sáu trồng khi mới tới ở đây. Du cùng tuổi với nó đấy”. Tôi nhìn cây cổ thụ thân nâu sần sùi nứt nẻ cành mềm rũ xuống mặt nước, cảm thấy một hãnh diện, một liên đới thân mật mơ hồ. Có sáng mùa đông, tôi lục tủ sách mang truyện ra, leo lên ngồi cạnh mẹ tôi đang khâu vá. Mẹ tôi nhìn qua cửa kính, vẻ mặt buồn, tôi nhìn bà, tiếng thuyền chài gõ trên nan tre qua cửa kính lọt vào phòng. “Chắc những ngày này bên Vân Nam có tuyết. Chẳng biết các bác có áo ấm không...”. Tôi vứt sách, nằm gối đầu lên đùi bà. Mẹ tôi mỗi lần nhắc tới các bác, giọng bao giờ cũng mang một nỗi buồn lo lắng làm tôi nghĩ đến những hiệp sĩ lâm nguy trong những truyện cổ tích. “Du cũng thích tuyết, bao giờ các bác về, mẹ nhớ cho Du đi theo...”. Mẹ tôi cười, sang dĩ vãng khác: “Mùa lạnh hồi trước, những ngày như thế này, các bác các chú thể nào cũng về đây, đốt lò than để ngay giữa phòng, uống rượu với mực nướng, ngắm hồ và cây liễu”. Tôi ngồi dậy dí mũi vào cửa kính lạnh, tò mò nhìn cây liễu trụi lá, không hiểu nó có gì lạ để các bác phải ngồi ngắm.

Mùa hè, tôi và Lam suốt ngày bơi thuyền, lội dưới nước hái củ ấu, tìm hoa sen. Buổi chiều, ba tôi ở toà báo về, ba bố con vác cần ra câu cá cho mẹ tôi nấu canh buổi chiều. Mùa đông, hai đứa chạy trên những con đường lát ạch đỏ, vác gậy săn thằn lằn, leo cây đa cổ thụ để tưởng tượng mình đang làm thuyền trưởng trên tàu đi thám hiểm Bắc cực. Những khi thời tiết quá lạnh, bọn tôi ngoài giờ học, cạy tủ sách lớn lục đọc trộm những cuốn tiểu thuyết ba tôi chưa cho phép cầm tới. Vụ vi phạm này đến tai ba tôi, không biết hai ông bà quyết định ra sao, chỉ biết

hậu quả là thỉnh thoảng tôi dắt hai đứa lên Hà Nội, đến toà báo, - thế giới thần tiên của tôi và Lam. Hai anh em đứng hàng giờ nhìn máy in chạy, táy máy lấy chữ xếp tên mình cho tới khi ba mẹ tôi từ phòng các bác xuống, dẫn bọn tôi ra Thủy Tạ. Hai ông bà ngồi uống rượu nóng pha chanh, hai anh em sốt ruột ngồi trước đĩa lạc: chồng tiểu thuyết ba tôi trao cho Lam ôm từ lúc rời toà báo đang nằm trên bàn chờ đợi. Tôi dùng thìa vớt những miếng chanh nóng, bỏ vào miệng ngậm, luồn luồn giục mẹ uống mau hết rượu. Sau đó gia đình tới một hiệu sách quen. Lam đặt chồng tiểu thuyết trên quầy, lúi húi biên những số tiền dài trên một tờ giấy. Tôi để mặc Lam, chạy đi chạy lại ngắm những tập *Truyện bá*, *Tuổi thơ*, những tập sách Pháp in hình Bạch Tuyết có đôi mắt to cắn quả táo đỏ bự. Khi Lam và chủ hiệu đã cộng xong những con số, hai anh em bắt đầu chọn sách. Ba tôi mang một số sách của Nhà xuất bản Đồi Nay đến để bọn tôi đổi lấy những truyện nhi đồng. Tôi xếp một chồng cao trước mặt, mở trang đầu, truyện nào bắt đầu bằng hai chữ “Ngày xưa...” mới chọn. Khi trở về làng, trời lạnh cóng, tôi nhìn thấy từ xa ánh điện lọt qua cửa sổ nhà, lòng đầy háo hức. Số truyện này đủ cho hai anh em bận bịu một vài tuần mùa đông khỏi chọc phá các em hay chui vào bụi sân thần lẩn. Đến khi số truyện nhi đồng đọc hết, khi Lam bắt đầu cạy tủ lớn tìm *Hồn bướm mơ tiên*, là mẹ tôi sửa soạn quần áo dẫn hai anh em tới toà báo. Bà lại lên gác gặp các bác, tôi và Lam lại đứng ngắm máy in. Lại những miếng chanh tắm rượu nóng bỏng, hiệu sách và ban đêm trở về, mong ngóng từ xa ánh đèn cửa sổ nhà.

Ba mẹ tôi có một quan niệm đặc biệt về giáo dục con cái: không có một kiểm chế nào. Ba tôi làm quản lý báo *Phong hoá*, *Đồi Nay* và Nhà xuất bản *Đồi Nay*, suốt ngày ở toà soạn. Còn mẹ tôi, ngay từ lúc Lam chưa tới mười tuổi, đều coi hai con trai như đã lớn. Thỉnh thoảng, Lam được mẹ tôi sai về thăm bà nội ở làng Bằng Hà Đông. Chỉ có một chiếc xe đạp nên chỉ có một mình Lam được đi. Tôi ngơ ngẩn ngồi trên cây đa đầu làng, đợi Lam về. Chiếc xe đạp sau một chuyến đi xa, lúc về bao giờ cũng mang đầy những món quà đồng quê. Tôi nhận thấy mỗi lần Lam đi như vậy, mẹ tôi có vẻ bồn chồn lo lắng. Bà ngồi khâu trên bục gạch dưới bụi tre, chờ đợi. Tuy thế không bao giờ bà tìm cách cản bọn tôi trong một cuộc phiêu lưu dài ngắn mà óc tưởng tượng trẻ thơ của tôi và Lam có thể nghĩ ra được. Có lần hai anh em mượn canoé của nhà thuyền gần nhà, chèo sang thăm gia đình bác Long ở biệt thự làng Thụy Khê bên kia bờ hồ. Biệt thự bỏ không, chắc đã hết hạn thuê, tôi và Lam trở về không được. Sóng to và gió ngược chiều. Những cánh tay còn non của hai đứa không đủ sức chèo về, phải nằm lại đó tới chiều, ba tôi cùng bác cai thuyền sang kiếm. Gần tắt nắng mới về đến nhà. Từ giữa hồ, tôi đã thấy mẹ như một vệt trắng bất động dưới gốc cây liễu. Mắt bà đỏ hoe nhưng không nói gì cả, ôm tôi, - lúc đó mệt nhoài, vào nhà. Bà đã tưởng bọn tôi chìm thuyền ở đâu rồi. Sợ bị ba mắng, tuy ông cũng chẳng nói gì, bọn tôi chừa đi chơi xa được ba hôm. Đến hôm thứ tư, Lam mua hai súng cao-su, rủ tôi mượn thuyền đánh cá hàng xóm đi săn ven hồ, mẹ tôi lại cho đi.

Các bác các chú, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam... chưa hề xuất hiện suốt thời thơ ấu của hai anh em trong làng nhỏ tứ bề nước bao quanh này. Các người đó, chỉ như những hình ảnh tương tự các nhân vật thần thoại. Các bác “làm báo”, viết văn, “làm cách mạng”... Những danh từ ấy chưa có nghĩa gì cả đối với tâm hồn còn đơn sơ của tôi. Trong thời kỳ tản cư sau 1946, gia đình tôi luôn luôn di chuyển. Mẹ tôi cất nghĩa: “Tại các bác chống ông Hồ”. Tôi và Lam cũng không hiểu rõ gì hơn, chỉ thấy phục các chú và bác như phục các anh hùng trong truyện. Có vậy thôi, vì tới khi trưởng thành, hai anh em mới thực sự tiếp xúc và biết mặt những người bác thần thoại ấy – những người dám chống các “ông Tây” dám chống “bác Hồ”, những người làm thơ văn dưới gốc liễu và ngắm tuyết rơi bên Tàu.

Tới năm 1945, 1946, tôi mới bắt đầu trông thấy các bác các chú. Khoảng thời gian này ba tôi ít khi về nhà, hai ba ngày liền không rời toà báo. Lam và tôi không yêu bố nên không khó chịu. Đôi khi Lam có hỏi, mẹ tôi trả lời vắn tắt: “Ba bận làm việc với các bác”. Tuy nhận xét còn non nớt, nhưng tôi cũng nhận thấy dân làng giành cho gia đình tôi nhiều kính nể hơn mức thường.

Tôi khoái trí vì leo vào vườn ông lý ăn trộm ổi không bị chủ thả chó ra đuổi, mượn thuyền đi chơi hồ dễ dàng. Một buổi sáng, tôi và Lam đang leo lên nóc nhà treo cờ đỏ sao vàng lớn kèm theo một chuỗi nhỏ cờ các quốc gia đồng minh, mẹ tôi gọi: “Về giúp mẹ, chiều nay bác Tam đến ăn cơm”. Tôi và Lam chờ đợi cả buổi trưa ở đầu làng người bác “làm cách mạng bên Tàu” mới về. Khi bác ngồi trong ghé uống trà ngắm hồ, tôi ôm cột nhà ngắm bác. Dưới cái nhìn trẻ thơ hồi ấy, người bác cao lớn mắt sáng không làm tôi thất vọng so với hình ảnh vẫn tưởng tượng. Tôi chỉ tiếc một điều sao mũi bác đỏ quá. Hiệp sĩ anh hùng tôi đọc trong truyện không ai có mũi đỏ bao giờ. Tôi đưa ý nghĩ ấy ra lời nói. Cả nhà cười và bác cất nghĩa lý do tại sao mũi lại đỏ. Tôi không nhớ rõ những cất nghĩa, chỉ nhớ hình ảnh bác ngồi trong ghé, ánh mắt nét mặt tươi sáng nhìn hồ Tây chiều hôm ấy. Cách một thời gian, một buổi chiều lạnh, gia đình tôi đi uống rượu rồi lang thang trên các vỉa hè Hà Nội. Một đoàn xe dừng lại trước một toà nhà lớn ngay chỗ gia đình tôi sắp đi qua. Bác Tam bước xuống, trông thấy chúng tôi. Bác lại gần bắt tay ba tôi, nói vài câu. Tôi đứng sững nhìn người bác cao lớn mặc áo blouson da đen bóng loáng. “Bác làm Bộ trưởng.” Trong ý thức trẻ con, tôi chỉ biết bác không kém gì bác Hồ tụi nhi đồng ca tụng hằng ngày. Còn ngoài ra, tôi không hiểu gì hơn. Đó là lần chót tôi gặp bác trong tuổi ấu thơ. Gần sáu năm sau, tôi mới gặp lại con người phiêu bạt ấy.

Vài tuần hay vài tháng sau, tôi không nhớ – đối với tuổi thơ thời gian chưa có nghĩa gì cả, chú Bách về thăm. Trong các bác các chú, chỉ có Chú Bách, em trai út mẹ tôi, là chúng tôi biết rõ nhất. Chú từng về ở với gia đình tôi mỗi vụ hè. Đêm chú học đèn đèn sáng. Nhiều lần tôi cương quyết thức cho tới khi tắt đèn. Nhưng mắt tôi bao giờ cũng sụp xuống rất nhanh, chưa lần nào đợi được để biết chú thức đến mấy giờ. “Chú học thuốc”, mẹ tôi nói vậy. Lũ chúng tôi, Lam, tôi, Lan và Liên rất yêu chú. Chú hay dẫn bọn cháu đi chơi xa, kể chuyện ma cho nghe. Những chuyện ma đại loại: “Ngày xưa có một con ma lười dài 17km, chân dài 90km...” Tôi và Lam đã lớn không thích thú, nhưng Lam bao giờ cũng đứng bám vào thành ghé, nhìn chú, mắt tròn xoe nghĩ đến con ma “có lười dài 17km” của ông chú trẻ tuổi. Chiều chiều, chú tổ chức chơi cá ngựa. Chú, Lam, Liên và tôi mỗi người một chuồng. Liên bé nhất, ngựa bao giờ cũng về bết, và bao giờ thấy thế cũng khóc nên chú đặt giải thưởng: về nhất ba hào, về nhì một hào, về bết hai hào. Giải thưởng kỳ cục như vậy có lý do: Lam và tôi bao giờ cũng tranh giải nhất và chú thì chỉ thích đá ngựa của tôi và Lam. Mỗi lần xúc xắc ra số phải đá ngựa Liên, chưa cầm quân, Liên đã rưng rưng nước mắt nên chú đặt thêm lệ: “Ai đá ngựa Liên phải bồi thường một hào!”. Bàn cá ngựa với những luật lệ kỳ khôi ấy làm bốn chú cháu say mê suốt những chiều hè. Hết hè, chú lên Hà Nội học tiếp. Thịnh thoảng nhớ quá, Lam dắt tôi và Liên lên chơi. Đến chú là một phiêu lưu nhỏ. Có khi leo cầu thang, Liên đụng đầu với một con rùa to bự đang thò đầu ra nhìn Liên ngạc nhiên. Lần sau đến, thêm ba con rùa nhỏ xíu. Chú bảo: “Con rùa lớn đẻ ra đấy”. Chú vẫn vui tính, nhưng thôi không kể chuyện con ma “có lười dài 17km” cho nghe nữa và cũng không đưa bọn tôi đi chơi phố. Chắc chú thấy lũ cháu không hấp dẫn bằng những cô gái chúng tôi gọi bằng chị mà mỗi lần tới, lại thấy một chị khác. Bẵng đi một thời gian lâu, đến hôm nay chú mới trở về làng trong một không khí, tuy còn ít tuổi tôi cũng nhận thấy, nhiều đe dọa. Chú đi với hai người hộ vệ. Khi thọc tay vào túi áo blouson để tìm kẹo, tôi lôi ra toàn đạn súng lục. Chú đưa tôi và Lam coi súng, tặng mỗi đứa một viên kẹo đặc biệt đó. Không biết chú nói gì, mẹ tôi im lặng nghe, vẻ mặt buồn bã. Khi chú về, Lam và tôi tiễn chú đến đầu làng, không thể ngờ có lẽ đó là lần chót chúng tôi gặp chú trên đời.

Chiến tranh Việt – Pháp bùng nổ, ít lâu sau, gia đình chúng tôi tản cư về vùng Hà Đông. Ba mẹ tôi không hề nhắc, và cũng cấm chúng tôi nhắc tới các bác các chú, và luôn luôn thay đổi chỗ ở. Một lần, mới đến một làng ít lâu, Lam, Liên và tôi được mời vào ban nhạc của huyện. Đêm liên hoan đang vui, bọn tôi vừa ca xong một bản, thì xướng ngôn viên giới thiệu màn hài kịch “Nguyễn Tường Tam ăn cắp hai triệu”. Tôi chưa có ý nghĩ nào, Lam đã lôi cả hai đứa về. Và ngày hôm sau gia đình gồng gánh đi làng khác.

Sau khi hồi cư, một buổi trưa ở Hải Phòng, nơi ba tôi đang làm việc, tôi nhận được thư Lam từ Hà Nội gọi về, báo tin bác Long đã chết ở trấn Thạch Long, Quảng Châu. Trong những bác chú, bác Long là người trước sau tôi chưa bao giờ gặp. Nhưng ba mẹ tôi luôn luôn nhắc tới, nhắc tới nhiều hơn bác Tam nữa. Do đó tôi háp tấp leo cầu thang đánh thức mẹ tôi dậy: “Bác Long đã chết bên Tàu”. Mẹ tôi òa lên khóc. Ba tôi tỉnh dậy cầm thư đọc. Và ba tôi ngồi trên giường, tay cầm tờ thư, nước mắt giàn giụa. Tôi đã có lần thấy mẹ khóc, nhưng mắt chỉ đỏ chứ không như lần này. Còn ba tôi, thì chưa bao giờ. Trước cảnh ấy tôi sợ sệt bỏ xuống nhà. Hình ảnh ấy ám ảnh tôi, cho tới bây giờ, tôi còn có thể nhớ lại được cả một khoảng nắng chiếu vào tờ thư trên tay ba tôi. Lớn hơn, tôi mới biết rõ trường hợp chết của bác: ông đi họp về một mình, tàu đang chạy, ông gục xuống chết vì bệnh tim. Trường tàu đưa xá xuống ga Thanh Long để đó. Ngày hôm sau chú Bách mới tới được nhận xác và chôn ngay tại đó. Lúc ấy vào mùa đông, tuyết rơi phủ miền Nam Trung Hoa.

Tôi nhớ ba tôi có nói với mẹ tôi: Anh Long chết, chắc anh Tam sẽ bỏ chính trị. Lời dự đoán đúng vì một hai năm sau, bác Tam trở về nước và tuyên bố từ bỏ chính trị. Tôi gặp lại bác một lần khi rủ Th., anh họ đi bơi ngoài sông Nhị giữa mùa nước lớn. Khi trở về phố hàng Bè, vừa leo lên gác, bác gái đã la: “Thằng Du lại rủ thằng Th. đi bơi sông phải không?”. Bọn tôi chui vội phủ sa còn bám đở trên mặt nhưng không ích gì. Bác Tam gái cùng gia đình ngồi trên xe hóng mát đã thấy bọn tôi chui từ lòng sông lên, mệt nhoài. Không biết bác Tam gái nói gì, chắc là kết tội tôi... “Cái thằng quỷ sứ ấy, cứ lôi thằng Th. đi suốt ngày, có phen chết cả hai”. Bác trai vào phòng, lúc ấy tôi đã 15 tuổi, đủ óc nhận xét để nhận thấy tuy ông nhìn tôi không nói gì, nhưng ánh mắt không có chút thiện cảm nào với đứa cháu “quỷ sứ nhất họ”.

Cuốn năm 1954, gia đình di cư vào Nam, bác Tam đã lên Đà Lạt và tôi bắt đầu vào tuổi trưởng thành. Tôi bắt đầu tìm hiểu các bác các chú qua ba mẹ tôi và qua sách vở. Lúc ấy tôi mới biết chú Sáu, người trồng cây liều cổ thụ là nhà văn Thạch Lam, bác Long là Hoàng Đạo, bác Tam là Nhất Linh. Cũng đã lớn lắm tôi mới biết các bác các chú là anh em ruột của mẹ chứ không phải của ba tôi, sờ dĩ xưng hô như vậy là vì ở nhà đã gọi bố mẹ là cậu mợ và ba tôi là người chót của dòng họ Cát làng Vân đình. Và cũng chỉ trên hai mươi, tôi mới bắt đầu thích thú khi biết ngoài dòng máu họ Nguyễn Tường, tôi còn thuộc một dòng họ Cát miền xa xôi nào đó. Niềm thích thú này làm ba tôi hãnh diện nhưng vì những lý do khác về sau, đi sâu vào quá khứ, tôi mới hiểu nguyên nhân.

Càng lớn dần, tôi càng hiểu rõ các bác các chú hơn. Tôi biết bác Tam là Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên trong chính phủ đầu tiên của Việt Nam sau Pháp thuộc, bác Long là Bộ trưởng Kinh tế trong chính phủ thứ hai, chú Bách phụ trách trong phong trào Thanh niên Ngũ xã chống Việt Minh năm 45, 46. Tôi cũng biết các bác làm báo *Phong hoá* lúc đầu ra sao, gặp những trở ngại gì, vai trò của ba tôi, của bà tôi.

Về con người công cộng, tôi biết bằng những tài liệu lịch sử và văn học (không bao giờ tôi thấy Nhất Linh nhắc tới quá khứ về bất cứ phương diện nào). Còn con người thực, con người khi sống với chính mình, với người thân của các bác chú, tôi biết qua mẹ tôi trong những buổi uống trà, những đêm canh bánh chưng ngày Tết, hay qua những sự việc giản dị hằng ngày. Giọng kể êm đềm của bà gợi lên những quá khứ kỳ ảo, khó khăn của những ngày ngày-xưa, những ngày bà còn là một cô gái bé sống giữa bốn ông anh và hai em trai ở phố huyện Cẩm Giàng nằm ven đường thiết lộ Hà Nội – Hải Phòng. Tôi lắng nghe những dĩ vãng ấy dần dần với năm tháng. Những kỷ niệm, những truyện xưa trở lại cách khoảng nhau hỗn độn mơ hồ làm tôi đôi khi muốn hồi tưởng, muốn tạo một mạch lạc, tôi vẫn gặp những khoảng trống chỉ dĩ vãng sâu kín của mẹ tôi lấp được.

Gia đình mẹ tôi xưa nghèo, và trở thành khốn quẫn sau khi ông mất bên Lào. Theo mẹ tôi, ông

là một kẻ sĩ thanh bình, đứng đắn, đúng mực. Cái chí bất khuất và thái độ can đảm tinh thần với cuộc đời của các con sau này có lẽ thừa hưởng của người mẹ. Bà buôn bán tảo tần nuôi bầy con ở cái phố huyện buồn thiu, cái không gian sau này xuất hiện tràn đầy trong tác phẩm của Thạch Lam. Các anh em trai đi học, mẹ tôi là con gái độc nhất nên ở nhà thay mẹ lo việc nội trợ. Một người con gái giữa sáu người anh em trai, sự kiện này cắt nghĩa thái độ chịu đựng, khoan dung tài tình của mẹ tôi sau này đối với Lam và tôi, nhất là tôi, đứa tinh nghịch, hay gây rắc rối từ nhỏ. Mẹ tôi bảo tính nết các bác các chú lúc nhỏ ra sao, lớn vẫn thế. Chú Thạch Lam mơ mộng, tế nhị, đa cảm, thì thuở nhỏ đã thế. Bác T. anh cả, bác C. anh thứ hai đứng đắn đúng mực, lúc lớn và tới giờ vẫn giữ đúng cái đứng đắn đúng mực của những người thanh bình trong xã hội như ông ngày trước. Mẹ tôi thân với bác Tam hơn cả. Khi mẹ tôi ngồi ghế vờng, bác thường đến làm giúp, rồi lấy cơm trộn vào vờng trong cối ăn luôn. Không biết tại bác giúp mẹ tôi, thấy vờng thơm trộn cơm ăn luôn hay là tại ý riêng, nhưng mỗi khi lấy vờng khỏi cối, mẹ tôi để lại một ít, lấy cơm nóng đổ vào cho bác. Lối ăn cơm này đã tạo cho bác cái biệt hiệu “Tam cối”. Bác mang biệt hiệu này cho tới khi lên Hà Nội học.

Bà tôi nhất định cho các con đi học, học thật cao. Kể cả mẹ tôi nữa nếu không cần người săn sóc các anh em trai thay bà. Bà tôi đi cân gạo. Nhân vật và Nhi mẹ Trinh và cả không gian miền quê trong tiểu thuyết *Ngày mới* của Thạch Lam đều xuất nguyên từ thời này. Có lúc buôn bán khó khăn, bà tôi vẫn nhất định cho các con tiếp tục học nên đã phải chịu nhiều vất vả nguy hiểm. Lúc đó, người Pháp giữ độc quyền bán thuốc phiện cho dân. Thuốc phiện bán chính thức này cũng như rượu Văn Điển, không được ngon nên người dân nấu lấy bán cạnh tranh. Dĩ nhiên cơ quan thuế Đoan hoạt động tìm bắt những kẻ đã dám “cạnh tranh bất chính” với chính quyền bảo hộ, trong số đó, vào một vài tháng, có bà tôi. Bà tôi lao vào nghề với mục đích kiếm nhiều lãi cho các con ăn học, nhưng các con lại coi đó như là một trò chơi kỳ thú, một hành động chống lại các “ông Tây”. Những kinh nghiệm đầu tiên chống Pháp có lẽ bắt đầu có vào thời gian này! Nấu thuốc phiện, dụng cụ không phải là dễ giấu. Do đó một hệ thống báo động được tổ chức chu đáo. Con đường hương lộ dẫn tới phố huyện Cẩm Giàng, thiết lộ mỗi khi tàu hoả đến đều được các bác thay phiên canh chừng mỗi khi bà tôi làm. Nhưng có một lần, tàu hoả đỗ ở ga vào phiên canh của Thạch Lam. Chú đứng ở sân ga ngó một lượt, không thấy Tây Đoan xuống, thì la chú yên trí lên đầu đoàn xe, nằm dài ra ngắm đầu tàu. Trong khi Tây Đoan xuống phía bên kia đoàn tàu từ từ theo đường tiến vào bờ vầy, Thạch Lam còn ngần ngại các cơ phận của đầu máy. Tuy vậy mọi sự vẫn ổn thoả vì hệ thống “ngăn chặn địch” được tổ chức chu đáo. Bác Tam xông ra hỏi tíu tít người Tây Đoan, trong khi bác C., anh thứ hai trong gia đình, bê tang vật chạy ra vườn giấu vào bụi tre. Kết quả phái đoàn quan thuế thất bại ra về, nhưng bà tôi cũng chấm dứt công cuộc buôn bán nguy hiểm này, trở về đi cân gạo. Dĩ nhiên vẫn nghèo và các con vẫn cứ tiếp tục đi học. Thời kỳ vất vả này cũng như không gian phố huyện miền trung du cùng các dân cư, về sau xuất hiện đầy đủ trong các truyện ngắn dài của các bác, nhất là trong những tác phẩm của Thạch Lam. Khi đã hồi cư, trở về Cẩm Giàng, tôi còn được mẹ tôi chỉ cho biết đây là nhà bác Lê, một bà cụ hay mua rượu của hai chị em Liên trong một truyện ngắn... Khung cảnh cũ không thay đổi là bao. Đứng bờ sông, chỗ bến Tiên, cũng thoáng tò mò muốn qua bên kia sông như Thạch Lam ngày trước để gặp một cô gái da trắng hồng trong một ngôi nhà tranh nào đó.

Trong thời kỳ nghèo khổ ấy, một tối hè nóng bức, bà tôi nói: “Sau này có tiền sẽ làm một cái nhà ở tí ngoài cánh đồng kia để hứng gió một mình!”. Nỗi bức tức này dễ hiểu vì những người trong phố huyện mong gia đình bà tôi sẽ suy sụp hẳn, các con phải trở về làm nông phu như các con cái họ. Sự cố gắng vượt lên làm họ ghen ghét khó chịu. Nhưng hai anh trai lớn lần lượt đi dạy học xa, kẻ Thái Bình, người Phú Thọ lấy tiền giúp mẹ và các em học tiếp. Rồi hai em trai đỗ, đi làm để hai anh dễ dàng học nữa. Cứ luân phiên làm việc và học như vậy. Sau cùng, chú Sáu vừa đỗ bằng tuyệt đối với Trung học phổ thông bây giờ, thấy các anh học cao hơn quá, bức mình nói với mà tôi mời ông lý trưởng một chầu rượu để đổi tên, đổi khai sinh tăng thêm

tuổi thi nhảy Tú tài và đỗ năm 16 tuổi. Tuy thông minh nhất nhà, nhưng cũng lãng mạn nhất nên chú bỏ, không học cao hơn.

Dần dần nhờ các con lớn đỗ đạt, giúp đỡ và nhờ uy tín gia đình các con học cao, bà tôi giao thiệp dễ dàng hơn, buôn bán khá hơn. Khi vượt khỏi cảnh nghèo, bà tôi thực hiện ngay ước muốn một chiều nóng nực ngày xưa: bà mua ba mẫu ruộng cách xa phố huyện và làm nhà ở đó để “hứng gió một mình”. Dần dần, từ một căn nhà trơ vơ ngoài cánh đồng, với sự trợ giúp của các con, và kiên nhẫn thường nhật, bà tôi đã lập thành một cái trại xinh đẹp mà ai hay sử dụng thiết lộ Hà Nội – Hải Phòng thời tiền chiến cũng biết tới. Trại này đã giữ một vai trò quan trọng trong nếp sinh hoạt thông thường cũng như văn nghệ của Tự Lực Văn Đoàn và tập đoàn Phong hoá Ngày nay, căn trại đã được dùng làm bối cảnh cho một truyện trinh thám của Thế Lữ sau này.

Cái quá khứ nghèo khổ chật vật này, hầu như về sau không ai biết tới. Các nhà phê bình văn học thường hay cho rằng thái độ của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam đối với dân nghèo cùng đinh là thái độ của kẻ ở trên nhìn xuống, là thái độ của người trưởng giả sung túc đả thương dân đói khổ. Đó là một ngộ nhận. Các bác các chú thực sự đã sống trong cảnh nghèo khốn thôn quê, và đã vượt lên khỏi là do sức mạnh tinh thần của người mẹ và tinh thần cầu tiến của các con. Nếu muốn cắt nghĩa bằng lý thuyết giai cấp, cũng chỉ có thể nói rằng các bác các chú thuộc giai tầng KẾ SĨ, truyền thống kẻ sĩ của Việt Nam. (Mọi phê phán phân tích của cộng sản và giai cấp tiểu tư sản đều không thể áp dụng cho tầng lớp kẻ sĩ này bởi vì một lý do giản dị: kẻ sĩ không phải là tiểu tư sản như họ gán ghép một cách máy móc theo quan điểm Tây phương). Ngộ nhận này chính tôi cũng đã có bởi vì từ lúc bắt đầu lớn đôi chút, tôi đã “thấy” bà tôi trong căn trại lớn, “thấy” các bác các chú trong những bộ âu phục, trong những căn nhà ở đủ tiện nghi, trong nhà in toà báo đồ sộ. Và tôi chắc cũng tiếp tục ngộ nhận như vậy mãi nếu không có tiếng nói về dĩ vãng của mẹ tôi. Giọng nói của bà đưa Lam và tôi trở về căn nhà tranh xơ xác phố huyện Cẩm Giàng, trở về những ngày túng thiếu lo tiền học, tiền ăn. Nhờ có bà, hai đứa chúng tôi mới tin chắc tình thương mến, sự liên đới của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam với đồng quê với những người nghèo bị áp bức không phải, và cũng không thể là một sự kè trên sung túc nhìn xuống đả thương (như một bố thí).

Cũng nhiều người khác đã ngộ nhận về cả chủ trương của Tự lực Văn đoàn (trong cuốn văn học sử chính thức dùng trong các lớp trung học) là quá cực đoan với cái cũ, bất cứ cái gì cũ cũng đòi phá huỷ. Sự thực đối với tục lệ cũ, các bác các chú tôi không hề có thái độ cực đoan như vậy. Các ông đã chỉ làm một chọn lựa lại: xét lại tất cả các tục lệ bắt nguồn từ văn hoá cũ, chỉ đả phá những gì thực sự là hủ tục. Không những thế, trên thực tế còn đề cao, còn phục hồi những tục lệ thuần chất dân tộc. Thái độ đã được biểu lộ qua nếp sinh hoạt thường xuyên của căn trại nói trên. Bà tôi, khi các con đã lớn, lập gia đình riêng, lui về ở hẳn quê cũ coi sóc trại, đồng ruộng. Bà thuộc lớp người cũ, rất trọng ngày giỗ ngày tết. Nếu Nhất Linh đả phá cúng tế tại đình làng, thì đối với vấn đề thờ cúng tổ tiên, lại là người chu đáo nhất. Nếu giỗ tạp, để vợ con mang đồ cúng về. Nếu là giỗ cha, ông bà, các bác các chú đều về đủ mặt. Mẹ tôi không nói rõ các bác có lễ trước bàn thờ hay không nhưng nói bà tôi chưa bao giờ trách cứ các con về khía cạnh này. Các ông có tin ở hiện hữu của linh hồn hay không vào quãng chót của đời sống, tôi không được biết. Nhưng mẹ tôi kể rằng bao giờ bày mâm ngũ quả, mẹ tôi cũng thu xếp bày hai mặt nhiều như nhau. Bày phía trước đầy đủ để hiểu vì là lễ thông thường. Còn bày phía sau như phía trước thì lý do “... để cho các bác lấy ăn mà bà không biết”, mẹ tôi nói vậy. Tôi không biết mẹ tôi nói đùa hay thật, nhưng tôi biết chắc một điều: tôi tin các ông coi việc thờ cúng tổ tiên chỉ có một biểu lộ cho lòng biết ơn và nhớ tới những người đã khuất. Còn ngày Tết Nguyên đán, có lẽ là Tự lực Văn đoàn lại ăn Tết với đủ tục lệ hơn ai hết. Ngoài thân thuộc, các ông mời cả ban biên tập *Phong hoá, Ngày nay* về trại. Kể từ 23 tháng chạp (ngày bọn cháu chúng tôi bắt đầu về) tới ngày mồng 3 hoá vàng, quản trị cái trại này là một công việc vất vả nhất cho bà tôi

trong năm. Về đồ ăn, bà tôi, các bác gái muốn làm gì thì làm. Các ông chỉ đòi một khoản bắt di bắt dịch: bánh chưng. Dĩ nhiên không phải thích ăn mà thích sự kiện gói bánh và tụ họp quanh nồi bánh sôi sùng sục trong đêm cuối năm. Nếu chỗ mổ heo được bọn trẻ con chúng tôi chiếu cố nhất thì nơi gói bánh chưng tụ họp đông đảo nhất thành phần các ông. Sau này chúng tôi khó tưởng tượng một Thế Lữ hay Xuân Diệu ngồi bên phản gỗ dưới nhà ngang, cạnh những đồng lá dong, những rổ gạo nếp. Nhưng trên thực tế, điều này đã xảy ra.

Lễ giao thừa được cử hành theo đúng tục lệ cổ truyền. Bao nhiêu năm tôi dặn mẹ đánh thức dậy dự lễ, nhưng trời lạnh và giường ổ rơm êm ấm làm tôi mở mắt không được. Đêm Giao thừa đầu tiên tôi thức dậy được cũng là giao thừa chót ở trại. Sau đó là chiến tranh, cách mạng và phân tán. Tôi mặc áo lên dày cộp, co ro chạy qua vườn lên nhà trên. Hình ảnh tôi còn nhớ được là toàn thể người lớn mặc quần áo trịnh trọng đứng trên thềm. Bàn thờ đặt ngoài hiên, bà tôi đứng trước cùng mẹ tôi. Nhất Linh cầm đồng hồ coi giờ. Cạnh đó là cái trống lớn và người cầm dùi là ba tôi, - ông đánh trống giao thừa hay có tiếng nên năm nào cũng đảm nhận việc này. Đúng 12 giờ, tiếng trống bắt đầu. Đứa bé là tôi đứng dưới thềm nhìn lên, tâm hồn đầy náo nức. Cây liễu ở sân đình đầy đèn xếp lập loè muôn màu, khói trầm nghi ngút, tiếng pháo nổ kè tiếp hồi trống trên xà mái hiên... Sáng mồng một, lũ chúng tôi bị lôi dậy từ sớm, rửa mặt với nước cây cỏ thơm hắc, quần áo trịnh trọng tập trung lên nhà trên. T.H. với tư cách cháu đích tôn, thay mặt tất cả họ chúc mừng bà tôi.

Giỗ tổ tiên, trọng banh chưng hơn các sơn hào hải vị, lễ giao thừa, chúc thọ bà tôi, tất cả những cái đó không có nghĩa gì hơn là một biểu lộ thái độ chọn lựa đối với những tục lệ, văn hoá cổ truyền. Các ông đã giữ lại cái cần giữ và đáng giữ. Sau này lớn lên, tôi và Lam bàn lại, mới biết tới giá trị của sự chọn lựa ấy. Gần đây, sau khi ba tôi chết rồi, Lam và tôi đồng ý là sau cuộc chiến tranh này, khi được giải ngũ, hai đứa sẽ chung tiền mua một khoảng đồi nhỏ ở Đà Lạt, làm nhà tranh, mời mẹ tôi lên ở lập "trại Cẩm Giàng" mới. Chúng tôi mỗi đứa một nơi, nhưng ngày giỗ, nhất là ngày Tết, toàn thể sẽ tập trung về đó. Sẽ tiếp tục canh bánh chưng, lễ Giao thừa, và các con chúng tôi sẽ có đứa nửa đêm trù tịch cố mở mắt ngái ngủ chạy lên ngó bàn thờ khói hương, bịt tai nghe tiếng pháo. Bây giờ bà tôi, ba tôi, phần lớn các bác đã chết, chúng tôi hiểu rõ hơn bao giờ hết rằng chính trại Cẩm Giàng, với tất cả nền nếp sinh hoạt của nó, đã mang lại cho chúng tôi những khái niệm đầu tiên về gia đình, gia tộc, và từ đó phát khởi lòng yêu dân tộc và đất nước.

Ở tuổi trên dưới hai mươi, tôi là một anh chàng mới lớn, hăng hái hết chỗ nói với tất cả những gì thuộc địa hạt lý tưởng của đời sống, và cũng vụng về hết chỗ nói trong xử thế hằng ngày. Không khí truy lạc tại Sài Gòn, lòng hăng hái với lý tưởng của tuổi trẻ và ý thích muốn trở thành những người như các bác, dần dần đưa tôi đến những hoạt động chính trị đảng phái. Đảng phái tôi gia nhập dĩ nhiên chỉ có thể là Việt Nam Quốc dân Đảng. Tôi cùng B., một anh họ, tới nói với Nhất Linh. Ông giới thiệu chúng tôi tới giáo sư N.T.V. và T.B.S. Dưới sự chứng kiến của hai người này, tôi và B. làm lễ tuyên thệ. Nhưng ngay khi nhìn khẩu súng lục nhỏ han rỉ đặt trước di ảnh Nguyễn Thái Học và lá cờ sao trắng, tôi đã cảm thấy Việt Quốc không phải là môi trường hoạt động thích hợp với cá tính và lý tưởng riêng. Tuy thế tôi cũng đã hoạt động, sinh hoạt với Việt Quốc một thời gian với tất cả hăng hái của tuổi trẻ.

Những người chung quanh thường có thành kiến: các bác là những cách mạng gia, vậy chắc chắn khuyến khích dẫn dắt tất cả con cháu đi vào hoạt động cách mạng. Sự thực Nhất Linh trước sau không hề khuyến các con cháu lớn, dù lớp này đông trên hai mươi kẻ, đi vào cách mạng. Ông thường chỉ khuyên: "Lo học đi đã!". Đối với tôi, B. và sau này thêm con trai Hoàng Đạo, vì thấy quá hăng hái, ông mới giới thiệu với Việt Quốc. Giới thiệu một cách bình thản như giới thiệu một bác sĩ quen chữa giỏi hay một nơi trọ tốt tại Đà Lạt. Khi tôi rời bỏ Việt Quốc, ông cũng không nói gì. Có thể nói suốt thời gian từ 1954 tới khi chết, chưa bao giờ Nhất Linh nói

chuyện nhiều với tôi. Đối với B., Tường Hùng và Lam, ông không có thái độ tách biệt ấy. Hình như ông coi tôi như một đứa cháu ngoại khổ, có những tư tưởng cư xử hành động ông không thể chịu nổi, hiểu nổi. Có thể nói trong các cháu lớn thân cận, tôi là đứa Nhất Linh không ưa nhất.

Cũng nhiều người ngộ nhận cho rằng Nhất Linh hoạt động cách mạng liên tục cho tới khi chết. Đó là ngộ nhận lớn nhất về con người ông. Khi đồ xong cử nhân khoa học ở Pháp về, Nhất Linh chỉ chủ trương làm một cách mạng văn hoá trước đã. Tất cả nỗ lực trong thời kỳ 1930-1940 đều thu lại trong khuôn khổ này. Hoạt động cách mạng tới sau, có thể nói ngoài ý định nguyên thủy. Lối nhập thế của ông làm tôi liên tưởng đến một kẻ sĩ văn võ toàn tài, thấy thế nước nghiêng một nửa, dân tình cực khổ, không đành lòng nên phải vác gươm lên ngựa diệt tà khử bạo. Theo lời ba mẹ tôi, Nhất Linh không đi sâu vào cách mạng, và nhất là chính trị nếu không có Hoàng Đạo. Ba tôi nói rằng các anh em đồng chí trọng Nguyễn Tường Tam nhưng mến Nguyễn Tường Long hơn. Chính Nguyễn Tường Long mới là người có tài quy tụ người, khuyến khích, giữ vững tinh thần đồng chí những lúc hiểm nghèo. Đặc biệt là Hoàng Đạo mãi về sau mới gia nhập đảng phái. Theo lời ba tôi, Nhất Linh đứng với Hoàng Đạo ở gần cầu tiêu của toà báo, và Nhất Linh nói: “Chú gia nhập chứ?”. Hoàng Đạo gật đầu. “Chú tuyên thệ đi...”. Hoàng Đạo giơ tay tuyên thệ trước một vài người thân. Không nghi lễ, không đăng ký, không bàn thờ toàn quốc. Cũng theo ba tôi, Hoàng Đạo mới thực là linh hồn của đảng. Nhất Linh, với những khả năng đặc biệt của một thủ lĩnh, chỉ là người chỉ huy tổng quát đôi khi quá cứng rắn. Bao nhiêu mưu lược, kế hoạch phần lớn phát xuất từ Hoàng Đạo. Một thứ Khổng Minh đối với Lưu Bị. Vì thế khi nhận được tin Hoàng Đạo chết, ba mẹ tôi nhất định tin rằng: “Anh Tam sẽ từ bỏ chính trị... Lời giải thích của ba mẹ tôi có thể đúng, có thể sai, nhưng thực tế đã chứng tỏ ông bà không lầm. Năm 1950, Nhất Linh rời Hồng Kông về Hà Nội, tuyên bố từ bỏ chính trị. Và ông đã từ bỏ thật tới gần 10 năm. Sau này suy nghĩ lại quá khứ, tôi cho rằng lối giải thích của ba mẹ tôi chỉ đúng một phần. Thực ra bản chất Nhất Linh là bản chất kẻ sĩ Nguyễn Công Trứ, với lối nhập thế của một hiệp sĩ thời trung cổ Tây phương, chỉ cho phép ông làm cách mạng và chỉ có thể là nhà cách mạng thôi. Khi gia nhập trực tiếp chính trị, ông có Hoàng Đạo lo cho phần mưu lược, thủ đoạn chính trị, nhưng thâm tâm vẫn ghê sợ chính trị. Cái chết của Hoàng Đạo, người em thân nhất, cũng là bạn văn, đồng chí, người phụ tá mật thiết, chỉ là một cái cớ để Nhất Linh rút ra khỏi mọi hoạt động cách mạng lúc đó đã mang nhiều tính chất bản thủ của chính trị. Mẹ tôi có thuật lại đã có lần Hoàng Đạo, Nhất Linh đã họp cùng các lãnh tụ lưu vong khác, trong đó có cả ông Nhu ông Diệm tại Hồng Kông. Mẹ tôi, nhất là ba tôi, còn luôn luôn tin rằng nếu Hoàng Đạo không chết năm 1947, chưa chắc Bảo Đại đã thành bù nhìn cho Pháp, và sau này chưa chắc hai anh em ông Diệm đã nắm được chính quyền tại Việt Nam. Dĩ nhiên đó chỉ là một giả thuyết cho quá khứ, nhưng một giả thuyết có tính cách khuyến khích nâng đỡ lũ cháu chúng tôi trong thời kỳ khó khăn nhất dưới thời Nhu - Diệm.

Suốt thời kỳ hoạt động với Việt Quốc, tôi chỉ nói chuyện chính trị với Nhất Linh một lần, - lần đầu và cũng là lần chót. Các đảng phái lúc đó phân tán, N.T.V. trao cho tôi nhiệm vụ lên Đà Lạt nói với Nhất Linh “hạ sơn”, trước hết để củng cố và thống nhất Việt Quốc, sau để tiến tới một liên hiệp các đảng phái quốc gia đối lập với chế độ Diệm đang bắt đầu tiến sâu vào độc tài. Đà Lạt là một thành phố đẹp, tôi nghe nói tới từ nhỏ nhưng chưa có dịp đến. Bởi vậy tôi thích thú lên đường, náo nức nh ìn cảnh rừng núi, còn thâm tâm tôi không hề tin tưởng là tôi có thể nói cho Nhất Linh nghe bất cứ điều gì, chứ đừng nói tới việc triệu thỉnh ông “hạ sơn”. Năm đó Đà Lạt còn nằm trong tình trạng của một thành phố mới ra khỏi chiến tranh, người ít, cỏ mọc lan trên bờ hè, những cây tùng ven hồ còn tự do cho gốc rễ lan xuống bờ nước. Không khí mát lạnh, chiếc xe ngựa cọc cạch leo dốc đồi, quán cà-phê Tùng nhỏ, sương mù lên sớm, ánh đèn mờ ảo, tất cả làm tâm hồn chìm đắm nên đêm khuya trở về cùng T., con trai thứ Nhất Linh, leo cầu thang tối đen, tôi quyết định chỉ thi hành “sứ mệnh” vào sáng hôm sau. Nhưng cửa phòng Nhất Linh còn đang mở, T. bảo tôi: “Du cần phải nói gì, vào nói luôn đi. Sáng mai chắc cậu tôi

đi chơi sớm lắm”. Căn phòng tối, ánh điện nhiều đường hắt vào yếu, tôi chỉ trông thấy đóm lửa đỏ đầu điều thuốc Nhất Linh hút dở. Tôi nói một mạch tất cả những điều N.T.V. dặn, rồi ngồi im. Nhất Linh trả lời giản dị: “Cháu về nói với các anh là bác đã suy nghĩ kỹ rồi... Cháu đã nói những điều các anh dặn rồi, bây giờ ở lại Đà Lạt vài hôm chơi cho vui”. Tất cả buổi hội kiến của “thuyết khách” và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam chỉ có vậy. Chiều hôm sau, đứng ngoài bao lơn nhìn ỗ đường, T. chỉ một cây thông cổ thụ phía bên kia đường: “Cậu tôi thích cây thông này nhất, có khi ngồi ngắm hàng giờ. Bảo nó có một vẻ đẹp tuyệt hảo”. Tôi tò mò ngắm nghía. Vỏ cây nâu sần sùi, cành gãy vươn lên cao trong vẻ cổ sơ giản dị của một bức tranh thủy mặc. Bầu trời chiều không nắng, không gió, lá cành đứng im như một khối chìm lắng từ dĩ vãng lại. Tôi nhìn cây thông rồi nhìn Nhất Linh ngồi trên ghế xích-đu bao lơn bên cạnh, và tôi liên tưởng đến một thời kỳ hoang đường có những đạo sĩ ngồi đánh cờ ven núi và những dòng suối như phát nguồn từ đỉnh non cao.

Những năm về sau, vì môn học và nghề nghiệp, tôi phải tham khảo sách vở tại thư viện. Qua tài liệu, nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long bắt đầu trở thành những nhân vật có công nghệ rõ rệt. Toàn bộ báo *Phong hoá*, *Ngày nay* làm tôi hiểu dĩ vãng, một thứ dĩ vãng thời bình có khiêu vũ, có hát quan họ, có hội làng Lim và cũng là dĩ vãng nhiều hoạt động cách mạng. Vào thời kỳ này tôi mới đọc hết sách của Tự Lực Văn Đoàn. Những cuốn *Gánh hàng hoa*, *Nửa chừng xuân*, *Hồn bướm mơ tiên* từng làm tôi say mê buổi thiếu thời, bây giờ đọc lại thấy nhạt nhẽo, vai đoạn kỳ dị vì quá cổ kính hoặc quá ngây thơ. Những cuốn nổi tiếng thời trước như *Đoạn tuyệt* bây giờ xa lạ như một mái tóc đuôi gà. Những cuốn lúc mới ra đời bị thờ ơ như *Bướm trắng* lại có giá trị hơn. Điều quan trọng tôi nhận thấy là Thạch Lam viết hay hơn cả trong Tự Lực Văn Đoàn. Tôi có nói nhận xét này với mẹ tôi và tôi chung hưởng khi nghe bà trả lời: “Bác Tam cũng nói thế từ lâu. Bác thường nói chính chú Sáu mới là nhà văn có tài nhất của Tự Lực Văn Đoàn dù sách in ra bán ế nhất!”. Và Thạch Lam cũng là người lười viết nhất trong tất cả, luôn luôn trễ hẹn đưa bài cho các toà báo. Một lần Nhất Linh tức, xuống căn nhà có cây liễu ở hồ Tây, thấy Thạch Lam ngồi trầm ngâm ngắm hồ. Hỏi: “Chú sao không viết?”. Đáp: “Chưa thể viết được!”. Nhất Linh tức giận bỏ về và quyết định cúp nguyệt cấp của Thạch Lam cho tới khi có bài. Thạch Lam tức, lại càng không cầm đến bút. Xích mích giữa hai anh em ngày càng trầm trọng, sau cùng mẹ tôi phải triệu thỉnh bà tôi ở trại lên mới dàn hoà nổi.

Tìm hiểu quá khứ văn nghệ của Nhất Linh, Hoàng Đạo tương đối dễ dàng. Tôi vất vả hơn khi tìm hiểu sự nghiệp chính trị và phải tìm mượn những cuốn sách ngoại ngữ không có bán ở Việt Nam. Càng hiểu rõ quá khứ, tôi càng thấy lòng kính trọng dành cho Nhất Linh gia tăng. Tôi bắt đầu thấy hãnh diện là cháu những người đó, và từ đấy đi tới tìm ở Nhất Linh hình dáng con người lý tưởng thích hợp cho tôi. Cũng trong thời kỳ này, tâm hồn thể xác tôi bị lôi cuốn vào nếp sống đô thị như trăm ngàn thanh niên khác cùng lứa. Đôi khi mệt mỏi ngồi trước chồng sách, tôi mơ màng nghĩ tới những điều sẽ làm sau này khi đã thành tài. Còn trên thực tế, tôi không làm một cái gì hơn là tán gái, yêu, học, dạy học, chơi gái và lang thang. Một buổi chiều, tôi nhận được thư T. gửi từ Đà Lạt xuống: “Du có nhớ Đà Lạt, lên chơi gấp. Cậu tôi đang chơi phong lan. Ông vào rừng kiếm lan suốt ngày. Những cuộc phiêu lưu ngắn, hẳn thích thú cho Du”. Đọc thư, tôi ngạc nhiên. Hình ảnh chói của tôi về Đà Lạt và Nhất Linh là bầu trời mưa ướt sũng, sương mù bao kín thung lũng, những ánh đèn mờ, tiếng sáo của T. buổi chiều trong biệt thự nằm khuất trên sườn đèo Prenn, và Nhất Linh nét mặt mệt mỏi, đau ốm thường xuyên, hầu như không ăn uống gì hơn một bát mì sông mỗi bữa và ngồi trầm ngâm như một bức tượng trên ghế... Bởi thế tôi khó tưởng tượng một Nhất Linh vượt rừng đi tìm lan. Và ngay cả việc chơi thú hoa hiếm này cũng làm tôi khó hiểu. Tôi không ngạc nhiên khi biết ông ngồi ngoài sân ẩm cơm trộn vừng trong cối, theo gánh hát vẽ phong kiếm tiền học, học mỹ thuật trước khi học khoa học, ở Pháp về đi đến đâu cũng chê người Việt ở bản, và khi ở Trung Hoa về, đi đến đâu cũng khen người Việt sạch sẽ... Nhưng tôi thực sự ngạc nhiên khi nghĩ tới hình ảnh người

hùng Nguyễn Tường Tam ngồi vun xới chậu lan như một ông đồ già hay một ẩn sĩ thời xưa. Nhưng trên cư vượt đèo Blao, một cây thông trơ trọi làm tôi nhớ lại cây thông cổ thụ Nhất Linh từng ngồi ngắm hàng giờ, và từ lúc đó tôi bắt đầu chấp nhận được hình ảnh một Nhất Linh chơi lan nhưng không thể ngờ tới thái độ của ông với loài hoa rừng này, - một thái độ đam mê kỳ dị.

Tôi xách va-li tới đèo Prenn vào buổi chiều. Ngồi hút thuốc đầu tiên với T. tôi ngắm những cây phong lan cành lá khác nhau dính trên các thân cây, vách tường. “Phong lan có hoa cậu tôi để trong vườn và trong phòng khách...”. Tôi từ nhỏ tới giờ chỉ biết phong lan qua vài truyện ngắn lãng mạn của Khái Hưng và Nhất Linh. Khi bước chân vào phòng khác, tôi không thất vọng vì trong thực tế, phong lan đẹp hơn trong truyện đã tả. T. dẫn tôi đến từng loại: “Nhất điểm hồng, nhất điểm hoàng, thứ này gọi là Phi điệp vì hoa đỏ như phượng lại chuyên môn ở trên những cành cao nhất... Cành cây khô mềm như liễu có những nụ xám xỉ này là Phi hạc. Khó tìm lắm vì lúc chụm hoa, trông lẫn với cành khô. Nhưng khi nở, rồi Du sẽ biết. Cậu tôi dự đoán mai sẽ nở...”.

Buổi chiều, ngồi trên thành cửa sổ trên lầu ngắm sương mù bốc từ thung lũng lên, tôi nghe thấy tiếng hắc tiêu từ phòng khách phía dưới âm điệu buồn điệp khúc bản “Je vais à ton mariage”. “Cậu tôi thổi cho lan nghe đấy...”. Tôi ngồi ngó ngán nghe âm thanh buồn như bắt nguồn từ một quá khứ nhiều đau đớn chán nản. Đêm khuya đi uống cà-phê về, từ phía ngoài đường lộ, tôi đã ngửi thấy một mùi hương phảng phất. T. cắt nghĩa: “Hương mặc lan đấy. Thứ lan hoa đen như mực cậu tôi tìm thấy ở các hốc đá ven thác. Hoa xấu xí nhưng mùi hoa ban đêm toả xa vô cùng...”. Tôi đi vào giấc ngủ đêm đó như một đứa trẻ lạc lõng vào một thế giới khác lạ, thế giới những vị tiên còn chung sống với người trần.

Đêm thức khuya, nấn chối mắt tôi mới thức dậy. Đang lười biếng kéo chăn lên tận cằm nằm ngắm những trái thông khô ướt sương dưới nắng, T. lên gọi tôi: “Xuống xem Phi hạc... Cậu tôi đoán đúng. Nở hết sáng nay”. Căn phòng khách chan hoà ánh nắng từ vách kính lớn vào. Nhất Linh ngồi trên ghế giữa hoa nói với tôi như với một người vẫn sống thường trực bên nhau: “Cháu uống bia không?”. Nước bia làm tôi tỉnh ngủ, trên cao mây quang làm nắng tươi hẳn lên, tôi nhìn thấy cạnh ông, cành cây khô xám chiều hôm trước đã như có những con bướm cánh tím trong bám vào. Một thứ tím trong vắt, dịu như một giấc mơ đẹp không nhớ rõ. Tôi ngồi đó rất lâu, cạnh hoa, tâm hồn trống trải dần, chỉ còn niềm băng khuâng và rung động nhẹ nhàng. Tôi bắt đầu biết yêu hoa như người xưa.

Thời kỳ này tôi như tách biệt với không gian thường sinh hoạt “dưới kia”. Tôi say mê những phút sau khi mở to mắt, héch mũi tìm xuất xứ một mùi hương lần khuất, ngẩng đầu nhìn ngọn cây đến sái cổ, tôi đứng đầu thật bất ngờ với chùm hoa ngay ngang mặt, tưởng như hoa mới hiện ra để đáp lại công tìm kiếm. Cái không khí huyền ảo này đã tạo ra tình yêu của tôi với Vương, một thiếu nữ có loại nhan sắc bình thường tôi không ưa. Nhưng tôi nhìn thấy nàng lần đầu ở ven suối Đa-mê với nụ cười trẻ thơ trong màu áo vàng nở ra trong khoảng nắng chiều, như một loài hoa hiếm. Tình yêu này bắt nguồn từ không gian huyền ảo của hoa rừng, của tiếng sáo, sương mù, nắng chiều nên tôi không ngạc nhiên khi thấy tan vỡ một năm sau trong bụi và nóng của Sài Gòn.

Tôi cũng không tiếc hận gì cả. Điều tất nhiên là phải như thế. Bây giờ, mỗi khi hồi tưởng thời kỳ này, tôi thường luyến tiếc vì đó là khoảng thời gian độc nhất trên đời tôi sống với phần tâm hồn mơ mộng và trong sáng nhất. Và tôi không khỏi muốn nói cảm ơn Nhất Linh, người bác không những đã mang cả cuộc đời phác họa cho tôi một mẫu người lý tưởng mà còn làm tôi hiểu một phần nào nghệ thuật sống thuần túy nhất, cao sạch nhất của con người Á Đông.

Một buổi chiều đi học về, Lam ngấp pipe ngồi ngoài cửa, vui vẻ báo tin: “Bác sắp về Sài Gòn, ra báo”. Cả hai chúng tôi đều ngạc nhiên về quyết định này. Ông rời bỏ Đà Lạt, rời bỏ những lan rừng tinh khiết xuống gia nhập cái thế giới đầy bụi của chúng tôi, hẳn phải do một cơ nào quan trọng. Ông suy luận phân tích của lớp trẻ hoạt động quá trớn nên cứ tìm những nguyên do rắc rối. Có lẽ Nhất Linh bỏ núi bỏ lan chỉ vì một lý do thật giản dị: ông không thể ngồi yên, bất động trước thời thế nữa. Tình hình lúc đó thật khó thở, do đó, dù có nhiều nhân vật của Thông tin hết sức giúp đỡ, bác tôi không sao xin được giấy phép một tạp chí. Sau cùng, ông đành chọn ra giai phẩm không định kỳ, làm xong số nào, đưa kiểm duyệt như một tiểu thuyết xin xuất bản. Làm văn nghệ báo chí kiểu này thực vất vả. Nhất Linh đặt toà soạn luôn ở căn phòng nhỏ xíu nằm phía sau biệt thự của người anh cả. Ăn, ngủ, làm việc, họp nhân viên biên tập đều tại đó. Và lối làm việc lần này khác hẳn với thời *Phong hoá, Ngày nay*. Trước kia ông là người đứng đầu, vạch đường lối, coi tổng quát, còn bài vở cũng rõ rệt. Với giai phẩm *Văn hoá ngày nay*, ông bao thầu tất cả mọi công việc, từ vẽ bìa, trình bày, trả lời thư độc giả cho tới sửa bản in thử. Ông làm *Văn hoá ngày nay* y như ông chơi lan vậy. Không muốn ai cáng đáng hộ việc gì dù lớp cháu chúng tôi đã lớn.

Nếu Nhất Linh không bao giờ để ý tới việc khuyến khích con cháu làm cách mạng, thì về văn nghệ, trái lại ông rất chú trọng. Năm 1953, Lam bắt đầu viết nhiều, thắc mắc không biết có đủ văn tài để đi vào văn nghệ hay không, nên gửi một truyện ngắn cho Nhất Linh (lúc đó ở Sài Gòn) đọc và yêu cầu: “Nếu bác thấy cháu có tài hãy khuyến khích. Còn nếu không, xin bác nói thẳng để cháu đi đường khác. Xin bác đừng khuyến khích kiểu “có mầm, nên cố gắng!”. Một tuần sau khi truyện gửi đi, Lam nhận được một bức điện tín của Nhất Linh, tôi còn nhớ nguyên văn: “Viết được lắm. Bác nhắc lại: chắc chắn viết được”. Sau Tết năm đó, Lam nhận được một bản viết tay trong đó Nhất Linh tuyên bố Đỗ Đức Thu gia nhập Tự Lực Văn Đoàn và Lam, Tường Hùng, Nguyễn Thị Vinh là nhân viên dự bị. Bản này Nhất Linh chép làm năm bản, một giữ lại, bốn gửi cho đương sự. Hầu hết mọi người không biết tới bản văn này nên đã ngạc nhiên khi thấy những sách của Đỗ Đức Thu thời tiền chiến, khi Phượng Giang tái bản đều ghi: Đỗ Đức Thu trong Tự Lực Văn đoàn. Sự kiện này đã gây khó khăn và thắc mắc cho các nhà biên khảo văn học những năm về sau vì thủ tục gia nhập Tự Lực Văn Đoàn phức tạp và có nhiều điều kiện, và quyết định của mình Nhất Linh – người đứng đầu Văn Đoàn, không đủ để chính thức hoá. Dĩ nhiên Nhất Linh cũng đã nghĩ đến điều đó vì trong bản văn ông có ghi: vì nhiều người đã chết, nhiều người còn ở ngoài kia, nên sự gia nhập của Đỗ Đức Thu, cũng như trường hợp Duy Lam, Tường Hùng, Nguyễn Thị Vinh sẽ được hợp thức hoá theo đúng thủ tục của Văn Đoàn khi nào thuận tiện.

Khi họp ban biên tập trong căn phòng bé xíu đó trước khi phát hành *Văn hoá ngày nay* số 1, Nhất Linh dự đoán sẽ bán được năm ngàn số. Lam lạc quan hơn, đưa con số tám ngàn. Tất cả đều đoán sai. Tám ngàn là con số bán hết trong mấy ngày đầu, sau đó phải in đi in lại nhiều lần. Tôi lúc đó không biết viết văn là cái gì nên không có mặt trong buổi họp ấy để đưa một con số lớn hơn của Lam, vì dù sao đã đi dạy học rồi, tôi biết uy tín Nhất Linh tăng như thế nào trong quần chúng học sinh sinh viên kể từ khi chương trình Việt được áp dụng trong miền Nam từ đệ thất tới đệ nhất. Với mười lăm ngàn số báo bán được trung bình cho mỗi tập, tài chính tờ báo dĩ nhiên không gây bận tâm nào. Trái lại, có những phê bình chỉ trích kỳ cục làm Nhất Linh bực mình không ít. Thí dụ một ký giả nào đó trên một nhật báo (hay tuần báo in khổ như nhật báo, tôi không nhớ rõ), “phê bình văn nghệ” đại khái như sau: “Nhất Linh bịa nhiều refoulement! Nhân vật cô Mùi mới mười hai tuổi mà đã muốn được hôn!”. Sau đó ký giả mặt sát thậm tệ. Riêng chúng tôi, căn cứ kinh nghiệm các em gái chị gái và nhất là các bạn gái, biết chắc rằng con gái mười hai tuổi muốn được một chàng trai mình bắt đầu yêu hôn không phải là sự kiện lạ lùng. Cũng ký giả đó, căn cứ vào một đoạn văn khác tả nhân vật cậu Ấm mũi dính dầu lau súng, lừa hôn vợ để dầu dính sang mũi vợ, kết luận là: Nhất Linh không biết hôn, chưa hôn môi ai bao giờ vì hôn môi mũi không bao giờ chạm nhau! Đọc bài báo đó, lũ cháu chúng tôi vừa

tức cười vừa buồn cười vì thấy chính ký giả đó có lẽ mới là người chưa hôn bao giờ, đi xem chiếu bóng thấy các tài tử hôn không chạm mũi nên vội vã kết luận. Còn bọn chúng tôi mới lớn, bạn gái nhiều, đều biết rằng chỉ tài tử ciné điều luyện trong nghệ thuật biểu diễn yêu đương, mới có thể “chính xác” trong khi hôn. Còn thông thường, vừa vụng về vừa xúc động, chúng tôi hôn nhằm lên mũi người yêu là chuyện rất thường, và hai mũi chạm nhau không phải là hiếm. Những phê bình loại này chỉ làm Nhất Linh bực mình thôi. Nhưng có một thứ phê bình làm ông suy nghĩ: “Nhất Linh không nên làm báo văn nghệ nữa. Nhất Linh đã có một địa vị lớn trong văn học sử, bây giờ làm *Văn hoá ngày nay* dở hơn *Phong hoá, Ngày nay* trước, chỉ thêm mất uy tín!”. Luận cứ này được rất nhiều người tán đồng, kể cả con cháu trong họ. Có thể nói chỉ còn Lam và tôi là tán đồng sự trở lại hoạt động văn nghệ của ông. Hai đứa cho rằng thái độ đó của ông đáng kính phục vì làm người không phải là tạo cho mình một danh vọng chức phận, để rồi yên trí thụ hưởng, gồi lên cái danh cái phận đó như một cái gối êm ái cho quãng chót của đời sống. Có thể nói thứ can đảm hào hùng ấy của Nhất Linh làm hai đứa cháu ngoại chúng tôi phục hơn cả trong những đức tính của ông.

Tuy phục, nhưng chính trong thời kỳ này, hai đứa, về phương diện bài vở, lại chê trách người bác hơn cả. Cả hai đứa đều không chịu nổi những bài khảo luận linh tinh, những bức thư Nhất Linh viết trả lời độc giả. Đọc loạt bài này đôi khi thấy cũ kỹ và lảm cẩm. Về văn, tuy vẫn phục nghệ thuật phân tích tâm lý, nghệ thuật trình bày nhân vật, nhưng tôi đã cảm thấy Nhất Linh không còn là nhà văn của thế hệ trẻ. Trường giang tiểu thuyết *Xóm cầu Mối* có những nhân vật đặt trong một không gian thật xa cách. Đọc, như thấy đi vào một dĩ vãng, trong khi những người trẻ đang mang một tâm trạng không khí lo âu khác, với cuộc đời đang ở trước mặt đòi hỏi phải chọn một thái độ thích ứng. Nhất Linh, với những tác phẩm sau không mang lại, không đáp lại một chút nào những khát vọng của thế hệ chúng tôi – thế hệ “nói sự thật bị coi như mạ lị, quân tử bị coi như gàn dở, anh hùng bị coi như ngu đần”. Về sau, nhóm Sáng Tạo có làm âm ĩ (làm âm ĩ, chứ không phải là phê bình) về Nhất Linh “tiền chiến”, Lam và tôi không đồng ý với họ về cái thái độ bắt đầu xây dựng văn nghiệp bằng cách phủ nhận tất cả quá khứ, nhưng hai đứa đồng ý với họ ở điểm: nhà văn Nhất Linh không còn là nhà văn của thế hệ trẻ hiện đại. Và điều đó cũng không quan trọng (ít nhất riêng cho Nhất Linh và văn học sử) vì không phải lúc nào thời nào cũng phải đáp đúng tâm trạng của thế hệ trẻ mới được là văn hào. Riêng hai đứa chúng tôi thán phục Nhất Linh tiền chiến và chấp nhận Nhất Linh hậu chiến. Có Nhất Linh, như một dĩ vãng đẹp, như một căn bản, chúng tôi vững tâm hơn đi vào tương lai.

Sau khi *Văn hoá ngày nay* số 8 phát hành, Nhất Linh tuyên bố với người thân: “Thôi, không làm nữa!”. Quyết định này đột ngột, y như trước đó mấy tháng, ông bỏ lan, bỏ Đà Lạt xuống Sài Gòn làm báo. Bạn bè xúm lại can. Nể người thân, ông chịu để Tường Hùng và Lam tiếp tục. Ra tiếp hai số, ông cương quyết kết liễu *Văn hoá ngày nay*. “Nó đã làm xong nhiệm vụ!”, ông giải thích vậy. Đình chỉ hoạt động văn nghệ, ông vẫn tiếp tục ở Sài Gòn, không lên Đà Lạt “tu tiên” như lũ cháu tướng, và ông bắt đầu vào một thời kỳ đau ốm (đau dạ dày) và suy nhược thần kinh. Thỉnh thoảng ông lên cơn loạn trí, đứng trong nhà đường Lý Thái Tổ, móc giấy tờ trong ví đưa cho mọi người, miệng nói lảm nhảm: “Lấy hết đi. Xin các ông lấy hết đi! Đừng áp chế tôi tội nghiệp!”. Các người thân hết sức lo lắng. Chỉ riêng mẹ tôi, sau một lần chứng kiến cơn loạn thần kinh, về nói riêng với tôi và Lam: “Bác điên khôn ghê! Chỉ thấy bác đưa, vứt giấy tờ lảm cẩm. Chẳng thấy bác vứt tiền ra bao giờ cho mẹ con mình nhặt tiêu!”. Nhận xét bí mật này của mẹ tôi làm hai anh em đâm nghi ngờ “sự loạn trí của Nhất Linh”. Nhất là tôi, vì được mẹ tôi kể lại những thủ đoạn chống Pháp của ông thời trước: hoá trang làm ăn mày, ông già, người say rượu, mê thổi kèn để che giấu hoạt động cách mạng. Hoàng Đạo còn bị bắt giam, chớ Nhất Linh, suốt đời tranh đấu, chưa bao giờ để đối thủ bắt được. Pháp, sau đó Cộng sản, đều bó tay. Hơn nữa, chúng tôi để ý thấy mỗi lần nhắc tới chính quyền, ông không còn dùng câu: “Cái gì mục nát thì tự nó nó đổ!” (Câu ông thường hay dùng trước kia mỗi khi bị mời xuống núi). Căn cứ và sự kiện mơ hồ như vậy, chúng tôi bắt đầu chờ đợi... Trong thời kỳ này, Lam và tôi hay

suy xét tìm hiểu về con người của Nguyễn Tường Tam. Căn cứ vào hoạt động cũ, tác phẩm và con người hàng tiếp xúc, chúng tôi đi đến kết luận: “Bác chỉ làm cách mạng, không thể làm chính trị”. Chế độ Nhu – Diệm đang vững vàng, nhưng không thể tồn tại lâu. Theo ý riêng của lũ cháu, sau Ngô Đình Diệm, vai trò lãnh đạo quốc gia sẽ là của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam vì không ai đủ uy tín hơn. Lam nhiều lần đặt giả thuyết: “Nếu bác làm Tổng thống, mọi sự sẽ ra sao?”. Các con cháu có người đã hỏi thẳng, Nhất Linh không đáp. Điều độc nhất ông nói ra về vấn đề này, có lẽ vốn vẹn có một câu nói với gia đình: “Nếu làm Tổng thống, tất cả gia đình sẽ ở ngoài dinh. Cấm không ai được vào. Khi nào nhớ gia đình, sẽ về thăm”. Sau mỗi lần bàn tới giả thuyết “Tổng thống Nguyễn Tường Tam”, chúng tôi thường đi đến kết luận nhiều lo ngại vì cho rằng với cá tính Nhất Linh, những người phụ tá giỏi đã chết, Nguyễn Tường Tam không thể làm một Tổng thống giỏi. Trên thực tế và trong lịch sử, chỉ có nhà văn Nhất Linh và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam chứ không có Thủ tướng hay Tổng thống Nguyễn Tường Tam để lũ cháu chúng tôi có dịp biết rõ những lo ngại đó đúng hay sai.

Đêm 11-11-1960, binh chủng nhảy dù đảo chính. Lam và tôi lên chợ An Đông tìm gặp Nhất Linh. “Việc này chắc có bác quá!”, Lam đoán vậy. Trên căn gác nhìn xuống chợ, Nhất Linh quần áo chỉnh tề, sắp sửa cùng B. ra đi. B. nói: “Tiếp xúc lại các nhân sĩ để củng cố và hoạch định đường lối chung của Mặt trận”. Tuần trước lên thăm, Nhất Linh là một ông già đau ốm đầy vẻ suy tàn. Sáng hôm nay, ông mắt sáng quắc, cử động linh hoạt và nụ cười luôn luôn có trên môi. Tôi ngạc nhiên không thể ngờ khi lao đầu vào hoạt động quý tộc, ông bác cao tuổi này lại có được vẻ mạnh mẽ và sáng suốt như vậy. B. nói: “Đã chuẩn bị từ lâu vụ này, nhưng bên chính trị chỉ được biết trước có 24 giờ. Lý do bên quân sự đột nhiên làm gấp vì mục Nhu sắp đi ngoại quốc”. Khi B. bảo tôi: “Du sang gặp anh N.T.V. đi. Đang cần Du đó”, Lam ngỡ ý cũng đi cùng, Nhất Linh im lặng có vẻ không bằng lòng. Sau này ông nói với Lam: “Phải biết tiết kiệm người. Đừng bao giờ lao đầu tất cả vào một vụ. Thua thì kẹt hết”. Tôi từ bỏ Việt Quốc đã lâu nhưng lúc đó không thể từ chối lời mời của B. Tại một trường tư bên Khánh Hội, ban chấp hành đặc biệt đang hoạt động dưới sự điều hành của N.T.V. Sau khi dự một buổi họp, Lam và tôi đều thất vọng vì mọi nhược điểm của các đảng quốc gia đều có đủ nơi đây. Tôi và Lam cố gắng làm việc với tất cả mọi khả năng dù cả hai đứa cũng chẳng có bao nhiêu kinh nghiệm về hoạt động cách mạng bạo động. Toàn chạy theo tình hình, không sao tạo được thế chủ động. Ngày hôm sau, quân ủng hộ ông Diệm Nhu tiến vào thành phố, buổi trưa, N.T.V., B., Lam và tôi ra chợ ăn cơm, nghe đài phát thanh bắt đầu mạt sát phe đảo chánh và dĩ nhiên suy tôn Ngô Tổng thống. Tôi đi bộ về, ngừng lại trước thành Cộng hoà, chứng kiến tiểu đoàn dù rút ra, trao trả thành cho Lữ đoàn Phòng vệ Tổng thống phủ. Toán quân được giải thoát, cởi trần tròng trọc, cầm súng chạy, la hét vang trời: “Hoan hô Ngô Tổng thống, cứu tinh dân tộc”. Đoàn nhảy dù tập trung trên xe ngoài đường, từ sĩ quan đến lính nét mặt rầu rĩ. Có lẽ đây là lần đầu tiên binh chủng kiêu hùng này ném mùi thảm bại.

Hai ngày sau ở Câu lạc bộ Văn hoá, tôi được người cho biết đảng viên Càn Lao và phong trào Cách mạng Quốc gia đang định lợi dụng tình thế lộn xộn, cho người tìm giết Nhất Linh. Tôi đến tìm ông đang ở nhà bà ngoại. Trong căn phòng nhỏ giữa nhà, ánh sáng của ngọn đèn dầu chiếu sáng bà tôi và Nhất Linh đang ngồi trên chiếu trải dưới đất. Tôi báo tin, ông làm lì rớt thêm bia vào một ly, đưa tôi: “Cháu đến đây có ai theo không?”. Tôi trả lời: “Không có ai. Cháu đi cẩn thận, ngay quanh nhà cũng chưa có ai canh chừng cả”. Tôi châm thuốc hút, căn phòng im lặng đến độ tưởng như nghe được tiếng khói bay. Bà tôi, mặc cà-sa nâu, nét mặt gằn như bình thân. Không biết đó là hiệu quả những năm tu hành, hay là bà tôi quá quen với những đứa con trai suốt đời làm cách mạng, tổ chức bí mật, thất bại và trốn tránh. “Bác cho cháu theo bác. Cháu khá nhanh nhẹn, có thể giúp ích khi cần...”. Nhất Linh im lặng hút thuốc. Tôi chờ đợi đợi. Ông đẩy ly bia về phía tôi: “Cháu uống hết đi rồi về. Cháu lo cho các bạn cháu đi. Còn bác, bác đã có cách”. Tôi uống hết bia, hút hết điếu thuốc, chào bà, chào bác rồi tới tìm Thi và bắt đầu sống một thời kỳ lẩn trốn như một con chuột thành phố. Có lẽ quá mệt mỏi vì lối sống này, tôi

tới nhờ cha Cras, một thầy dạy và cũng là người thứ hai sau Nhất Linh, tôi kính mến trong đời, giúp cho vượt biên giới. Nhưng khi tới sát biên giới, tôi lại trở về. Có lẽ tôi bị ám ảnh bởi sự kiện Nhất Linh sau khi rời bỏ chính trị năm 1950, có qua Paris ở với con cả một thời gian, nhưng chỉ một thời gian ngắn thôi. Ông không thể ở lại, vì ông là một người dụ ngôn đích thực, sinh ra, sống và tranh đấu ở miền đất này, để rồi sẽ chết cũng tại đó.

Sau một thế gian im lặng, Nhất Linh tung ra một bộ tiểu thuyết gồm ba cuốn viết trong thời gian ẩn trốn. Dĩ nhiên là chúng tôi vội vã tìm đọc, và cũng thật vội vàng. Bộ *Dòng sông Thanh Thủy* diễn tả cuộc đời làm cách mạng của một người mang vóc dáng Nhất Linh, nhưng không diễn đạt được. Nhân vật Ngọc thật xa cách với nhân vật chúng tôi kỳ vọng phải có. Lam cất nghĩa: “Bác sẽ không thể viết được nữa. Quá khứ dày đặc đã đè bẹp tâm hồn bác rồi...”. Tuy không hiểu rõ Lam định nói gì, nhưng nghe câu đó tự dưng tôi có cảm tưởng Nhất Linh sắp đi đến quãng chót của đời mình. Khi ông về căn gác trông xuống chợ An Đông, tôi hay đến thăm hơn xưa. Nhiều khi tôi tới, cúi chào, ông gật đầu rồi im lặng, tôi lục một cuốn sách ngồi đọc cho tới lúc muốn về. Vào thời kỳ này, tương đối ông có vẻ cảm tình với tôi hơn. Có lần gần ngày thi, chưa có tiền nộp lệ phí, ông bỏ tiền vào một cuốn sách, kín đáo đưa cho. Nhưng giữa hai bác cháu bao giờ cũng có một ngăn cách khó xác định. Một buổi sáng, cửa đóng kín che nắng, tiếng ồn ào của chợ họp phía dưới vang lên, tôi nhìn người bác già, thấy như đã thuộc vào dĩ vãng hay một thế giới khác. Cũng trong khoảng thời gian này, bà ngoại tôi mất. Lúc biết tin, bác đang đau, nhờ người vực tới, ngồi bên xác mẹ rồi trở về. Cái chết này, tôi tin đã làm ông chìm sâu hơn trong đau buồn. Từ lúc các con lập gia đình riêng, bà tôi thân và yêu Nhất Linh hơn cả. Và dù người già khó tính ghê gớm, trong các con, không kể mẹ tôi là gái, Nhất Linh cũng là người chịu đựng những trái tính của mẹ già tài hơn cả. Trên bàn thờ chính của họ Nguyễn Tường, còn để một bức minh họa bà tôi do Nhất Linh vẽ bằng bút chì, nét thật nhỏ và mờ.

Tôi đi dạy học xa, rồi bị động viên nên lâu lâu mới tới chợ An Đông một lần. Thường thường hai bác cháu cũng chẳng nhiều lời hơn. Có khi buổi viếng thăm thu gọn lại trong hai cái chào: khi tới và khi về. Một buổi sáng thứ sáu, tôi rời Sài Gòn đi đơn vị. Chiều thứ bảy đọc báo có tin Nguyễn Tường Tam sẽ bị đưa ra toà vào sáng thứ hai 7-7, ngày Song thất của Diêm, người tôi như căng ra vì chờ đợi một biến cố: không một quốc gia nào đưa một con người như Nhất Linh ra toà mà không xảy ra một biến cố nào. Tôi hình dung, tưởng tượng tới thái độ Nhất Linh sẽ có: ông sẽ im lặng hoàn toàn trước tất cả mọi câu hỏi, lời kết tội? Ông sẽ chỉ nói một câu nhận hết trách nhiệm cho các đồng chí cùng bị xử? Ông sẽ rút vào bóng tối, sẽ vượt biên giới? Tôi nghĩ tới đủ các giả thuyết, nhưng tôi không thể ngờ ông đã chọn cái chết phản kháng như vậy. Một người bạn nghe đài B.B.C. báo tin cho tôi biết. Ngồi bất động trong một quán tới trưa, tôi ra bưu điện gửi điện tín cho Thi: “Mai đi P.K. Em đưa đám bác hộ anh”. Rồi lang thang trong thị trấn tới khuya, chỉ trở về phòng trọ đủ thời giờ thu xếp quân trang. Đi chuyến xe đầu lên cao nguyên.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam chết, dĩ nhiên không thể đơn giản. Những nhân vật quan trọng trong chính quyền ủa tới, theo chỉ thị của ông Nhu, ép buộc đe dọa tang gia phải mai táng gấp. Lam ở Đà Lạt về và cùng Thi, luôn luôn có mặt ở căn nhà chợ An Đông cùng các con lo đối phó. Quyết định đầu tiên là đợi chủ nhật mới đưa đám, viện cớ con cả còn ở Pháp chưa về kịp, sự thực chỉ cốt để thực hiện cho tới mức chót ý muốn sau cùng của Nhất Linh: một phản kháng kiêu hùng và bi thảm. Mật vụ bỗ vây kín dòng họ và chính tang gia sau cùng cũng không còn phân biệt được đâu là người đến viếng, đâu là mật vụ nữa. Chính sách của ông Nhu dùng khủng bố để đàn áp nên những người đến viếng gồm đàn bà nhiều hơn đàn ông, - đàn ông ở nhà tránh bắt bớ để còn “làm một cái gì cho cái chết của Nhất Linh khỏi trở thành vô ích”, một đồng chí lão thành một đảng kỳ cựu nói vậy. Chính quyền từ chối không cho mang quan tài đến chùa làm lễ cầu siêu, bắt đám tang phải đi theo một giờ nhất định và lộ trình nhất định. Tang gia

dùng tiếng khóc cổ truyền của đàn bà Việt Nam làm lợi khí. Lan và Thi, ngoài việc dịch những câu phúng viếng, dịch cả ý nghĩa những tiếng khóc kể lể của các bà trong dòng họ cho thông tin viên, gây những xúc động cần thiết tại ngoại quốc. Sau cùng chính quyền chịu để đám tang ghé chùa Xá Lợi làm lễ cầu siêu nhưng không được mang quan tài vào. Ông Nhu đã nhượng bộ dù đã bực tức nói với các thuộc viên: “Hắn sống có đi lễ chùa bao giờ, bây giờ đòi cầu siêu!”. Đáng tiếc các thuộc viên này không đủ can đảm nói cho ông Nhu biết người thân sinh ra Nhất Linh đã là một cụ sư sau những năm tu hành cả quãng chót của cuộc đời, và dù chẳng mấy khi đến chùa, Nhất Linh chưa bao giờ tỏ vẻ coi thường bàn thờ Phật có thường trực trong nhà. Rồi đám tang cũng cử hành với sự hộ tống đầy đủ của Mật vụ và Cảnh sát chiến đấu. Chỉ có một vòng hoa đi đầu. Ảnh Nguyễn Thái Học, một người cháu mang đi trước, bức hình chụp lại chân dung Nhất Linh do Nguyễn Gia Trí vẽ, một người cháu cầm đi kế tiếp. Một đảng viên Việt Quốc, có nhiệm vụ mang đảng kỳ tới huyệt, sợ Mật vụ tịch thu, nên trao cho Thi mang hộ. Lá cờ sao trắng, lá cờ tôi đã rời bỏ bốn năm về trước, tôi không thể ngờ có ngày chính Thi lại là người mang tới huyệt, phủ lên quan tài người đã khuất. Thi đã làm đúng lời dặn, nàng đã thay tôi kẹt ở một ngọn đồi cỏ, đưa người bác kiêu hùng đến nơi yên nghỉ cuối cùng.

Một tháng sau, tôi xin được phép về Sài Gòn. Tôi cùng Thi xuống nghĩa trang Giác Minh thăm mộ bà tôi, ba tôi và người bác. Tàn hương ra về, tôi gặp Lam. Hai đứa nhìn nhau, mặt Lam sứt lại, răn cắn chặt lấy chiếc pipe. “Đã đến lúc phải làm một cái gì!”. “Đã đến lúc phải làm một cái gì!”... câu nói ám ảnh các con cháu, và tới cả những người, khi Nhất Linh còn sống, không đồng ý hoàn toàn với cả đời sống của ông. Chiều 26 tháng 10, Lam từ Đà Lạt về và tôi từ Pleiku gặp nhau tại Sài Gòn. Ngồi trong khu vườn mía um tùm của mẹ tôi, Lam bàn về cuộc đảo chính đang chuẩn bị. Mật vụ bỏ vây khắp nơi xiết chặt đến nỗi cả tôi lẫn Lam đều đồng ý: “Trong một tuần nữa không đảo chính, họ cho mình vào tù hết”. Chiều 28, an ninh cá nhân mỏng manh đến độ Lam quyết định: “Thôi, Du đi đi. Bác dặn phải tiết kiệm nhân lực. Để mình anh ở lại. Có thua, đền lượt Du lần sau”. Sáng sớm hôm sau, tôi lên đường trở về đơn vị, suốt ngày quanh quẩn quanh chiếc máy phát thanh. Hai ngày sau đảo chính, tôi nằm ôm máy phát thanh cho tới sáng. Bởi vì nếu lần này thất bại, hẳn trong nghĩa trang Giác Minh sẽ thêm mộ Lam. Và không hẳn chỉ thêm một mộ mà thôi. Đảo chính thành công và một cách mạng thành hình. Khi con thứ Nhất Linh bước vào phòng họp ở Tổng Tham mưu, Trung tướng Dương Văn Minh yêu cầu toàn thể Hội đồng Quân nhân Cách mạng đứng mặc niệm một phút nhà văn Nhất Linh và cách mạng gia Nguyễn Tường Tam. Và cuộc cách mạng chấm dứt sau phút ấy. Sau đó, chính trị bắt đầu, thứ chính trị mà chính người được mặc niệm đã bao lần chối bỏ trong đời.

Tường Hùng Người chú

Roma yên lành, yêu đời, có trời xanh ngắt, đường phố thái bình, mọi người hình như chỉ vội vàng vui vẻ sống để hưởng hết cái đẹp của tỉnh đẹp này.

Buổi sáng hôm đó một người bạn tôi gọi dây nói và báo tin Nhất Linh mất. Tự tử. Tin đến dữ dội như sét đánh, rồi bỗng biến đi, yên lặng. Tôi vội vã đi xuống đường, lẫn vào đám đông, và trong cái tiếng xa lạ và quen thuộc này tôi dần dần thấy Nhất Linh.

Sau khi chính quyền Pháp bị lật đổ, Nhất Linh – Nguyễn Tường Tam thì đúng hơn – trở về Hà Nội. Ông tới nhà chúng tôi. Rất hiên ngang, to lớn, mặc áo da phi công, chân đi giày ống, trên mép có hàm râu đen nhánh. Con người cách mạng, cương quyết, sau bao năm tranh đấu, trở về mang theo tất cả sự quyến rũ của cuộc đời hùng mạnh, như Dũng trong truyện *Loan và Dũng*.

Tôi còn nhớ đôi mắt nhìn thẳng dưới đôi lông mày rậm (điểm đặc biệt của gia đình chúng tôi), nụ cười rộng lượng phô hàm răng trắng, đều.

Rồi bao nhiêu biến đổi, Việt Minh cướp chính quyền. Tàn cư. Loạn lạc. Khi tôi vào Sài Gòn tôi lại gặp Nhất Linh.

Đối với tôi, Nhất Linh bé nhỏ hẳn đi, tóc đã muối tiêu, đi đứng nhẹ nhàng, như một nhà ẩn dật, và giống một văn sĩ. Nhưng vẫn nụ cười ngày xưa rộng lượng và tha thứ tất cả mọi sự.

Có đôi mắt Nhất Linh làm tôi ngạc nhiên: đôi mắt trở thành màu xám đục. Cũng như mắt của bà tôi khi trở về già, đôi mắt không đen.

Và việc hoạt động cho văn nghệ bắt đầu. Nhất Linh vẫn thường nói văn hoá có sức mạnh thay đổi lâu bền hơn chính trị. Làm chính trị có ích trong một thời, làm văn hoá – nếu thành công – sẽ còn lại mãi mãi. Điểm này cũng giống như câu châm ngôn của báo *Văn hoá ngày nay*: “Văn chương vượt không gian và thời gian”.

Nhất Linh có sức làm việc phi thường. Làm việc cả ngày không mệt. Những hôm bận việc Nhất Linh chỉ ngủ hai ba tiếng đồng hồ. Khi làm báo có khi hàng tuần Nhất Linh làm việc như vậy. Vì đã tìm ra triết lý tuyệt hảo, Nhất Linh đã áp dụng triết lý này vào tất cả mọi việc trong đời Nhất Linh. Khi làm gì thì làm với tất cả tâm hồn, làm cho tới mức tuyệt hảo. Và Nhất Linh nói tới chuyện rửa bát ở bên Tàu. Nếu ta rửa bát một cách qua loa cho xong việc thì ta ngại rửa bát, nhưng nếu ta coi việc đó như một nghệ thuật cần phải làm tới cùng thì việc rửa bát tự nhiên trở nên hứng thú. Cuộc đời Nhất Linh hứng thú vì Nhất Linh sống cuộc đời của mình đến tận cùng.

Khi còn ở Nguyễn Bình Khiêm, trong căn nhà có vườn cỏ xanh bao bọc, phòng tôi ở ngay cạnh phòng của Nhất Linh. Nhiều đêm tỉnh giấc vào quãng ba bốn giờ sáng, tôi thấy bên phòng Nhất Linh còn đèn sáng. Tôi sang thăm và cảnh làm việc làm tôi sợ hãi.

Trong căn phòng đầy sách vở, giấy tờ, Nhất Linh cặm cụi soạn bài, sửa bài, vẽ, một mình làm gần hết tờ báo. Trong phòng khói thuốc trừ muỗi bay mờ mịt. Trên trần cái quạt quay nhanh, không khí lành lạnh làm tôi rung mình nghĩ đến sức khoẻ của Nhất Linh.

“Chú không ngủ, nhờ ốm thì ai làm *Văn hoá ngày nay*?”

Tay run run châm điều thuốc, Nhất Linh nhìn tôi, mỉm cười:

“Cháu đang còn sức trai, cần phải ngủ nhiều.”

Những điểm gì đã làm Nhất Linh trội hơn nhiều người trong những phạm vi ông hoạt động? Tôi cho rằng đó là sự ham mê, hay nói một cách khác đi, triết lý tuyệt hảo. Ông có tài lôi cuốn nhiều người vào công việc làm của ông vì thế. Ngày xưa khi ông ở Hưng Yên, ông đã làm cả tỉnh hăng hái tập thể thao. Khi ở trên Đà Lạt, tôi thấy nhiều người chơi hoa lan theo Nhất Linh. Đó chỉ là một vài việc nhỏ, để chứng tỏ sức lôi cuốn đám đông của ông. Còn những việc to lớn hơn mà tôi không nói đến như chính trị văn hoá. Trong tất cả các hoạt động này Nhất Linh không kém ai, vì ông đã làm với tất cả tâm hồn của ông.

Và thêm vào đó – một điều rất quan trọng: Nhất Linh có một khối óc phi thường, luôn luôn có những ý kiến mạnh mẽ. Ông nhìn rất xa, bao trùm cả vấn đề, rồi giản dị hoá tất cả. Có thể nói Nhất Linh là một tâm hồn phức tạp – một người ưa hoạt động và thực tế.

Ông thường nói ông bị giằng xé nhiều năm bởi hai khuynh hướng đó. Ông đã hoạt động về xã hội làm nhà Ánh Sáng, về chính trị chống Pháp, chống cộng sản. Ông đã trở về tu tiên ở Đà Lạt để chỉ sáng tác văn nghệ. Việc mà đã điều hoà được cả hai khuynh hướng, đó làm báo làm báo. Và Nhất Linh đã làm những tờ báo nổi tiếng: *Phong hoá, Ngày nay*.

Trong các tiểu thuyết của Nhất Linh, người ta cũng thấy sự hiện diện của hai sức mạnh đó. Ngày trước, thời của các cuốn *Đôi bạn, Đoạn tuyệt*, tiểu thuyết của Nhất Linh là một phương tiện tranh đấu. Nghệ thuật chỉ đứng sau, nhưng cũng rất rõ rệt, đủ để chứng tỏ ông là một văn sĩ có tài. Và dần dần nghệ thuật trở nên quan trọng, trong *Bướm trắng* chẳng hạn.

Trong các tác phẩm cuối cùng của Nhất Linh như *Xóm cầu Mối, Cô Mùi*, thì Nhất Linh trở nên hoàn toàn văn sĩ.

Nguyễn Du nói tạo hoá ghen ghét những người tài hoa. Nhưng làm gì có tạo hoá theo nghĩa của Nguyễn Du! Những người tài hoa đã tự lựa chọn cuộc đời của họ. Và vì nhân cách không giống tất cả mọi người, họ thường phải đối chọi với xã hội và chết một cách khác thường, nhiều khi vô lý. Tại sao Hemingway nhét khẩu súng vào mồm, bắn nổ tung óc, để tự tử? Tôi không bao giờ nghĩ rằng Nhất Linh tự tử, tự tử một cách giản dị như bước đi một bước, một bước sang thế giới bên kia. Giản dị và tự nhiên như câu thơ của Nhất Linh nhẹ nhàng: “Hạt muối tan trong bát nước lã”. Tôi chưa bao giờ được nghe Nhất Linh nói đến sự chết. Đôi khi Nhất Linh nói đến triết lý, một thứ triết lý thấm nhuần sự bình thản của đạo Phật, sự hoà hợp với thiên nhiên của đạo Lão. Nhất Linh viết về sự chết, để tả cái gì xảy ra sau khi chết: người ta sẽ “phiêu diêu” trong sự sung sướng, thân thể sẽ tan đi mất như trong một giấc mơ. Nhưng Nhất Linh tự tử!

Có lẽ người ta rất sung sướng khi được biết sự bí mật cuối cùng cuộc đời dành cho ta: SỰ CHẾT.

Ở Đà Lạt Nhất Linh thường ngâm câu thơ:

*Người đi lâu chưa thấy về
Nhớ người lòng suối Đa-mê gợn buồn.*

Tôi vẫn thường tự hỏi có phải Nhất Linh nhớ dòng suối Đa-mê thực hay không. Trời Đà Lạt lạnh, lòng suối trong suốt, nước cũng lạnh buốt nằm trơ giữa cỏ cây, cô đơn trong rừng núi, nếu thực suối có nhớ ai thì suối có khung cảnh âm đạm, nỗi buồn của suối sẽ thấm thía. Bây giờ trở lại nơi cũ, cạnh dòng suối, người ta tìm hình bóng Nhất Linh trong chiếc võng treo giữa hai cái cây. Lan rừng vẫn tung hương cho gió, như những câu văn của Nhất Linh vẫn còn nằm trên giấy, vẫn nói bằng giọng nói của Nhất Linh. Tôi không khỏi xao xuyến khi giờ tập truyện của Nhất Linh ra đọc. Hình như người vẫn còn lẩn quất đâu đây, gầy gò, thanh đạm chơi lan, cặm cụi viết văn và đôi khi mỉm cười rộng lượng tha thứ tất cả.

Nhất Linh đã mất nhưng tâm hồn của Nhất Linh còn mãi mãi. Và khi đọc cuốn trường thiên tiểu thuyết *Xóm cầu Mối*, người ta sẽ thấy, qua cảnh khốn khổ nhưng khôi hài của một đám dân trong xóm nhỏ, người ta sẽ thấy Nhất Linh mỉm cười. Phải giấu lòng yêu nhân loại mới có nụ cười đó.

Một vài nét về chân dung Nhất Linh

Con người

Ít khi tôi gặp một người bình dân như Nhất Linh. Dù ông nói chuyện với một văn sĩ trứ danh, một anh bán phở, một lãnh tụ chính trị hay một cậu bé con, ông vẫn giữ thái độ giản dị, hoà nhã.

Hồi còn báo *Văn hoá ngày nay*, Nhất Linh bàn cãi với Duy Lam và tôi – chúng tôi rất trẻ tuổi – coi chúng tôi ngang hàng. Trong những buổi họp ở Trung tâm Bút Việt, Nhất Linh bảo tôi gọi ông bằng “anh”, bởi vì theo Nhất Linh cùng là văn sĩ thì không còn coi nhau như chú cháu nữa. Khi đi đến nhà báo hay đến nhà in, Nhất Linh thường ngồi đằng sau cái xe Lambretta của tôi. Ông không thích xe hơi, không thích lái.

Nhưng Nhất Linh rất ghét xã giao, ghét lạc vào một phòng khách nói những chuyện thù tiếp. Trong những bữa tiệc đông người, Nhất Linh thường chỉ yên lặng cười và uống rượu.

Bề ngoài Nhất Linh tuy rất bình thân, hoà nhã, nhưng bên trong – theo lời Nhất Linh – thì nhiều lúc chứa những bão táp ghê gớm, những tư tưởng mà chính Nhất Linh cũng không ngờ tại sao ông lại có. Có lẽ vì có một tâm hồn dễ xúc động quá mực thường nên đôi khi Nhất Linh nổi giận một cách khác thường.

Để xúc động cũng tùy lúc. Có lần Nhất Linh tự dưng ôm mặt khóc, vô cớ, như để thoả mãn một nỗi ám ức không tên. Nhưng ở hội nghị Pháp - Việt tại Đà Lạt, khi Pháp ra những điều kiện gắt gao để bắt chẹt Việt Nam, khi hội nghị tan vỡ và viễn tượng chiến tranh hiện rõ, Nhất Linh đã nhỏ những giọt nước mắt yêu nước.

Một buổi trưa sau bữa cơm, hồi Nguyễn Tường Tam còn uống rượu, Nhất Linh đã trở vào buồng nằm, cửa đóng. Lúc đó thì một bà mà chúng tôi vẫn gọi là cô vì thân với gia đình, đến chơi. Bà tính ồn ào, vui vẻ, lúc nào cũng cười nói. Sau khi tán chuyện với chúng tôi, bà hỏi:

“Anh Tam đâu rồi? Chắc lại vào buồng nằm.”

Nói rồi bà vào phòng Nhất Linh, không gõ cửa như lệ thường ở nước mình, đẩy cửa vào.

Một lúc sau chúng tôi nghe thấy tiếng quát tháo của Nhất Linh rồi tiếng chai bị ném vỡ trên sàn nhà.

Nhất Linh nổi giận vì cô chúng tôi vào không gõ cửa! Mọi khi vào phòng Nhất Linh có bao giờ chúng tôi gõ cửa đâu!

Nhưng Nhất Linh quên giận rất nhanh chóng.

Hờn dỗi là một tính cố hữu của một vài người trong họ chúng tôi. Tôi còn nhớ hồi nhỏ chơi đùa với Duy Lam, nếu lỡ làm Duy Lam giận thì chúng tôi lại mất công dỗ Duy Lam cả ngày. Nhất Linh tuy không tỏ ra hờn dỗi ai, nhưng trong truyện của Nhất Linh các nhân vật hay hờn dỗi nhau. Họ thường hờn dỗi nhau vì họ yêu nhau. Có bao nhiêu xen Trương dỗi Thu, Thu dỗi Trương trong truyện *Bướm trắng*. Ngay trong cuốn *Xóm Cầu Mới* (chưa in) có nhiều đoạn Mùi dỗi ông anh họ Siêu, rớm máu trên da và để lòng nhẹ đi. Ngay cả Triết, em Mùi, cũng dỗi Mùi. Chắc Nhất Linh cũng cảm thấy tình cảm đó một cách thấm thía nên mới hay nhắc lại trong truyện của ông.

Làm việc

William Faulkner đã nói về người viết văn: “Văn sĩ có tài cần phải có 90% tài, 90% kỷ luật và 90% làm việc... Không bao giờ hoàn toàn hài lòng về cái mình viết vì lúc nào mình cũng có thể viết hơn được. Bao giờ cũng nhìn lên cao. Không để ý đến phải hơn các văn sĩ khác cùng thời hay các văn sĩ ngày xưa, chỉ cần phải hơn mình là đủ. Một nghệ sĩ là một nhân vật bị lôi cuốn bởi một con quỷ...” – tôi thấy câu này thực hợp với Nhất Linh khi ông làm việc.

Một hôm trời đẹp Nhất Linh tươi cười đưa cho tôi một chồng bản thảo cuốn truyện dài *Xóm Cầu Mới*. Những trang giấy trắng không kẻ hàng đóng thành từng tập dày, bìa đen, chứa đầy những dòng chữ nhỏ li ti, viết bằng mực xanh lá cây, xanh da trời, những chữ bị cắt thành từng gạch nhỏ, như ai đã cầm kéo cắt vụn và trải trên giấy, như đã bị những tư tưởng dồn dập và xao động đã đập tan, kéo dài thành những con đường chứa các hình ảnh, những bản thảo muốn chạy mau về một nơi nào. Và những dòng chữ đó nhiều nơi bị dập xoá, viết chồng lên, nhiều đoạn được viết lại.

Cuốn truyện này Nhất Linh đã viết năm sáu lần, bản thảo đã có khi bị mất nên Nhất Linh phải nhớ lại và viết lại. Theo tôi biết đó là tác phẩm cuối cùng của Nhất Linh. (Những lúc xa Nhất Linh tôi không được biết ông có sáng tác chuyện nào không).

Tôi yên chí đó là hình thức cuối cùng của cuốn truyện, tôi tưởng viết như thế là đã tới sự thăng bằng của tư tưởng, của văn, của chữ. Khi Nhất Linh trích những đoạn trong *Xóm Cầu Mới* để đăng thành truyện ngắn, tôi ngạc nhiên vì ông đã viết lại, thêm bớt, gọt dũa không biết bao nhiêu lần nữa. Và khi đã xếp chữ tại nhà in, Nhất Linh còn sửa đi sửa lại, cặp kính trắng hơi trễ trên mũi, tay run run cầm cái bút Parker 61, viết ngoằn ngoèo và nhanh. Ông thường khuyên tôi: “Chỉ cần thêm bớt một chút là truyện trở nên khác hẳn, nhưng cái khó là tìm ra phải thêm gì, phải bớt gì”. Tôi nghĩ có lẽ cũng như một bức tranh, một phong cảnh đẹp, nếu các phần tử hoà thuận với nhau, sẽ gây cho chúng ta những rung động. Văn sĩ dàn xếp các tiếng như một nhạc sĩ điều khiển âm thanh. Các tiếng, và cả các nhân vật nữa, khi gặp nhau sẽ có phản ứng, phản ứng mà văn sĩ đoán trước, nhưng không bao giờ biết trước được rõ ràng. Đó là một trong những cái bắt ngờ thú vị khi viết văn.

Nhất Linh thường làm việc rất khuya, có khi đến rạng đông. Nhất Linh làm việc một cách say mê, gần như quên hết các việc khác, quên khung cảnh chung quanh. Nhưng ông cũng hay dậy sớm ngồi hút thuốc lá trên cái ghế vải, nhấm nháp chén trà tàu. Ông thích viết trên giấy trắng không kẻ hàng, nhưng dòng chữ của Nhất Linh vẫn chạy thẳng chữ không bay lên hay chúi xuống. Ít khi ông viết ở bàn viết, ông hay viết ngồi trong cái ghế vải.

Ông thường suy nghĩ rất nhiều về một truyện muốn viết, suy nghĩ một cách đại cương, về một vài xen, nhân vật. Rồi khi viết thì ông chỉ việc tả các nhân vật, đã được định rõ ràng, muốn sống ra sao thì sống, vì vậy có nhiều biến chuyển bất ngờ có khi đổi hẳn cốt truyện. Những điều này Nhất Linh đã viết thành sách để dựng một lý thuyết về cách viết văn.

Nhất Linh có những sáng kiến bất ngờ và những sáng kiến đó dồn dập đến. Một hôm bị giục gấp quá, tôi đưa cho Nhất Linh một mẫu mà tôi định làm thành truyện ngắn, mẫu đó không có đầu không có đuôi. Nhất Linh đọc xong, cầm bút viết thêm một chút để cho có kết cục, sửa vài đoạn để cho có mạch lạc, rồi đặt thành một mục mới cho *Văn hoá ngày nay*: mục “Chàng và Nàng”. Đó chỉ là một mục vui vui, nhưng sau nhờ tài hài hước của Duy Lam mục đó đã được nhiều nữ độc giả viết thư đến “chửi” lại bọn con trai chúng tôi.

Những sáng kiến của Nhất Linh giúp rất nhiều về các truyện mà Nhất Linh sửa. Chỉ vài câu đặt lại, vài đoạn cho lên cho xuống, truyện tự nhiên đổi khác hẳn đi, rõ ràng hẳn lên.

Thường Nhất Linh rất ghét các câu quá “Tây”, những câu bí hiểm đầy chữ khó hiểu, những câu sáo rỗng. Ông chủ trương một lối văn hoàn toàn Việt Nam và thực giản dị.

Vài tài nhỏ

Nhất Linh có tài leo núi, kiếm lan. Ông thấy leo lên thì dễ mà xuống thì khó. Tuy đã lớn tuổi nhưng ông còn rất nhanh nhẹn, nhiều người trẻ tuổi không theo kịp ông. Ông có con mắt tinh, tuy phải đeo kính, tìm thấy những cụm lan đẹp một cách nhanh chóng.

Dem lan về ông còn bày hoa vào những chậu, cho hoa mọc trên những mảnh gỗ mà ông đã chọn mãi để có một hình đẹp. Rồi ông treo tất cả ở trong phòng. Chỗ thì có lan thấp nhỏ, chỗ thì lan mọc thành những dây dài lòng thòng xuống, tất cả hợp lại thành một khung cảnh cảnh lan thực đẹp.

Nhất Linh vẽ cũng khá. Ông đã thi đỗ đầu vào Trường Mỹ thuật Hà Nội mà ông theo học một năm để đổi sang học về khoa học ở Pháp. (Ông đỗ cử nhân khoa học sau một năm học nhờ trí thông minh và cũng nhờ một sự cho phép đặc biệt nhảy qua năm học. Nhưng Nhất Linh không dùng tài vẽ của ông để thành họa sĩ. Ông chỉ dùng trong báo chí. Tất cả bìa *Văn hoá ngày nay* đều do Nhất Linh vẽ. Cũng có lần nhờ tài vẽ để kiếm ăn: khi Nhất Linh lưu lạc ở Cao Miên và Sài Gòn, ông đi vẽ phong các rạp hát.

Nhất Linh có nói là Nhất Linh biết nấu mấy món ngon. Tôi chưa được Nhất Linh cho thưởng thức tài làm bếp của ông. Nhưng tôi có được biết tài rửa bát của Nhất Linh. Bát nào cũng sạch sẽ, khô ráo và sáng tinh.

Trí nhớ và sự khiêm tốn không cho tôi nói nhiều về một người chú mà tôi kính mến. Đáng lẽ tôi phải nói vài tật xấu để cho rõ chân dung Nhất Linh hơn, nhưng tôi xin thú thực sau bao nhiêu năm ở gần Nhất Linh tôi chưa được biết một tính xấu nào của Nhất Linh. Đã có một dạo cứ mỗi buổi chiều Nhất Linh lại say rượu. Nhưng ông uống rượu chỉ để cho dễ ngủ, và lúc say ông chỉ ngồi im nghĩ ngợi trong căn phòng không có ánh sáng. Nhưng ông cũng bỏ được thói xấu đó và thay rượu bằng một buổi tập thể dục trước cửa sổ.

Thời gian sẽ xoá dần kỷ niệm con người Nhất Linh. Nhưng qua các tác phẩm của ông, qua các dòng chữ nói những câu quen thuộc, qua những nhân vật sống, yêu, ghét nhau, qua những tư tưởng trong các trang giấy, người ta sẽ biết một phần chính Nhất Linh, một phần mà tôi mong sẽ bền Meursault.

Mẹ tôi kể về Tự lực văn đoàn: "Những người mất cả vốn lẫn lời" Nghiêm Đa Văn ghi

LTS: Nhân kỷ niệm 80 năm phong trào Thơ mới và ngày thành lập tổ chức văn học Tự lực văn đoàn, hội Nghiên cứu và giảng dạy văn học đại học Sài Gòn, khoa văn học và ngôn ngữ đại học Khoa học xã hội và nhân văn khoa ngữ văn đại học Sư phạm Sài Gòn và tạp chí Thế giới mới dự định mở tọa đàm "Phong trào Thơ mới và Tự lực văn đoàn – 80 năm nhìn lại" vào cuối tháng 9.2012. Chúng tôi xin trích đăng một bài viết có tính tư liệu độc đáo về xuất thân của các

tay bút chủ lực của Tự lực văn đoàn do cố nhà văn Nghiêm Đa Văn ghi lại từ lời kể mẹ của nhà văn Khái Hưng.

Tựa bài là: Mẹ tôi kể về Tự Lực văn đoàn: "Những người mất cả vốn lẫn lời".

Mẹ tôi là con gái út cụ Cử Tiết : Nguyễn Đức Tiết . Ông ngoại tôi đỗ tiến sĩ đời Đồng Khánh, nhưng không thích mọi người gọi là ông Nghè, vì ông không nhận mũ, mãng vinh quy của ông vua mới do Tây dựng lên, mà theo hịch của ông vua cũ : Hàm Nghi thời ông đỗ Cử nhân, trường Nam. Ông ngoại tôi có ba người bạn đồng khoa : cụ Cử Nguyễn làng Xuân Cầu, cụ Cử Đặng làng Hành Thiện, cụ Cử Trần làng Cổ Am. (ông ngoại tôi là người làng Diêm Điền)

Tình bằng hữu của các cụ nhà nho ngày xưa rất đặc biệt . Ông ngoại tôi theo cụ Tán Thuật làm quân sự trong cánh quân Sơn Nam hạ của cụ hiệp trấn Kinh Bắc Tạ Quang Hiện, dân gian gọi chủ tướng là Đề Hện, gọi quân sự là Đốc Tít.

Còn cụ Cử Nguyễn làng Xuân Cầu bỏ quan đi dạy học. Cụ Cử làng Hành Thiện theo quân triều đình làm tham tán quân vụ . *Cụ Cử làng Cổ Am thi đi làm quan*. Mỗi người một chí hướng, mỗi người một cảnh ngộ nhưng tình bạn trước sau như một. Cụ Cử Trần làng Cổ Am làm quan đến tổng đốc đã nhận các con bạn "làm giặc" về nuôi là con, cho ăn học thành tài.

Mẹ tôi kể : Cụ Cử Hành Thiện có các con trai là cậu Khóa Thiệu, cậu Khóa Khu ; cụ Cử Xuân Cầu có bác giáo Hoan ; ông ngoại tôi có bác Khóa Cảnh ; *cụ Cử Cổ Am có cậu Tú Dzur*, cậu giáo Tiêu... Khi cụ tuần Trần Mỹ (tức cụ Cử Cổ Am) trị nhậm ở Thái Bình, Nam Định. tất cả các bác, các cậu đều về ở nhà cụ và học ở trường Thành Chung Nam Định, trừ một vài người đổ vào trường bảo hộ tức trường Bưởi Hà Nội.

Người sớm có chí lo việc "quốc sự" là cậu Tú Dzur , tức Trần Dzur . Trần Dzur chống lại quyết định của bố, không chịu vào trường Hậu bổ, đào tạo các quan tri huyện. Vì trái ý cha, cậu Tú Dzur bị cắt hết trợ cấp . Cậu ám con quan bị đẩy ra cuộc đời với hai bàn tay trắng, khi tuổi đời chưa tới hai mươi. Tú Dzur bôn ba Hà Nội, Hải phòng tìm bạn cùng chí hướng . Sau nhiều tháng thất nghiệp đói rét, Tú Dzur xin một chân thư ký một đại lý bán dầu hỏa ở huyện Cẩm Giàng và thị trấn Ninh Giang, trên đường quốc lộ nối liền Hà Nội - Hải phòng. Tại nơi này Tú Dzur gặp một người bạn dân gốc Quảng Nam, cả gia đình ra Bắc theo sự chuyển nhiệm sở của người cha, giữ một chức quan nhỏ. Cha chết , cả nhà ở lại . Người bạn đó là Tam. Tam có hai người em là Lân và Long. Lúc bấy giờ anh Tam đã bắt đầu viết vài ba bài báo in trong tạp chí của ông Phạm Quỳnh và đã in một cuốn sách nhỏ, Lân và Long còn đi học .

Mấy anh em thường quây quần bàn chuyện quốc sự, tức là việc ái quốc chống Pháp như tất cả các thanh niên có khí huyết hồi đó . Vì ý nguyện yêu nước mà cậu Tú Dzur nhận tên mình trùng với tên một danh tướng nhà Trần nên bỏ cách đặt tên ""Trần Cộc" tức là họ Trần không có tên lót hay tên đệm, tự đặt cho mình cái tên lót "Khánh" trở thành Trần Khánh Dzur. Lấy việc bán dầu hỏa giống với việc bán than chờ thời để tỏ ý nguyện và cái chí của mình.

Làm thư ký đại lý bán dầu hỏa một thời gian. Tú Dzur cùng ba anh em Tam, Lân, Long lên Hà Nội góp tiền mở một hiệu ảnh ở trước cửa chợ Đồng Xuân, đặt tên hiệu ảnh Hương Ký. Những người trẻ nhiều mơ mộng muốn cái việc chớp hình của mình ghi lại cái đẹp nhất của tục vật, cái hương của đời. Để thêm người làm việc , cậu Tú Dzur vào Nam Định rủ thêm Cảnh là em nuôi, Tiêu là em ruột lúc bấy giờ bị đuổi khỏi trường Thành chung vì tham gia phong trào bãi khóa đòi thả cụ Phan Bội Châu và để tang cụ Phan Chu Trinh.

Mấy anh em tập trung vừa làm thấy vừa làm tở ở hiệu ảnh Hương Ký nhỏ bé.

Cánh Nam Đồng thư xã của Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu, Phạm Tuấn Tài, Trần Huy Liệu, Nguyễn Phương Thảo... tìm đến bàn việc quốc sự với nhóm Hương Ký. Cảnh ly khai các anh theo nhóm Nam Đồng thư xã với chủ nghĩa Tam Dân : Dân tộc : độc lập, Dân quyền : tự

do, Dân sinh : hạnh phúc, do ông Tôn Dật Tiên (bên Tàu) đề xướng . Còn anh em trong nhóm Hương Ký rất mê Thế kỷ ánh sáng của các triết gia Đức, Vôn-te, Montesquieu ...

Cảnh vì giỏi tiếng Quan Thoại và nói được tiếng Quảng Đông được cử đi học thêm về chủ nghĩa Tam Dân ở Quảng Châu. Tại đây, Cảnh gặp Đinh Chương Dư, giới thiệu với Hồ Tùng Mậu và cử vào học lớp chính trị của Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội do Nguyễn Ai Quốc tổ chức. Vài năm sau, Cảnh tham gia lập Đảng Cộng Sản Đông Dương với chi bộ nòng cốt bảy người ở 5D Hàm Long Hà Nội. Đây là chuyện của lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Nhóm Nam Đồng thư xã hoàn chỉnh học thuyết của mình thành lập Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức cuộc khởi nghĩa Yên Bái chấn động lịch sử vào cuối năm 1929. Đảng Cộng Sản Đông Dương phát động phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh . Cả hai phong trào đều bị chìm trong bể máu của khủng bố trắng.

Nhưng anh em trong nhóm Hương Ký vẫn kiên quyết theo đuổi đường lối quốc sự riêng của mình. Họ làm quen thêm với một sinh viên Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ghi tên học theo thể thức dự thính là Lễ , và một công chức Sở Tài chính là Hiếu, sau này kéo thêm một viên chức nhà Đoan là Diệu. Họ quyết tâm và đầy tự tin tiến hành một cuộc cách mạng văn hóa, cách mạng thơ ca , cách mạng văn chương, cách mạng lối sống... Vũ khí họ chọn là ngòi bút. Lịch sử 80 năm qua cho rằng họ thiếu dũng khí không dám cầm súng... Tài chính của họ là những đồng tiền ít ỏi góp nhặt từ những chiếc túi rách đời học sinh, gia sư , công chức hạng bét. Họ là những thanh niên vừa ở tuổi hai mươi , hầu hết vô danh, có người ngoài bài luận văn ở trường , chưa hề viết một bài thơ, một đoản thiên.

Họ góp tiền lại mua một "măng sét" (tên báo) của một anh chàng nhà giàu làm báo để mua danh : Báo Phong Hóa .

Với công cụ là một tờ báo vốn sinh ra là tờ lá cải, họ đã vươn lên thành trụ cột của phong trào Thơ Mới , xây dựng nền văn chương tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.

Chàng sinh viên học thính thị Cao đẳng Mỹ thuật tên Lễ đã trở thành con hổ nhớ rừng và là vị chủ soái Thẻ Lữ của phong trào Thơ Mới . Anh chàng thư ký nhà Đoan tên Diệu trở thành nhà thơ Xuân Diệu , người tình h muôn thuở của thi ca Việt Nam. Xuân Diệu kéo thêm một người em nuôi, người bạn chí cốt một kỹ sư canh nông, sau thành nhà thơ Huy Cận.

Anh cử nhân toán lý tên Tam thành ra nhà văn Nhất Linh, nhà chính khách Nguyễn Tường Tam. Cậu Tú Dzur, làm "tự mê" cái tên Khánh Dzur thành Khải Hưng : trở thành hai cây đại thụ góp phần đặt nền móng eho nền tiểu thuyết hiện đại của lịch sử văn chương Việt Nam.

Cậu Long, sinh viên khoa luật, trở thành nhà văn Hoàng Đạo, nhà lý của nhóm, nhà văn luận đề đầu tiên của dòng tiểu thuyết luận đề Việt Nam. Cậu Lân trở thành nhà văn Thạch Lam, một trong những bậc thầy của truyện ngắn Việt Nam. Cậu giáo Tiêu, trung thành với truyền thống "Trần Cộc" không tên đệm thành nhà văn Trần Tiêu, nhà văn viết tiểu thuyết đầu tiên của Việt Nam mô tả cái hồn của đời sống nông thôn.

Thấy ký sở Phi Năng tên Hiếu. họ Ngô, đệm Trọng trở thành thơ trào phong nổi tiếng : Tú Mỡ nổi nghiệp Tú Xương .

Nhóm Phong hóa lập nên "Tự Lực Văn Đoàn" là một văn đoàn lớn , không nhận tài trợ của bất cứ ai, lập giải văn chương, giải thưởng khẳng định các tài năng văn học Việt Nam như Anh Thơ, Tế Hanh, Nguyên Hồng, Đỗ Đức Thu, Đỗ Tôn...

Sau này, Tự Lực Văn Đoàn ra tờ Ngày nay và nhà xuất bản Ngày Nay. Phần lớn những tác phẩm quan trọng nhất của lịch sử văn học Việt Nam đã ra mắt bạn đọc trên các tờ Phong Hóa. Ngày Nay. nhà xuất bản Ngày Nay .

Con cái của bốn người bạn đồng khoa ngày nào, riêng Khóa Cảnh tức Nguyễn Đức Cảnh, bị thư cộng sản đầu tiên của Hải phòng, Quảng Ninh , lãnh đạo phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh , bị tử hình cũng là một thà thơ cách mạng. Giáo Hoan sau kết giao với nhà xuất bản Tân Dân,

Tiểu thuyết thứ bảy thành nhà văn Nguyễn Công Hoan; Khóa Thiếu, khóa Khu là Đặng Xuân Thiều, Đặng Xuân Khu là những nhà thơ cách mạng . Riêng Đặng Xuân Khu có bí danh là Trường Chinh, khi làm thơ ký tên Sóng Hồng .

Mẹ tôi bảo, các cậu, các bác không chỉ là con cái của bạn đồng khoa mà đều có họ hàng đằng mẹ với nhau. Vì theo lệ của các bậc khoa bảng Bắc Hà, khi thành đạt, họ thường được cha mẹ kén cho những người vợ ở làng Cổ Am. Đất Cổ Am có tiếng "đề" ra quan. Dân gian vì thế có câu : "VÚ ĐỒ SƠN, L... CỔ AM". Ba người bạn đồng khoa đều lấy con gái nhà họ Trần, một họ lớn của làng Cổ Am do chính bạn mình là cụ Cử Trần Mỹ mời lái.

Nhắc lại chuyện cũ, mẹ tôi thường thờ dài và cười :

- Hồi ấy, để có tiền mua bằng hiệu "nhật trình" Phong Hóa, các bác, các cậu "ăn dỡ" đám các chị em gái. Cậu Tú Dzur lột của tao đôi khuyên vàng , một bộ xà tích vàng... hứa là khi nào làm ra, ăn nên sẽ trả nhưng cho tới nay, tao mất cả vốn lẫn lời.

Không chỉ mẹ tôi mất cả vốn lẫn lời mà tất cả những người thân của mẹ tôi, những người lập nên Tự lực văn đoàn đều mất cả vốn lẫn lời như mẹ tôi. Chỉ có nền văn hoa dân tộc là được những viên gạch đặt nền móng cho nền văn chương hiện đại. *Nhưng sau này những người xây lâu đài trên nền móng đó vẫn chưa thực sự công nhận những viên gạch đó là nền móng văn chương nước nhà.*

Mẹ tôi là con gái út của cụ Cử Tiết, là em út của tất cả những người anh cùng họ bên ngoại làng gốc Cổ Am. Mẹ tôi là Thừa, Nguyễn Thị Thừa. Mẹ tôi đã kể những chuyện này.

Bài đăng Văn học & Dư Luận số 5-1992

Nguồn: Blog Nhật Tuấn